

Phước Huệ tập 5

福慧集 (五)

Thích Hậu Quán

釋厚觀 著述

Việt dịch:

Thích Vạn Lợi, Thích Lệ Trúc, Thích Vạn Nghĩa

越南文翻譯：

釋萬利，釋麗竺，釋萬義

Printed for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11th Floor, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

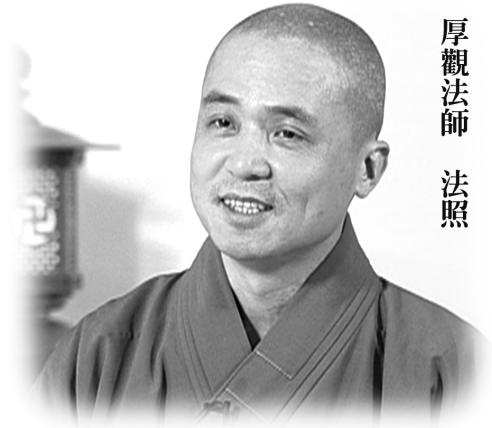
This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

KINH ẮN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Lời ngỏ

Thích Hậu Quán

Cuốn sách “Phước Huệ” tập 5 phát hành lần này bao gồm 18 câu chuyện nhà Phật, trong đó có các nội dung rất sinh động đầy ý nghĩa và ngụ ý thâm thúy nói về nhân quả nghiệp báo, bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ và phá trừ tham lam, kiêu mạn v.v...



Trong câu chuyện “người kiêu căng ngạo mạn như người mù cầm đuốc” có nói đến một người cho rằng tự mình học rộng hiểu nhiều mà ngạo mạn tự đại, thậm chí ban ngày cầm đuốc đi ra ngoài đường, rồi chê cười người khác: “loài người trên thế giới này quá ngu si, vì thế ta cầm ngọn đuốc để chiếu sáng họ!”. Đức Phật vì muốn hóa độ ông ấy nên đưa ra một số câu hỏi, nhưng

ông ấy không thể trả lời. Đức Phật giảng dạy cho ông ấy: “Cho dù bạn có uyên bác thế nào, nhưng nếu tự kiêu tự đại và xem thường người khác, cũng giống như một người mù cầm nến, cho dù có thể chiếu sáng cho người khác, nhưng lại không thể soi sáng cho bản thân mình”. Điều này nhắc nhở cho chúng ta: học vấn là để thanh tịnh hóa thân tâm mình, đem lại lợi ích cho mọi người, đâu phải dùng nó làm hào quang cho bản thân và khinh chê, kiêu mạn đối với người khác.

Nếu có người keo kiệt không muốn cho đi, thì chúng ta thường trêu họ: “đồ nhỏ mọn, cho đến một cộng lông cũng không chịu bỏ ra!” Trong câu chuyện “tham lam vô độ, mọi người không yêu mến” có nhắc đến câu chuyện “một cộng lông cũng không chịu bỏ ra”, ngoài ra đức Phật còn dạy về mười yếu tố mà mọi người luôn ghét bỏ. Khi đọc giả xem xong câu chuyện trên thì trong lòng sẽ tự nhiên có được nụ cười an lành tâm hồn khai mở.

Còn trong câu chuyện “kẻ trộm mùi hương” nhắc đến một vị Tỳ kheo đi kinh hành quanh hồ sen, người thấy hương hoa sen trong lòng rất là hoan hỷ, nên người

thêm rất nhiều. Lúc đó, thần hồ trách vị Tỳ kheo ấy rằng: “thầy sao không ngồi thiền tĩnh tọa tu tập mà đến đây ngửi trộm mùi hương của tôi?” Vị thầy cảm thấy rất uất ức nhưng không cách nào giải thích được, giống như tú tài mà gặp nhà binh, biết là đúng nhưng không nói nên lời. Lúc đó, có một người khác lại nhảy xuống hồ quậy phá, không chỉ bẻ hoa mà còn đào bới luôn cả gốc rễ, sau đó bỏ đi; nhưng thần hồ lại không nói một tiếng nào. Vị thầy cảm thấy rất kì lạ, hỏi thần hồ: thế nguyên nhân cụ thể là gì mà như vậy? Thần hồ nhắc nhở vị thầy, người tu hành phải tự tôn, tự trọng thanh khiết chính mình, giống như người mặc áo trắng tinh, chỉ cần một vết mực đen, thì mọi người nhìn thấy rất rõ; giả sử có vi phạm một lỗi nhỏ như cọng tóc, nhưng dưới đôi mắt của mọi người nhìn thấy, thì nó trầm trọng như núi Thái Sơn. Vì thế, chúng ta cần phải đặc biệt cẩn trọng, không nên có một chút gì ô nhiễm, cũng không làm cho người khác hiểu lầm phê phán. Nên giữ gìn sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý), điều không phải thì không nhìn, không nghe, không ngửi, không thương thức, không xúc chạm và không nghĩ ngợi.

Đừng có nghĩ rằng chỉ tham ngửi mùi hương nhiều hơn mà không có ảnh hưởng gì. Nên biết rằng: một khi cửa đã mở ra, thì bao nhiêu phiền não cũng dễ dàng phát khởi.

Trong truyện “Vị tiên nhẫn nhục” có ghi chép, xưa kia đức Phật Thích Ca lúc tu đạo Bồ tát, từng là một vị tiên tu hành nhẫn nhục được mọi người gọi vị tiên ấy là “vị tiên nhẫn nhục”. Vị tiên nhẫn nhục tuy bị vua Ca Lợi cắt đứt hai tay, hai chân, đôi tai và lỗ mũi, nhưng không khởi tâm sân hận, mà ngược lại còn phát nguyện nếu sau khi tu hành thành Phật thì trước tiên hóa độ quốc vương và ông nói với nhà vua: “Vua dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhiên nhẫn chịu. Sau khi ta thành Phật rồi, ta sẽ dùng dao chặt đứt nguoi. Nhưng ta sẽ không dùng con dao bình thường mà là dùng con dao trí tuệ; Không phải ta chặt đứt đi thân thể ông, mà ta sẽ dùng dao trí tuệ để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ông.” Nhà vua nghe như thế cảm động vô cùng, liền xin sám hối với vị tiên nhẫn nhục và thỉnh mời về cung thuyết pháp. Ngoại đạo thấy sự đăi ngộ đặc biệt của nhà vua đối với vị tiên

như thế, trong lòng sinh tâm đố kỵ, họ ản núp vào nơi bí mật, lén dùng đất đá phân uế ném vào vị tiên. Nhưng ông tiên không có nóng giận mà còn nói với họ: “Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng nước giáo pháp rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các ngươi, để các ngươi được mãi mãi trong sạch”.

Trong “Kinh La Vân nhẫn nhục” có nói đến, vào một ngày nọ Ngài Xá-lợi-phất và La-Hầu-la vào thành khất thực nhưng gặp phải một người xấu, người này cố ý bóc một nắm đất cát bỏ vào bình bát của Ngài Xá-lợi-phất và còn lấy đá chọi vào đầu của La-hầu-la, làm cho máu chảy đầy mặt. Ngài Xá-lợi-phất đem lời dạy của đức Phật an ủi La-hầu-la: “Bản thân là đệ tử Phật, phải cẩn thận, không được khởi lên niệm ác, mà nên dùng lòng từ bi để thương xót chúng sinh. Thế Tôn thường nói: ‘Người nào nhẫn nhục, người đó sẽ có được niềm an lạc thật sự bền vững. Và chỉ là người trí, mới có thể làm được.’” Sau đó thầy trò trở về tinh xá đem câu chuyện này thưa với đức Phật, được Ngài chỉ dạy: “nhẫn nhục là ngôi nhà an toàn nhất, là chiếc áo

giáp kiên cố, là thuốc lành trị được bệnh sâu hận. Tuy sức mạnh của Thiên thần, rồng voi rất lớn, nhưng không bằng sức mạnh của sự nhẫn nhục.” Người trí thật sự mới có đủ sức an nhiên nhẫn chịu chân chính, điều đó mới đem lại sự an lạc bền vững nhất. Nếu như phiền não của bản thân quá nặng, cũng không nên khởi tâm sâu hận đối với người khác. Còn nếu như đối với những người thanh tịnh mà có ác ý hủy báng họ, thì chính cũng giống như cầm đuốc mà đi ngược chiều gió, sẽ bị đốt cháy chính người cầm đuốc. Cũng giống như ngược mặt lên trời mà phun nước miếng, thì những thứ ô uế đó sẽ rơi vào chính gương mặt của mình. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta có khi gặp phải sự hiểu lầm, chê trách hoặc đánh đập làm cho không thể nhẫn nhịn, thì hai câu chuyện “Vị Tiên Nhẫn Nhục” và “Kinh La Vân Nhẫn Nhục” đáng để chúng ta tham khảo.

Còn câu chuyện “Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử” là nói đến người ngu si không biết chánh pháp sẽ đọa vào sáu cõi luân hồi, không biết đến

bao giờ mới xuất ly Ta bà đạt được giải thoát, vì thế khẳng định “người ngu si khó thoát khỏi con đường sinh tử”. Trong câu chuyện có một người đến thưa đức Phật: “trong tương lai có bao nhiêu người thành Phật?” Đức Phật dạy: “trong tương lai người thành Phật có số nhiều như số cát sông Hằng.” Sau đó người này nghĩ: “vì tương lai còn có rất nhiều Phật như vậy thì ta còn nhiều cơ hội, không vội vàng gì cả!” Nhưng khi đi về được vài bước thì đột nhiên nghĩ:

“Ta chỉ thưa hỏi tương lai có bao nhiêu người thành Phật, mà quên chưa hỏi về quá khứ đã có bao nhiêu vị thành Phật rồi?” Vì thế, ông khẩn trương trở lại thưa đức Phật và nhận được câu trả lời: “quá khứ cũng có số người thành Phật nhiều như số cát sông Hằng.” Người này có thiện căn sâu dày, nên liền tỉnh giác: “Những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao mình vẫn không gặp; hoặc cũng đã từng gặp, nhưng tại sao mình vẫn luân hồi trong tam giới lục đạo? Nếu như hiện tại không nắm bắt cơ hội này tinh tấn tu hành thì đợi đến lúc nào nữa đây?”

Vào thời đại đức Phật, có không ít người xuất gia với trí tuệ cao siêu phản ứng mãnh liệt, nhưng cũng có một số ít vị với tư chất ngu đần, như Ngài Châu Lợi Bàn Đạc. Ông được đức Phật và 500 vị A La Hán giáo hóa giảng dạy trong ba năm nhưng một bài kệ ông cũng không nhớ nổi. Nhưng sau đó Ông được giác ngộ chứng quả A-la-hán, nếu chúng ta muốn biết nguyên nhân trong đó như thế nào thì xin xem bài “quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành thì đứng đầu”.

Ngoài ra trong tác phẩm còn có những câu chuyện với hàm ý thâm thúy nội dung phong phú, xin mời quý độc giả tự mình thể nghiệm.

*Phật học viện Phúc Nghiêm, ngày 03,
tháng 01, năm 2016.*

Mục lục

● ...Lời ngỏ	3
● ...Người Kiêu Căng Ngạo Mạn Như Người Mù Cầm Đuốc	13
● ...Mưa Nhiều Đúng Lúc Cho Ngũ Cốc Tốt Tươi	19
● ...Tham Lam Vô Độ, Mọi Người Không Yêu Mến.....	27
● ...Phóng túng cuồng loạn không gì hơn tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ nó	36
● ...Phật Dùng Ví Dụ Giáo Huấn La Vân Không Nói Dối.....	48
● ...Kẻ trộm hương	59
● ...Vị tiên nhẫn nhục	66
● ...Kinh La Vân nhẫn nhục	78
● ...Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử	91
● ...Thân người khó đực, như con rùa mù chui vào lỗ của miếng gỗ trôi	102
● ...Muốn thoát cái khổ thân này, nên mong cầu tịch tĩnh	109
● ...Kỳ Dạ Đa đuổi rồng ác, nghe nỗi khổ về sự sống lâu của ngựa quý	118
● ...Nhân duyên Úc Nhĩ vào thành ngựa quý tìm nước	127
● ...Đòi trước đòi sau, nghiệp quả kế thừa tiếp nối.....	136
● ...Nhân duyên của Tỳ kheo Hàng Long(Phần1).....	149
● ...Nhân Duyên của Tỳ Kheo Hàng Long (Phần2).....	166

- ...Quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành
thì đứng đầu 180
- ...Truyện Bồ tát Long Thọ..... 189

Người Kiêu Căng Ngạo Mạn Như Người Mù Cầm Đuốc

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích từ trang 578c đến trang 579a, tập thứ tư của “Đại Chánh Tạng” trong quyển “Kinh Pháp Cú Thí Dụ phẩm Đa Văn”.

Trước đây, đức Phật giảng pháp cho bốn chúng gồm Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, nam cư sỹ và nữ cư sỹ tại tịnh xá Mỹ Âm nước Câu-Thiểm-Di. Khi đó có một vị tu hành theo đạo Bà La Môn có kiến thức uyên bác, tinh thông vạn sự, đọc thông các loại kinh điển và am tường mọi chuyện trên thế gian. Nhưng người này rất kiêu căng ngạo mạn, tự cho rằng thiên hạ không ai bằng mình và luôn tìm kiếm đối thủ để so tài ở bất kỳ nơi đâu. Và cũng không ai dám đứng ra để đáp lại thách thức của anh ta.

Vào ban ngày, vị Bà La Môn này thường hay cầm đuốc đi giữa thành phố. Có người hỏi: “Tại sao giữa ban ngày lại phải cầm đuốc”?

Vị Bà La Môn ấy trả lời: “Người trên thế gian dốt nát và ngu muội quá, không nhìn thấy cái gì, cho nên ta phải cầm đuốc để soi sáng cho họ!”. Cứ như thế, anh ta đi khắp thế gian mà không ai dám đứng ra tranh luận cùng.

Đức Phật biết rằng vị Bà La Môn này kiếp trước thiện căn phúc đức đã chín muồi, có thể giáo hóa; nhưng do kiêu căng ngạo mạn, mua danh chuộc tiếng, không suy nghĩ về vô thường, mà tự phụ, phóng túng ngạo mạn. Nếu cứ tiếp tục như thế sẽ bị đọa vào địa ngục Thái Sơn, trải qua vô số đau khổ, lúc đó có muốn được cứu thoát, thì ngày đó e rằng cũng còn rất xa.

Thế là, Đức Phật bèn hóa thành một vị hiền triết, ngồi ở quán trong chợ, đợi khi vị Bà La Môn này đi qua, Ngài liền hỏi: “Tại sao ngươi muốn làm như thế”?

Vị Bà La Môn trả lời: “Vì chúng sanh trên thế gian đều ngu muội, bất kể là ngày hay đêm đều không nhìn thấy ánh sáng, nhìn không rõ chân tướng của sự việc, cho nên ta cầm đuốc để soi sáng cho mọi người”!

Vị hiền triết lại hỏi: “Trong kinh có 4 loại minh pháp, ngươi biết không”?

Vị Bà La Môn trả lời: “Không biết. Thế cuối cùng là có 4 loại minh pháp gì”?

Vị hiền triết nói: “4 loại minh pháp này gồm: Thứ nhất phải thông hiểu thiên văn, địa lý, biết về sự điều hòa giữa bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông; Thứ hai: Phải hiểu về chiêm tinh học, có thể phân biệt ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; Thứ ba: phải hiểu về phương pháp trị vì đất nước, giáo dục dân chúng, phải có phương kế lãnh đạo; Thứ tư: phải hiểu được cách thức dùng binh, bảo vệ biên cương vững chắc. Người là người Bà La Môn, vậy có biết đến 4 loại minh pháp này không”?

Vị Bà La Môn trong lòng cảm thấy vô cùng xấu hổ, tự cảm thấy thua kém, liền ném đuốc xuống đất, cung kính chấp tay sám hối trước đức Phật.

Đức Phật biết vị Bà La Môn này tâm ý tốt, nên biến trở lại thành Phật, tướng mạo trang nghiêm phổ chiếu ánh hào quang và dùng Phạm âm thanh tịnh mà nói với vị Bà La Môn rằng: “Chắc người đã nghe nói, tự cao, tự đại cũng giống như cây nến, chỉ có thể chiếu sáng người khác mà không thể chiếu sáng cho bản thân”.

Ý nghĩa của câu kệ trên là:

“Cho dù bạn có uyên bác thế nào, nhưng nếu tự kiêu tự đại và xem thường người khác, cũng giống như một người mù cầm nến, cho dù có thể chiếu sáng cho người khác, nhưng lại không thể soi sáng cho bản thân mình”.

Đức Phật nói: “Trên thế gian cũng không có ai dốt nát và ngu si hơn người, đó là cầm đuốc đi trong thành giữa ban ngày. Thực ra những điều người biết, chẳng qua cũng chỉ là hạt bụi nhỏ mà thôi”!

Vị Bà La Môn sau khi nghe giảng xong, cảm thấy xấu hổ không để đầu cho hết. Sau đó, ông ta liền đánh lễ với Đức Phật và nguyện làm đệ tử của Người.

Đức Phật rất từ bi nên đã thu nhận anh ta làm đệ tử. Lúc này Sa môn tâm khai ý giải, chấm dứt vọng niệm và đắc quả A la Hán.

Câu chuyện trên đáng để chúng ta cảnh tỉnh:

Việc học tập, nghiên cứu triết lý là dùng để tịnh hóa tâm thân, có lợi cho mọi người, chứ không phải dùng điều đó để khoác lác, ngạo mạn, khinh thường người khác!

Đạo sư Ấn Thuận khuyên chúng ta rằng: “Cần sử dụng học vấn, chứ không để bị học vấn sử dụng mình. Học vì muốn thanh tịnh tâm mình, học vì muốn giúp cho người khác, chứ không phải là thứ học vấn thông thường.

Nếu chỉ tích lũy kiến thức, mà không suy nghĩ, có hành vi phản tỉnh, (bỏ) lại chính mình, không thay đổi tính khí của bản thân, nhiều lắm thì cũng chỉ trở thành học giả, chứ không thể trở thành thánh nhân. Chúng ta đừng lầm lẫn xem học giả như là thánh nhân. Chúng ta đã học được thì phải đem ra dùng, cũng giống như con tằm ăn lá dâu thì phải nhả tơ. Nếu tằm ăn lá dâu, mà lại cũng nhả ra lá dâu, thế thì còn tác dụng gì? Cho nên, nếu chỉ là học và nhớ, thì cũng chỉ là “trí tuệ bẩm sinh” thông thường mà thôi. Phải tin tưởng nhân quả, phải tin tưởng không hoài nghi đối với Tam Bảo, Tứ Đế, Duyên khởi, Vô ngã, Thánh Đạo, mới có thể có được quyết tâm giải thoát. Như vậy mới là “do học hỏi mà sinh trí tuệ” như Phật giáo đã nêu.

Trong kinh luận cũng nhắc tới: “Nếu chỉ có sự nhận thức thông thường, không có sự tin tưởng thanh tịnh,

như vậy là có tri thức mà không niềm tin, chỉ càng khiến tà kiến tăng thêm. Còn nếu có niềm tin nhưng không có tri thức, thì lại càng thêm dốt nát.” Cho nên, hy vọng mọi người tiếp cận với bậc thiện tri thức, nghe chính pháp, tư duy theo chân lý, rồi thực hành theo pháp, để có thể tịnh tâm, giải thoát chính mình, và cũng khiến chúng sinh có thể đạt được sự giải thoát.

Những điều trên xin được chia sẻ cùng quý vị!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 8 tháng 6 năm 2013*

Mưa Nhiều Đúng Lúc Cho Ngũ Cốc Tốt Tươi

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi xin chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích từ trang 225a~b trong “Đại Trí Độ Luận”, tập 25 của “Đại Chánh Tạng”.

Khi Phật sống tại Xá Vệ Quốc, có khoảng thời gian thường đến nhà của Bà La Môn Đỏa-thệ để khát thực. Ban đầu vị Bà La Môn cũng cho Ngài, nhưng sau vài lần thì trong lòng của người này cảm thấy không vui. Ông thầm nghĩ rằng: “Vị tu sỹ này tại sao thường tìm đến nhà của ta? Hình như tôi thiếu nợ ông ấy rất nhiều vậy”?

Đức Phật hiểu điều ông nghĩ, đã khéo léo nói hai bài kệ như sau:

“Mưa rơi nhiều đúng lúc cho ngũ cốc tốt tươi. Làm phúc thường xuyên, sẽ luôn nhận phúc báo”. Chữ “nhiều” có nghĩa là thêm một lần, thường xuyên. Tức mưa nhiều thì ngũ cốc tốt tươi và cho thu hoạch sản lượng cao; thường xuyên làm phúc thì mới nhận được

phúc báo.

(Ý của đức Phật là: Bạn đừng nghĩ rằng tôi đến đây để đòi nợ bạn! Nếu bạn muốn thu hoạch nhiều ngũ cốc, thì một hai giọt mưa ấy đã đủ chưa? Không phải như thế! Phải thường xuyên có mưa đúng lúc thì mới được! Bạn đã bố thí một lần, thì sẽ được báo phúc một lần; thường xuyên bố thí thì sẽ được nhiều phúc báo. Tôi đến đây khát thực nhà bạn, tức là cho bạn cơ hội để làm phước, đừng cho rằng tôi đến đòi nợ, cho nên cần phải vui mừng vì được bố thí.).

Đức Phật lại nói: “nhiều lần sinh ắt nhiều lần tử; Thánh pháp đạt được nhiều thì còn ai chịu nhiều sinh tử?”

Là con người nhất định ai cũng sẽ phải chết, lại đến Tam giới thọ sinh và lại chết. Tức khi làm bố thí sẽ đạt được phúc lạc ở trần gian, nhưng cũng vẫn ở trong sự luân hồi sinh tử của tam giới như cũ; Do đó việc tu phước đức vẫn chưa đủ, cần phải tu trí tuệ. Nếu thường xuyên tu theo Thánh đạo, một khi đã đạt rồi, thì hỏi: còn có ai phải quay về sự luân hồi sinh tử trong ba cõi Ta Bà mãi nữa.

Vị Bà La Môn sau khi nghe bài kệ của đức Phật, trong lòng nghĩ rằng: “Ngài quả là bậc Thánh nhân. Trong lòng tôi đang nghĩ gì, Ngài đều biết rõ.” Vị Bà La Môn cảm thấy xấu hổ, liền cầm bát của đức Phật vào trong phòng, múc đầy bát thực phẩm cho đức Phật.

Nhưng đức Phật không nhận và nói: “Sau khi ta đọc xong bài kệ thì mới có được số thực phẩm này. Hôm nay tôi không ăn thức ăn của người nữa! Nếu muốn cúng dường ta thì để sau này hãy tính.”

Vị Bà La Môn cảm thấy bối rối, liền hỏi đức Phật: “Thế số thực phẩm tôi đã chuẩn bị ra đây thì cho ai?”

Đức Phật nói rằng: “Ta chưa từng nhìn thấy trời hay người có thể tiêu thụ số thực phẩm này. Người hãy mang nó để ở nơi không có cỏ dại mọc, hoặc để ở nơi nước không có sâu bọ vi trùng.”

Vị Bà La Môn làm theo lời Phật dạy, đem thực phẩm bỏ vào trong nước không có sâu bọ vi trùng. Kết quả là nước liền sôi và bốc khói, giống như bỏ vào trong chảo sắt nóng.

Vị Bà La Môn thấy thế thì vô cùng kinh ngạc, ông nói: “Từ trước tới nay chưa nhìn thấy việc này bao giờ,

quả thật hiếm có thể xảy ra! Thực phẩm lại có thể biến hóa thần thông như thế, thần lực của đức Phật quả thật là không thể tưởng tượng!”

Vị Bà La Môn về đến nơi đức Phật ở liền đánh lễ ăn năn với Ngài và hy vọng Ngài cho phép xuất gia thọ giới.

Đức Phật liền nói: “Được, những điều tốt đẹp sẽ đến với Tỳ kheo.” Lúc này, vị Bà La Môn bèn tự xuống tóc để trở thành Sa môn, sau đó dần dần đoạn hết phiền não và đạt được La Hán quả.

Câu chuyện này cũng có trong Kinh số 80 trong quyển “Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm”, nhưng có chút khác biệt nhỏ:

Đức Phật thường đến nhà vị Bà La Môn này khát thực. Ban đầu vị Bà La Môn thường cho Thế Tôn bát cơm rất đầy. Rồi ngày thứ 2, thứ 3, Thế Tôn lại đến xin cơm nhà ông ấy. Vị Bà La Môn trong đầu nghĩ rằng: “Ồ, vị Sa Môn đầu cạo hết tóc này đã nhiều lần đến xin ăn rồi, lại còn tự cho mình là bạn cũ của ta nữa.”

Đức Phật lập tức biết ngay ý nghĩ trong đầu của vị Bà La Môn và đã đọc một bài kệ có ý nghĩa tạm dịch

như sau:

“Trời thường mưa kịp thời, ngũ cốc mới phát triển xanh tốt; Người tu hành cứ đến khát thực hết lần này đến lần khác thì thí chủ mới có cơ hội để bố thí.”

Tu theo cách bố thí sẽ cảm nhận được phúc lạc trên thế gian, sống trên đời cũng sẽ cảm nhận được phúc báo. Giống như người phụ nữ mang thai lần này và lần khác, cứ thế lần lượt sinh con. (Đối với người đời thì có con tức là có người nối dõi, đời đời tiếp nối!)

Phải vất vả bỏ hết lần này đến lần khác thì mới có thể làm thành phôi mai nhiều lần được. Lại đầu thai một lần nữa thì sẽ chết thêm một lần nữa. Một lần sinh là một lần tử, tức lại thêm một lần ưu phiền đau khổ. Và rồi những thân người lại lần lượt bị hỏa táng, lần lượt bị chôn dưới nấm mồ.

Chỉ có tu hành chăm chỉ, đoạn tuyệt phiền não mới được giải thoát, mới chấm dứt luân hồi: Không cần phải đầu thai trên cõi đời, cũng không bị chết thêm một lần nữa, không phải muộn phiền, cũng không cần phải đau khóc hết lần này đến lần khác.

Phần sau của câu chuyện đều giống nhau. Có mấy

điểm để chúng ta phải suy nghĩ: Nếu những người xuất gia như chúng ta thường khát thực từ người khác, khi nghe thấy họ nói: “Cậu lại đến đòi nợ rồi!” Chúng ta sẽ không biết phải làm sao cho tiện. Nhưng, bằng hai bài kệ, đức Phật đã khéo léo giải đáp những nghi hoặc trong lòng của vị Bà La Môn.

Trước hết, đức Phật đã chỉnh lại quan điểm của vị Bà La Môn, làm cho ông ấy từ trạng thái nghĩ rằng khát thực tức là đến đòi nợ chuyển thành việc bố thí một cách trân trọng, vui vẻ, và đồng nghĩa với việc đang gieo mầm hạnh phúc.

Tiếp theo, đức Phật nói rằng chỉ có phúc đức vẫn chưa đủ, còn phải tu theo cách trí tuệ để đoạn tuyệt đau khổ, mới có thể được giải thoát. Như vậy mới có thể không cần phải đầu thai trong cõi sinh tử luân hồi. Vị Bà La Môn này cũng có thiện căn, nên lập tức muốn theo Phật tu học theo cách trí tuệ và nguyện đi tu, để nắm chặt lấy nhân duyên tốt này.

“Kinh Biệt Dịch Tạp A Hàm” cũng nhắc đến “việc hết lần này đến lần khác sinh ra trên đời này”, “phụ nữ mang thai lần này và lần khác” và “vắt sữa bò hết lần

này đến lần khác”, điều này có thể để biểu đạt việc tu bố thí cũng có thể đạt được hạnh phúc vui vẻ. Nếu như bố thí nhưng không thanh tịnh, thì có thể sẽ đầu thai vào kiếp súc vật.

Người đời thường cho rằng “nhiều con nhiều cháu nhiều phước phần”. Nhưng nếu con cháu bất hiếu, thì sẽ là “nhiều con nhiều cháu nhiều phiền muộn.”

Câu chuyện này còn có điểm chúng ta cần chú ý: thường xuyên xuất hiện từ “lần này lần nữa”, có nghĩa là thường xuyên, nhiều lần, như vậy chúng ta phải tu trí tuệ, cũng cần phải thường xuyên lập đi lập lại việc tu tập mới được!” Chúng ta nghe Phật pháp lần này rồi lần nữa, cũng luôn khắc ghi trong lòng hết lần này rồi lần nữa. Kinh điển Phật cũng thường nói “thực tập nhiều sẽ thành thói quen”, thường xuyên thực hành điều thiện, thì cũng sẽ có những thói quen tốt.

Cũng giống như vậy, nếu thường xuyên làm điều ác, thì cũng sẽ trở thành thói quen ác. Cho nên, chúng ta phải tránh tạo nghiệp thì mới có thể tránh được sinh tử luân hồi.

Thông thường, con người khó tự nhận biết khuyết

điểm của mình, và cũng không có kiên trì, quyết tâm trong việc sửa đổi. Thực ra, biết sai và có thể sửa thì cần phải kiên định, chứ không được sai phạm hết lần này đến lần khác cùng một lỗi, rồi sẽ lại gặp phải đau khổ hết lần này đến lần khác...

*Phúc Nghiêm, lớp Giáo dục mở rộng,
ngày 20 tháng 4 năm 2013*

Tham Lam Vô Độ, Mọi Người Không Yêu Mến

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện được trích ở trang 277a~c trong “Ma Ha Tăng Kỳ Luật”, tập 22 của “Đại Chánh Tạng”.

Đức Phật nói với vị Tỳ kheo quản lý các sự việc nội bộ rằng: “Trước đây, có vị tỳ kheo tên là Bạt-Cụ ngồi tu thiền trong rừng cây. Khi ấy trong khu rừng này có rất nhiều chim. Mỗi buổi bình minh và khi hoàng hôn xuống, chúng lại hót líu lo huyên náo cả khu rừng, điều đó đã làm phiền vị tỳ kheo này.

Lúc đó, vị tỳ kheo đến nơi đức Phật ở, sau khi đánh lễ thì ngồi sang một bên ở phía sau.

Đức Phật liền hỏi thăm vị tỳ kheo ngồi tu trong rừng ấy rằng: “Ngươi có đỡ bệnh và ít buồn phiền hơn không? Sống trong rừng có vui không?”

Vị tỳ kheo trả lời đức Phật rằng: “Đỡ bệnh và ít buồn phiền hơn, ở trong rừng cũng vui, chỉ có điều mỗi lúc bình minh lên và hoàng hôn xuống, thường bị tiếng

chim hót làm mất tập trung, không thể tư duy tu thiền định được.”

Đức Phật nói với tỳ kheo: “Ngươi muốn đàn chim ấy không đến quấy rầy nữa phải không?”

Vị tỳ kheo thưa rằng: “Dạ thưa đức Phật, đúng vậy ạ.”

Đức Phật liền nói: “Tỳ kheo này, thế thì cứ mỗi lúc hoàng hôn khi đàn chim bay tới, ngươi hãy xin chúng mỗi con một cái lông; và mỗi khi bình minh lên, chúng bay đi, ngươi cũng làm như thế.”

Vị tỳ kheo thưa với đức Phật: “Dạ được ạ.” Vị tỳ kheo lại trở về khu rừng để tu thiền. Đợi đến chiều tối, khi bầy chim bay về tụ tập hót ồn ào, vị tỳ kheo nói với chúng rằng: “Này các bạn chim, tôi muốn xin mỗi bạn một cái lông, tôi có việc cần dùng tới nó ngay.”

Lúc này, bầy chim vốn đang ồn ào huyên náo ngay lập tức im lặng. Lũ chim thực sự chẳng muốn cho, nhưng lại sợ tỳ kheo nói rằng: “Bầy chim này sao keo kiệt, chỉ có một cái lông cũng không cho!”. Chẳng còn cách nào khác, chúng đành nhả mỗi con một cái lông rồi thả xuống đất. Đến sáng sớm hôm sau, tỳ kheo lại

xin như thế.

Cứ như vậy, bầy chim chịu không được! Chúng bèn di dời đi nơi khác và ở đó một tối, nhưng cũng không thích nơi đó nên lại bay về.

Khi đó, Tỳ kheo lại tiếp tục xin, mỗi chú chim đã nhả một cái lông của mình cho vị Tỳ kheo mà chẳng vui chút nào.

Bầy chim nghĩ rằng: “Vị Sa Môn này kỳ lạ! Cứ thích xin, sao lại cứ xin mãi lông của chúng ta? Nếu cứ tiếp tục như thế, e rằng sau này lông của chúng ta sẽ bị nhả sạch, chỉ còn trần trụi lại một cục thịt lăn trên mặt đất thôi, vậy thì làm sao mà bay được chứ!” Thế là, cả bầy bàn luận: “Vị tỳ kheo này xem ra sẽ ở trong rừng lâu dài, vậy chúng ta nên mau chóng rời khỏi đây, tìm một nơi khác nghỉ chân. Nếu không thích hợp thì chúng ta lại quay về.”.

Đức Phật nói với các tỳ kheo rằng: “Loài chim đều ghét việc thường bị xin, huống hồ là con người! Các vị tỳ kheo thân mến, đừng nên vì cuộc sống hay vì công việc và có lòng tham xin xỏ vô độ, như thế sẽ làm cho các vị Bà La Môn và các cư sỹ vốn có lòng tin đã phải

sốt ruột đau khổ khi lấy tài sản của mình ra để cung cấp cho sa môn, nào là quần áo, thực phẩm, chăn chiếu và thuốc men.”.

Các tỳ kheo thưa với đức Phật: “Thưa Thế Tôn, tại sao vị tỳ kheo trong rừng lại có bản tính yếu đuối và dễ bị lung lay, hay sợ hãi, và ghét tiếng chim kêu như thế”?

Đức Phật trả lời rằng: “Vị tỳ kheo ở trong rừng này không những kiếp này yếu đuối, mà kiếp trước cũng như thế.”.

Các tỳ kheo lại hỏi: “Trước đây cũng từng như vậy sao?”.

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Trước kia có một con voi to khỏe sống ở trong rừng hoang vắng. Khi trời nổi giông tố, gió lớn làm cây cối gãy đổ, con voi nghe tiếng cây đổ sợ hãi chạy loạn xạ. Khó khăn lắm mới bình tâm lại một chút, dùng dưới gốc cây nghỉ ngơi, không ngờ cái cây đó lại tiếp tục bị gió làm gãy, con voi sợ hãi lại chạy loạn cả lên.

Lúc ấy, vị thiên nhân nhìn thấy voi hoang mang chạy, liền nghĩ: “Tại sao con voi to như vậy đột nhiên

lại chạy loạn xạ lên như thế?” Thế là liền đọc một đoạn kệ có đại ý như sau:

“Gió bão nổi lên, bẻ gãy cái cây, con voi sợ quá chạy khắp nơi; Nếu trên thế giới này nơi nào cũng có gió bão như vậy, thì lúc đó voi làm gì có chỗ nào để núp?”

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Khi ấy con voi đó, kiếp hiện tại là vị tỳ kheo tu hành trong rừng bây giờ.”

Đức Phật lại nói với vị tỳ kheo quản lý các sự việc nội bộ: “Trước đây có 500 vị tiên cùng sống tại núi tuyết. Có một vị tiên sống ở riêng một nơi, nơi đó có suối nước đẹp, hoa nở rất nhiều. Cách đó không xa có đầm Tát-la. Một con rồng sống ở đó. Rồng thấy sự uy nghi rất an lành và trang nghiêm của vị tiên nên nảy sinh tình cảm mến mộ trong lòng.

Lúc này, con rồng đến trước mặt của vị tiên, ngay lúc vị tiên đang ngồi thiền. Rồng liền quấn thân mình thành 7 vòng quanh người tiên, lại còn dùng cái đầu của mình che lên đầu của vị tiên. Hằng ngày đều làm như thế, chỉ khi ăn cơm mới không đến.

Vị tiên bị rồng quấn quanh người, cho nên cả

ngày đêm chỉ biết ngồi ngay ngắn, không được nghỉ ngơi, sức khỏe ngày càng yếu, lại bị lở loét rất nhiều.

Khi đó, có người sống ở gần đó muốn phụng dưỡng vị tiên, đến gần nơi tiên ở thì nhìn thấy sức khỏe của vị tiên rất yếu, lại còn bị lở loét nên mới hỏi vị tiên rằng: “Ông làm sao vậy? Tại sao lại ra nông nỗi này?”

Vị tiên liền nói rõ tình trạng trước đây.

Người đó liền nói: “Vậy ông có muốn con rồng đó không đến đây nữa không?”

Vị tiên nói: “Đương nhiên là muốn.”

Người đó lại hỏi vị tiên: “Con rồng ấy có thứ gì đặc biệt yêu thích không?”

Vị tiên trả lời rằng: “Trên cổ của rồng có một hạt ngọc quý.”

Người đó nói với vị tiên rằng: “Ông hãy xin con rồng viên ngọc quý ấy. Con rồng vốn rất keo kiệt, nhất định sẽ không cho ông đâu, như thế có thể làm cho nó không đến đây nữa.” Nói xong người đó liền ra đi. Không lâu sau, con rồng đó lại đến. Vị tiên xin nó viên ngọc. Rồng vừa nghe thấy vị tiên xin viên ngọc, trong lòng không vui, bèn từ từ bỏ đi.

Cách một ngày sau, rồng lại đến, chưa kịp đến gần vị tiên, mới ở xa xa, vị tiên nhìn thấy nó và đã đọc to bài kệ, đại ý như sau:

“Viên ngọc tỏa ánh hào quang, mong rằng sẽ càng tôn lên vẻ nghiêm trang quý phái; Nếu rồng có thể cho tôi, thì mới đúng là người bạn thân!”

Lúc này, rồng lập tức có bài kệ đáp lại, đại ý như sau: “Tôi sợ mất đi viên ngọc quý này, giống như sợ cầm cây gậy đánh tôi vậy. Tôi sẽ không cho ông viên ngọc quý đâu, tôi cũng sẽ không đến thăm ông nữa!

Vì tất cả những đồ ăn ngon và báu vật đều từ viên ngọc quý này mà ra; nếu tôi cho ông, như vậy thức ăn ngon và báu vật sẽ không từ đâu biến ra được. Đó là viên ngọc vô cùng quý giá mà tôi không thể rời xa nó, tại sao ông lại có ý nghĩ nhất định xin được viên ngọc quý này? Sự tham lam quá độ đã làm cho người bạn thân yêu quý ông nhất rời xa ông, sau này tôi sẽ không bao giờ đến nữa.”

Khi ấy, thiên nhân trên không trung nhìn thấy tình cảnh ấy bèn có bài kệ đại ý như sau: “Tại sao lại có sự thù ghét, coi thường? Đó là do sự tham lam quá độ; Vì

vị tiên ấy đã giả vờ tỏ lòng tham khiến cho rồng vội lặn vào trong nước để xa lánh.”

Đức Phật nói với vị tỳ kheo quản lý rằng: “Rồng là loài vật, cũng ghét cảnh bị xin quá mức, hưởng hô gì con người! Là tỳ kheo, các người chớ có vì việc công mà đi xin theo cách tham lam quá độ, như vậy sẽ làm cho các vị Bà La Môn và sư sãi có lòng tin phải cung cấp cho sa môn nào quần áo, lương thực, giường chiếu và thuốc men, khiến cho họ không vui khi buộc phải chia sẻ tài sản của mình.”

Đức Phật cảnh giới các tỳ kheo rằng: “Có 10 việc mà mọi người chán ghét. 10 việc ấy là gì? Một là bình thường chẳng quan tâm đến người khác, cũng không giao lưu với ai. Hai là không thích tĩnh lặng, giao lưu với người khác quá thường xuyên; Ba là vì lợi ích cá nhân mới tạo dựng mối quan hệ; Bốn là việc đáng yêu thích lại không đam mê, ví dụ như giữ giới luật, tu thiền định, đọc kinh, nghiên cứu kinh điển... những việc trên đáng lẽ ra phải yêu thích nhưng lại không yêu thích; Năm là không đáng yêu thích thì lại yêu thích, ví dụ như các thứ hảo danh, sắc đẹp, tỵ kiêu, ngạo mạn……;”

Sáu là người khác với ý tốt muốn khuyên ngăn, nói thẳng với họ, nhưng họ lại không muốn nghe; Bảy là hay lo chuyện bao đồng, thích can thiệp chuyện của người khác; Tám là không nghiêm khắc, không đạo đức mà lại xem thường người khác, không những không học tập người khác mà còn có thái độ bôi nhọ người khác; Chín là thích nói xấu sau lưng người khác; Mười là có lòng tham vô đáy. Trên đây là 10 việc mà mọi người đều không thích, do vậy chúng ta cần tránh xa.”

Câu chuyện trên khiến chúng ta phải suy nghĩ về chính mình. 10 việc mà mọi người không thích trên, chúng ta đã phạm phải mấy điều? Hy vọng mọi người không tham lam quá, phải biết hài lòng với giản đơn và an lạc, sáu căn trong sáng, đồng thời vui vẻ chấp nhận lời khuyên của người khác, quan tâm đến mọi người và lợi ích của mọi người bằng lòng từ bi phúc hậu.

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 7 tháng 12 năm 2013*

Phóng túng cuồng loạn không gì hơn tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ nó

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ trang 306c đến trang 307b của “Kinh Đại Trang Nghiêm Luận”, thuộc “Đại Chánh Tạng” tập 04.

Trong kinh thường nói: “phóng túng cuồng loạn không gì hơn sự tham dục, cho nên phải tinh tấn loại trừ tham dục.”

Cũng từng nghe nói, trước đây khi Thế Tôn tu hành đạo Bồ Tát, lúc đó trên thế gian chưa có Tam Bảo, cũng chưa có đức Phật và thánh hiền.

Khi ấy, có vị vua tên là Quang Minh. Ông cưới một con voi đã được huấn luyện đi chu du khắp nơi. Đi theo vua có rất nhiều tiền vệ, hậu vệ và đội ngũ nghệ nhân múa hát. Khi đến một nơi gập ghềnh nguy hiểm trên núi.

Con voi đực mà vua cưới từ xa đã nhìn thấy một

con voi cái, đột nhiên lòng ham muốn dục vọng trong nó trỗi dậy, thế là nó la hét và chạy loạn xạ. Giống như những đám mây đen bay tán loạn khi gặp cuồng phong. Nó không còn để ý đến thế núi gập ghềnh hiểm trở, chỉ muốn chạy thẳng về phía con voi cái kia.

Người huấn luyện voi đã nghĩ hết mọi cách, dùng các loại roi sắt đánh rất mạnh, nhưng cũng không sao ngăn nó lại.

Lúc này, vua Quang Minh vô cùng hoảng sợ, thầm nghĩ: “Dùng roi sắt đánh thật mạnh, thật đau cũng không sao ngăn được voi đực, giống như đệ tử ngoan cố không thể thuận theo sự giáo huấn của thầy cô.

Voi đực vẫn tiếp tục tăng tốc chạy thẳng về phía voi cái, vua vừa hoảng loạn vừa sợ hãi, trong lòng vô cùng đau khổ, nghĩ rằng lần này chắc chết thật rồi. Nghĩ vậy, ông nói bài kệ đại ý như sau:

“Tôi ngồi trên lưng voi cảm nhận được trời đất đang xoay vần, giống như nhìn thấy bầu trời đang chấn động, bốn bề đang rung chuyển với tốc khủng khiếp, mọi thứ đều muốn lao vào tôi; Lại nhìn thấy trái đất cũng đang xoay, giống như cái bánh xe đang quay vậy.

Con voi đang chạy rất nhanh, làm tôi lại nhìn thấy hình như quả núi đang di chuyển, cùng tất cả các ngọn núi, dòng sông, con suối cũng đang chạy theo.

Những cành cây ven đường đã làm thân tôi đầy thương tích, vốn cảm thấy rất sợ hãi nên nguyện cầu thần núi hãy bảo vệ cho tôi được bình an vô sự.

Cho dù đã dùng roi sắt đánh voi, nhưng nó vì dục vọng đã trở nên vô cùng háo hức mà không còn cảm thấy đau đớn. Con voi chạy nhanh như gió.

Roi phạt đã làm tôi bị thương, lại bị đá roi trúng, đầu tóc rối bời, người dính bụi vô cùng dơ bẩn, ngay cả quần áo cũng rách tả tơi, vòng và dây chuyền ngọc đều bị đứt vỡ rơi vương vãi.”

Lúc này, nhà vua nói với người huấn luyện voi rằng: “Xem ra, không thể giữ được tính mạng của trăm rồi!”. Và vua lại đọc một bài kệ đại ý như sau:

“Ông phải nghĩ ra cách nào không chế con voi để nó đứng lại. Giờ đây, sinh mạng trăm như ngàn cân treo sợi tóc, lúc lên cao, lúc xuống thấp và có thể rơi xuống thiệt mạng bất kỳ lúc nào.”

Lúc này, người huấn luyện voi đã dồn hết sức để

đánh con voi, nhưng vẫn không không chế được nó. Người huấn luyện voi than thở, cảm thấy xấu hổ, nước mắt lưng tròng, không dám nhìn thẳng về phía nhà vua mà nói rằng: “Đại vương, bây giờ tôi phải làm sao?” Người huấn luyện voi cũng đọc bài kệ đại ý như sau:

“Tôi đã nỗ lực đọc những câu thần chú của các vị tiên xưa từng nói với voi, hơn nữa cũng đã dùng roi sắt với lực rất mạnh, nhưng vẫn không thể không chế được con voi này.

Cũng giống như khi con người sắp chết, tức đã dùng hết các câu thần chú và bài thuốc thần kỳ, nhưng bệnh tình thực sự quá nặng, vượt qua cả giới hạn, thì cho dù dùng tất cả các loại linh đơn và bài thuốc thần kỳ thì cũng không thể cứu được, buộc phải chết!”

Nhà vua liền nói với người huấn luyện voi rằng: “Bây giờ trầm ở vào hoàn cảnh này, không biết phải làm sao?”

Người huấn luyện voi thưa với vua: “Không còn cách nào khác rồi, chỉ có cách là thử nắm các cành cây dọc đường đi.”

Quốc vương vừa nghe thế, liền đưa tay ra với nắm

lấy cành cây thật chặt, và voi đực vẫn tiếp tục chạy điên cuồng đuổi theo voi cái.

Sau khi voi đực chạy đi, nhóm người ngựa tháp tùng ấy mới đến được nơi của vua, và vị vua Quang Minh cũng từ từ đi về phía họ.

Sau đó, người huấn luyện voi lần theo dấu vết của voi, trải qua nhiều ngày, cuối cùng đã tìm thấy con voi đực và dẫn nó về doanh trại.

Lúc đó, vua đang đứng giữa đông người, thấy người huấn luyện voi cười voi đi tới trước mặt, vua rất tức giận nói với ông ấy: “Trước đây không phải người đã nói con voi này đã được thuần hóa, rất đằm tính và có thể cười được rồi, tại sao lại dùng con voi phát cuồng điên như vậy để lừa trẫm?”

Người huấn luyện voi thưa với vua rằng : “Con voi này thực sự đã được thuần hóa rất hiền, nếu vua không tin, bệ tôi có thể thử sự thuần hóa của voi ngay tại đây thì Ngài sẽ rõ.”

Thế là, người huấn luyện voi liền lấy viên sắt tròn đã được nung đỏ đến trước mặt voi, ra lệnh cho nó nuốt viên sắt đó.

Nhưng đức vua cũng không chấp nhận, vẫn cố chấp hỏi người huấn luyện voi: “Không phải người nói voi đã được huấn luyện thuần hóa rồi sao? Nhưng tại sao lại còn đột nhiên phát điên mà không thể khống chế được?”

Người huấn luyện voi chấp tay quỳ xuống mà thưa với vua: "Việc voi điên cuồng phóng túng như thế này thì bề tôi đây cũng không thể khống chế được (Tôi có thể điều khiển được thân của voi, chứ không thể điều khiển được tâm của nó)."

Đức vua nghe vậy liền hỏi người huấn luyện voi: “Có vấn đề gì mà ngay cả người cũng không thể thu phục?”

Người huấn luyện voi bèn thưa với đức vua rằng: “Vì lòng tham dục của voi dục đã trói buộc tâm của nó, điều này bề tôi không thể trị được. Chứng bệnh này dù có dùng roi quất mạnh bạo hơn cũng không thể trị được; Khi lòng tham dục nổi lên trong con người, cũng tàn phá tâm của chúng ta như vậy.” Rồi người ấy nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Lòng tham dục giống như mũi tên độc trong lòng,

cũng không biết nó từ đâu ra? Không biết lý do nào mà lòng tham dục ấy không ngừng lớn lên, mở rộng ra, càng không biết cách nào có thể diệt trừ nó? Lòng tham dục từ đâu sinh ra, tại sao lại lớn dần? Làm sao mới có thể diệt trừ nó?”

Vua nghe người huấn luyện voi nói không có cách nào để chữa khỏi lòng tham dục, liền hỏi: “Căn bệnh lòng tham dục này thực sự không có cách nào điều trị sao?”

Người huấn luyện voi thưa: “Thứ bệnh lòng tham dục này không có cách chữa trị, ai bị bệnh này thì chỉ có nước bỏ phế, không điều trị thêm (chỉ có thể bỏ phế bệnh nhân, không điều trị nữa).” Người huấn luyện voi liền nói một bài kệ đại ý như sau:

“Nên vận dụng tất cả các phương pháp khéo léo, nỗ lực tinh tấn tu học các phương pháp tiêu trừ lòng tham dục. Nhưng lòng tham dục là thùng vô đáy, không biết phương hướng nào, cho dù rất nỗ lực để tiêu trừ, nhưng nó vẫn cứ tìm đến.

(Có người muốn) từ bỏ 5 dục gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc để xuất gia tu khổ hạnh, để tiêu trừ sự

phiền não do lòng tham dục sinh ra, cần chăm chỉ tu hành.”

Có người lại chạy theo ngũ dục, tự cho rằng sau khi thỏa mãn dục vọng, thì nó sẽ tự nhiên bị tiêu diệt. Dựa vào các phương pháp để mong muốn tránh xa lòng tham dục.

(Giống như thế, có người tu khổ hạnh, có người tu lạc hạnh), đâu đâu cũng có người muốn thử loại bỏ nguồn căn của lòng tham dục, nhưng lòng tham dục cũng giống như cây trong rừng rậm, khó có thể nhổ bỏ tất cả!

Đối với Nhân, Thiên, A tu la, Dạ xoa, Càn Thát Bà, tất cả các chúng sinh hữu tình, lòng tham dục rất nhỏ ở trong lòng. Nó giống như cái lưới, luôn trói buộc mọi chúng sinh, luân chuyển trong khu rừng rậm gồm dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, không có cách nào thoát khỏi”.

Quốc vương nghe nói lòng tham dục không thể đoạn trừ, cảm thấy vô cùng kinh ngạc và nghi ngờ, liền nói một đoạn kệ đại ý như sau:

“Không có cách nào để đoạn trừ kẻ thù lòng tham

dục này thật sao? Trong trời đất thực sự không có ai có thể đoạn trừ được lòng tham dục sao?”

Lúc này, người huấn luyện voi thưa với vua rằng: “Tôi nghe người ta nói, chỉ có đức Phật, Thế Tôn, Đại đạo sư của ba cõi vốn có lòng từ bi, xem tất cả chúng sinh như con cái của mình; người Phật phát ra ánh hào quang sáng chói, có 32 tướng thanh tịnh nghiêm trang; Phật có thể vận dụng những trí tuệ tự nhiên (chính là tất cả các loại trí tuệ) một cách tự tại, hiểu thấu mọi nhân và duyên sinh ra lòng tham dục, đức Phật luôn thương yêu tất cả chúng sinh không quản ngại tất cả, Ngài có thể giúp chúng sinh đoạn trừ lòng tham dục vọng.”

Lúc này, khi vua nghe đến tên của đức Phật, lập tức đứng dậy, chắp hai tay cung kính, rồi thề nguyện trước mọi người rằng: “Trẫm muốn bảo vệ đất nước và dân chúng bằng chính pháp, sẽ bỏ thí của cải, mong dùng công đức để sau này có thể thành Phật, để đoạn trừ những đau khổ do lòng tham dục gây ra của chúng sinh.

Nguyên do nào mà có câu chuyện trên? Vì chúng sinh không hiểu nguyên nhân của lòng tham dục và

phương pháp đoạn trừ nó, cho nên mới nói kinh này.

Trong “Kinh Hiền Ngu” quyển 3, cũng chính là tập 4 trong “Đại Chánh Tạng” trang 372a~373a, có nội dung tương tự.

Trong “Hiền Ngu Kinh” có nói vị vua Quang Minh hiện tại chính là Thế Tôn, còn người huấn luyện voi là Xá Lợi Phất, hai thầy trò đã từng trải qua câu chuyện như trên.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy rằng lòng tham dục mang đến rất nhiều khổ đau, chúng ta không nên tham cầu ngũ dục.

“Đại Trí Độ Luận” có nói:

“Ngũ dục sẽ thiêu cháy con người như cầm ngọn đuốc đi ngược gió.” Lòng tham ngũ dục giống như cầm ngọn đuốc mà đi ngược với hướng gió, kết quả sẽ thiêu chết chính mình.

Ngoài ra, tham cầu ngũ dục, cũng giống như ném mật trên lưỡi dao, tuy chỉ là chút vị ngọt, lại có thể làm đứt lưỡi, “giống như lấy mật bôi lên dao, để cho kẻ địch tham ngọt mà không biết dùng lưỡi liếm vào sẽ bị thương”.

Lại có thể nói rằng, chúng ta tham cầu ngũ dục, khi không đạt được sẽ đau khổ; Khi đạt được rồi, thì lại rất sợ hãi, lo âu rằng có thể mất đi bất cứ lúc nào; Khi mất đi rồi lại rất buồn phiền. Thậm chí có người vì tham lam dục vọng mà mất cả mạng sống quý giá, giống như con thiêu thân vậy.

“Đại Trí Độ Luận” cũng nhắc đến phương pháp điều trị lòng tham dục, có mấy cách đáng để chúng ta tham khảo sau:

Thứ nhất là tìm niềm vui trong việc tu thiền định, vì nó có thể điều trị được ngũ dục.

Thứ hai là tu quán bất tịnh.

Thứ ba là thường xuyên quán chiếu lão, bệnh, tử, vô thường, tức tu quán vô thường.

Thứ tư là yêu thích pháp lành, vì nó có thể giảm bớt tham cầu lòng tham dục.

Và ngoài ra còn có quán Không, chúng được thực tướng.

Những phương pháp trên đều có thể điều trị lòng tham dục.

Hoan hỉ chia sẻ cùng quý vị câu chuyện trên!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 22 tháng 3 năm 2014*

Phật Dùng Ví Dụ Giáo Huấn La Vân Không Nói Dối

Xin kính chào quý vị Pháp sư, quý vị cư sỹ.

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ cùng quý vị một điển tích Phật giáo. Câu chuyện này được trích từ trang 599c đến trang 600b trong “Kinh Cú Pháp Thí Dụ”, tập 04 của “Đại Chánh Tạng”.

Phật Thích Ca Mâu Ni trước khi xuất gia đã từng lập gia đình, sinh một người con trai tên là La Hầu La (“Kinh Cú Pháp Thí Dụ” dịch là “La Vân”), sau khi thành Phật thì La Vân cũng xuất gia theo.

Khi La Vân chưa đắc đạo, tuổi thiếu niên ham chơi lê lỏng, tâm tính thô lỗ và thường hay nói dối.

Đức Phật nhắc nhở La Vân rằng: “Con đến sống ở tịnh xá Hiền Đề, lo giữ khẩu nghiệp, giữ ý nghiệp, chăm chỉ học tập kinh giáo giới luật.”

La Vân vâng theo lời dạy của đức Phật, đánh lễ rồi ra đi. Ông đến tịnh xá Hiền Đề sống 90 ngày, không kể ngày đêm ăn năn sám hối.

Một hôm, đức Phật đến tịnh xá Hiền Đề để thăm La

Vân. La Vân rất vui, đến trước mặt đức Phật để đánh lễ, sắp xếp chỗ ngồi, giúp Phật đặt y bát.

Đức Phật ngồi trên giường rồi nói với La Vân: “Con dùng chậu đi lấy ít nước đến rửa chân cho ta.”

La Vân nghe theo lời đức Phật bảo, rửa chân cho Ngài. Sau khi rửa xong, đức Phật nói với La Vân: “Con có nhìn thấy nước rửa chân trong chậu không?”

La Vân trả lời: “Có! Thưa con nhìn thấy.”

Đức Phật nói: “Nước trong chậu có thể dùng để uống, hoặc rửa tay, súc miệng không?”

La Vân thưa: “Không được. Tại sao vậy? Vì nước trong chậu vốn là nước sạch, nhưng vì đã dùng để rửa chân, bị bẩn rồi, nên không thể dùng được nữa.”

Đức Phật nói với La Vân: “Con cũng vậy. Cho dù con là con của ta, là tôn tử của quốc vương, đã từ bỏ vinh hoa phú quý trên thế gian, xuất gia đi tu, lại không thể tinh tấn giữ gìn thân nghiệp và khẩu nghiệp, trong lòng rất nhiều 3 thứ bản thủ là tham sân si, cũng giống như chậu nước đã bị bẩn này, không thể dùng được nữa.”

Đức Phật lại nói với La Vân: “Con đem nước trong

chậu đổ đi.” La Vân liền mang nước đổ đi.

Đức Phật nói: “Trong chậu đã không còn gì, cò thể dùng nó để đựng thức ăn, thực phẩm không?”

La Vân trả lời đức Phật: “Thưa không được. Tại sao? Vì đã bị dùng làm chậu rửa chân, đã đựng thứ không sạch, cho nên không thể đựng thức ăn được nữa.”

Đức Phật nói với La Vân: “Cũng giống như con, tuy là người xuất gia đi tu, nhưng con nói mà không giữ chữ tín, tính cách ngang bướng, không biết cần phải tinh tấn học tập. Do những hành vi xấu này mà lưu danh xấu không trong sạch, cũng giống như cái chậu từng đựng đồ dơ, không thể dùng đựng thức ăn được nữa.”

Đức Phật lại dùng chân đẩy cái chậu, nó rơi xuống lăn mấy vòng, nảy lên mấy cái, một lúc sau mới dừng lại.

Đức Phật nói với La Vân: “Con sẽ không tiếc khi ta làm hư cái chậu đó chứ?”

La Vân trả lời: “Cái chậu này là thứ không đáng giá, cho dù cảm thấy hơi tiếc, nhưng sẽ không quá bận

tâm.”

Đức Phật nói với La Vân: “Con cũng giống như vậy. Tuy là người xuất gia đi tu, lại không thể thận trọng trong lời nói và hành động, thường xuyên nói lời thô tục ác ý, làm tổn thương nhiều người; Loại người như vậy bị mọi người xa lánh, người có trí tuệ cũng không muốn trân trọng. Một khi sắc thân đã chết thì thần trí cũng rời xa. Rồi lại ở trong luân hồi trong 3 ác đạo, tự sinh tự diệt, gặp phải rất nhiều đau khổ. Chư Phật Thánh Hiền cũng không quá tiếc thương loại người này, cũng giống như con nói không tiếc thương cái chậu.”

La Vân nghe đến đây thì cảm thấy xấu hổ và sợ hãi.

Đức Phật lại nói với La Vân rằng: “Hãy nghe ta nói một ví dụ: Trước đây có một vị vua nuôi một con voi, con voi này rất dũng mãnh, thông minh và thiện chiến, ước tính sức của nó có thể đánh thắng cả 500 con voi khác. Khi ấy nhà vua muốn đem quân đi dẹp các nước làm loạn, liền làm áo giáp sắt cho con voi này, và để cho người huấn luyện voi quản lý nó. Đồng thời, gắn thêm hai cái giáo lên hai chiếc răng của voi, lại gắn hai

cây kiếm trên tai voi, cột 4 cái dao cong vào 4 chân của voi, lại còn gắn thêm một cái roi sắt vào đuôi voi, hơn nữa tất cả 9 loại binh khí được gắn thêm cho voi này đều rất sắc nhọn. Chỉ có cái vòi là thu lại, không đưa ra khi giao đấu. Người huấn luyện voi rất vui, vì con voi biết yêu quý sinh mạng của mình. Tại sao lại thế? Vì vòi của voi rất mềm và yếu, chỉ cần bị trúng tên thì lập tức sẽ chết, cho nên không thể đưa ra khi chiến đấu.

Nhưng, con voi đánh nhau lâu quá, muốn đưa cái vòi ra để cuộn lấy cái kiếm mà giết địch, người huấn luyện voi không đồng ý, cho rằng con voi khỏe này đã đến lúc không còn yêu quý sinh mạng, muốn đưa vòi ra để tìm cái kiếm ngậm vào vòi. Vua và các đại thần rất yêu quý con voi, nên lập tức cho nó rời chiến trường, không cho nó tiếp tục chiến đấu nữa.

Đức Phật nói với La Vân: “Nếu người dù đã phạm 9 trong số 10 bất thiện nghiệp, cũng nên cần phải giữ gìn khẩu nghiệp, đừng nói dối: Giống như con voi ấy, cần thận giữ cái vòi không đưa ra chiến đấu. Voi làm như vậy vì sợ vòi trúng tên mà chết. Con người cũng như vậy, cần phải giữ gìn khẩu nghiệp, vì sợ phải chịu

đau khổ nơi địa ngục ở ba đường ác. Nếu phạm 10 bất thiện nghiệp, người mà ngay cả khẩu nghiệp cũng không giữ được, thì cũng giống như chú voi lấy cái vòi ra chiến đấu này, không xem xét đến việc sẽ bị trúng tên mà chết. Con người cũng như thế, tạo ra 10 ác nghiệp, tức không suy nghĩ đến hậu quả đau khổ triền miên ở ba đường ác; Nếu thực hành 10 thiện đạo, gìn giữ thân khẩu ý nghiệp, không có những hành vi ác, thì có thể chúng ngộ đắc đạo, mãi mãi sẽ không rơi xuống ba đường ác, cũng không còn đau khổ của sinh tử.”

Và Thế Tôn lại nói một bài kệ, đại ý như sau:

“Ta giống như con voi dũng mãnh, trên chiến trường không sợ tên của địch; (cho dù trên thế gian này có rất nhiều người không giữ giới, tùy tiện phỉ báng ta), ta cũng vẫn cứ đối xử với mọi người một cách chân thành, thậm chí còn dùng lòng từ bi cứu độ những người không giữ giới. Cũng giống như con voi đã được huấn luyện kia, có thể làm ghế cho vua ngồi. (Cho dù bị người phỉ báng), cũng không mất đi lòng chân thành (không sinh ghen ghét, không nói lời ác), những người có thể thu phục là những người đáng kính nhất trong

quần chúng.”

La Vân nghe xong lời dạy của đức Phật, tích cực sám hối, nỗ lực phấn đấu và khắc ghi lời giáo huấn của Ngài, tinh tấn uôn nắn, tu hành nhẫn nhục như trái đất, tĩnh tâm, tiêu trừ mọi vọng tưởng mà chúng đắc quả A La Hán.

Nội dung như trên cũng đề cập đến trong quyển “Trung A Hàm”, “Kinh La Vân số 14”, nhưng phần ví dụ được nêu ra có chỗ khác.

Sau khi gọi La Hầu La đến rửa chân giúp, Thế Tôn liền đổ nước đi, trong chậu chỉ còn lại ít nước, rồi hỏi La Hầu La: “Con nhìn thấy ta đổ nước đi, trong chậu chỉ còn lại ít nước rồi chứ?”

La Hầu La thưa: “Dạ, con thấy rồi thưa Thế Tôn!”

Đức Phật nói: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ, thì đạo pháp của người ấy cũng chỉ còn lại ít như thế này, cũng ít giống như nước còn lại trong chậu này thôi!”

Thế Tôn lại đem nước còn lại trong chậu đổ hết đi, rồi nói với La Hầu La: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ thì đạo pháp của người ấy cũng bị phé bỏ toàn

bộ, giống như đổ hết nước trong chậu này đi vậy!”

Thế Tôn lại úp cái chậu không xuống đất mà nói với La Hầu La: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ là người đang đi ngược với đạo pháp, giống như cái chậu úp ngược này thì làm sao có thể chứa đựng thánh đạo được?”

Thế Tôn lại để thẳng cái chậu lại, rồi nói với La Hầu La: “Con có thấy cái chậu này để thẳng hay để úp thì bên trong cũng trống rỗng, không có nước không?”

La Hầu La đáp: “Dạ, con thấy ạ!”

Thế Tôn lại nói: “Người cố ý nói dối, không biết xấu hổ, đạo pháp của người ấy cũng trống rỗng, hư không, chẳng khác gì cái chậu không này!”

Nội dung tương tự cũng có trong “Đại Trí Độ Luận” quyển 13, trong phần trên của trang 158a tập 25 “Đại Chánh Tạng”.

Sau khi đức Phật thành đạo, con trai của ngài là La Hầu La cũng xuất gia đi tu, nhưng vì tuổi còn nhỏ, không biết phải cẩn trọng trong lời nói, thường xuyên nói dối.

Có người đến hỏi: “Thế Tôn có ở tịnh xá không?”

Khi Thế Tôn đang ở tịnh xá, nhưng La Hầu La lại nói: “Không có!” Khi Thế Tôn không có ở tịnh xá thì La Hầu La lại nói: “Có ở tịnh xá!”

Sau đó, có người đem chuyện này nói cho đức Phật biết.

Một hôm, đức Phật nói với La Hầu La rằng: “Cầm chậu đi lấy nước để giúp ta rửa chân.”

Sau khi rửa chân xong, đức Phật lại bảo La Hầu La đem cái chậu úp ngược xuống, miệng chậu úp xuống đất rồi lấy nước đổ vào chậu.”

La Hầu La thưa: “Cái chậu đã úp ngược, không đổ nước vào được mà!”

Đức Phật liền nói với La Hầu La rằng: “Người không biết xấu hổ, nói dối, thì đạo pháp không thể vào được, giống như đã bị che kín hết vậy!” (Ý câu nói trên là: “Con là người không biết xấu hổ, thường xuyên nói dối, che mắt lòng thanh tịnh của mình, khiến đạo pháp thượng diệu cũng không thể vào trong tâm của con, cũng giống như cái chậu úp ngược này, không thể đựng được nước!)

Đức Phật bảo nói dối dẫn đến 10 điều sau: “Một là

miệng hôi thối; Hai là thiện thân tránh xa, ác quỷ và la sát tìm đến; Ba là khi nói thật người khác cũng không tin (vì người đó có thói quen nói dối, nên bây giờ có nói thật thì người khác cũng không muốn tin); Bốn là những người trí tuệ ngồi nói chuyện bàn bạc với nhau không muốn cho người ấy tham gia; Năm là thường bị phỉ báng, tiếng ác đồn xa; Sáu là người nói dối sẽ không được mọi người tôn kính, cho dù người đó có lời giảng dạy hay thì mọi người cũng không tiếp nhận; Bảy là thường xuyên lo sầu; Tám là lời nói dối thường gieo nhân duyên bị phỉ báng; Chín là khi thân tàn mệnh tận bị đọa địa ngục; Mười là cho dù ở dưới địa ngục chịu ác báo xong được đầu thai lại kiếp người, cũng có thể còn dư báo, cũng vẫn còn thường xuyên bị phỉ báng.

Mọi người có muốn vì lời nói dối mà bị bạn bè thiện hữu lánh xa, nói không ai tin, hơn nữa còn thường xuyên bị phỉ báng hoặc đi theo ác đạo không? Chi bằng muốn không phải chịu những ác báo trên thì không được nói dối và nói những lời không có lợi ích gì.

Xin được chia sẻ cùng quý vị câu chuyện trên!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 3 tháng 5 năm 2014*

Kẻ trộm hương

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích ra từ trang 181 đến trang 182 trong “Đại Trí Độ Luận” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 25.

Có một vị tỳ kheo đi kinh hành bên hồ sen trong rừng, ngửi thấy mùi hương của hoa sen, trong lòng rất thích, từ đó đã nảy sinh lòng tham. Lúc này, thần Hồ đã trách vị tỳ kheo này rằng: “Tại sao người không chịu tịnh tọa thiền tu trong rừng, mà lại tới đây lấy trộm hương hoa sen của ta? Do người tham hương hoa, nên tất cả những phiền não ngủ ngầm trong người đã xuất hiện trở lại”.

Vừa lúc đó, có một người khác đi tới, rồi nhảy xuống hồ, hẳn ta không những đã hái rất nhiều hoa sen, mà còn đào luôn củ sen và rễ sen. Sau khi đã làm hồ sen tan nát, người này liền bỏ đi, nhưng thần Hồ lại không nói gì.

Vị Tỳ kheo thấy vậy liền quay ra thắc mắc với thần

hồ: “Người đó đã hái hoa sen của Ngài, lại còn làm cả hồ sen tan nát, vậy mà Ngài không nói gì hết? Còn tôi, chẳng qua chỉ đi kinh hành ngang qua bờ hồ, thì Ngài lại quở trách, còn nói tôi lấy trộm hương sen của Ngài”.

Thần Hồ trả lời: “Người ác trên thế gian luôn luôn sa ngã trong hố sâu tội lỗi, những thứ dơ bẩn dính ngập cả đầu, ta không còn gì để nói với họ nữa. Còn người là một người tốt, hành thiện tu thiện, tuy rằng chỉ tham một chút hương hoa, nhưng như vậy cũng sẽ hủy hoại thiện hạnh của người, cho nên ta mới quở trách người. Cũng giống như một miếng vải trắng chỉ bị dính một chút vết bẩn, thì tất cả mọi người đều nhìn thấy; Còn kẻ ác cũng giống như người mặc đồ đen, thì dù có lấm mực đen cũng khó nhìn thấy, thì đâu có ai quở trách họ.

Nội dung trên xuất hiện trong “Đại Trí Độ Luận”, có thể được trích ra từ “Tập A Hàm kinh” (kinh 1338), từ trang 369 quyển thứ 2 “Đại Chánh Tạng”.

Có một khoảng thời gian, đức Phật trú ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc ở nước Xá Vệ. Lúc đó, có một vị tỳ kheo sống trong một khu rừng rậm ở nước Kosala. Vị tỳ kheo này bị bệnh về mắt, mắt của ông ta nhìn không

rõ. Có người bày cách: ông nên thường xuyên gửi mùi hương hoa sen thì bệnh tình có thể được cải thiện. Nghe theo lời chỉ dẫn trên, vị tỳ kheo này đi đến một hồ sen, ngồi trên bờ hồ phía đầu hướng gió, để được gửi hương sen thoang thoảng bay trong gió. Lúc này, có một vị thiên thần quản lý hồ sen này nói với vị tỳ kheo: “Tại sao ngươi tới đây để lấy trộm hương sen? Ngươi chính là kẻ trộm hương”.

Vị tỳ kheo trả lời bằng một bài kệ tụng, đại ý là: “Tôi không làm hư và cũng không hái hoa sen trong hồ, mà chỉ ngồi ở một nơi thật xa để gửi hương sen bay tới mà thôi, tại sao Ngài lại nói tôi là kẻ trộm hương?”.

Nhân đó, thiên thần cũng trả lời lại một mạch, đại ý là: “Khi vẫn chưa xin ý kiến của chủ, và khi người chủ vẫn chưa nói tiếng cho, mà đã tự ý lấy, thì người đòi gọi đó là trộm. Bây giờ người chủ vẫn chưa nói cho, mà ngươi đã tự ý gửi, thì đây đúng là hành động trộm mà người đòi thường nói”.

Lúc này, có một người đi tới hồ, đào lấy rất nhiều củ sen, rồi vác một bao nặng về nhà.

Vị tỳ kheo thấy thế nói với thiên thần: “Người đó

không những đã hái hoa mà còn đào luôn cả củ sen, và vác một bao nặng về nhà, đó mới chính là kẻ gian trá xảo quyệt, tại sao Ngài không ngăn cản anh ta mà lại quở trách tôi là kẻ trộm hương?”

Thiên thần trả lời rằng: “Người làm ẩu làm tàng, gian trá xảo quyệt, cũng giống như một tấm áo em bé, lấm đầy chất bẩn, không dễ gì khử được mùi hôi. Người gian xảo có nhiều thói quen xấu, đâu đáng để cho ta nói nhiều với họ. Còn người là một người tu hành, không giống như vậy, người đáng để cho ta khuyên lơn, và giảng đạo lý. Áo cà sa tuy có màu không quá sáng, nhưng nếu có lấm một chút bẩn cũng sẽ nhận ra. Còn bộ đồ màu đen dù có bị lấm mực cũng không thể nhận ra được. Thế nên, với kẻ làm ẩu làm tàng, gian trá xảo quyệt, thì người đời không thích nói nhiều với họ. Cũng giống như dấu chân con ruồi làm dơ tấm vải trắng. Người hiền đức dù chỉ có một chút xíu lỗi lầm cũng dễ dàng bị nhận ra. Cũng giống như vết mực dính trên miếng vỏ sò trắng tinh óng ánh, thì dù đó chỉ là một đốm nhỏ nhưng vẫn nhìn thấy được. Nên thường xuyên mong cầu thanh tịnh, không có ràng

buộc, rời xa phiền não, dù một việc ác nhỏ như sợi tóc, thì trong mắt của người khác cũng lớn tựa Thái Sơn (không thể coi thường nó, không thể lơ là với nó)”.

Sau khi nghe xong vị tỳ kheo nói: “Được rồi, Ngài nói rất hay, Ngài đã dùng nghĩa lý rất sâu xa để an ủi tôi. Tôi hy vọng Ngài có thể thường xuyên nói với tôi, và thường xuyên nhắc nhở tôi những điều như vậy.”

Nghe thế, thiên thần trả lời: “Ta không phải là nô lệ mà ngươi đã bỏ tiền ra mua, lại cũng không phải người khác tặng ta cho ngươi để ngươi tùy tiện sai khiến. Vậy, tại sao ngươi bắt ta phải thường xuyên nói những điều này với ngươi, phải thường xuyên nhắc nhở ngươi? Mà ngươi phải tự hiểu điều gì sẽ có lợi ích cho bản thân mình, chứ đừng cầu người khác phải nhắc nhở”.

Sau khi nghe thiên thần nói vậy, vị tỳ kheo rất vui, cảm ơn hết lời rồi đứng lên đi. Ông tới một nơi yên tĩnh, tập trung tư duy, cuối cùng đã đoạn trừ được phiền não, chứng đắc A La Hán quả.

Nội dung tương tự cũng được tìm thấy trong “Biệt dịch Tạp A Hàm kinh” (kinh 358), từ trang 490 đến trang 491 quyển thứ 2 “Đại chánh tạng”.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta phải bảo vệ lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Như “Đại Trí Độ Luận” có dạy: “Đừng nghĩ chỉ tham ngửi một chút mùi hương thì không sao, mà phải biết rằng, do mũi (một trong 6 căn) không được giữ kỹ, một khi cửa được mở rộng, thì 5 căn khác (nhãn căn, nhĩ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn) cũng không thể giữ được, tất cả những phiền não ẩn bên trong cũng sẽ rất dễ theo đó hiện ra.”

Trong kinh Phật cũng có một ví dụ, như khi con rùa gặp nguy hiểm, thì đầu đuôi và tứ chi của nó đều rút lại. Đây gọi là “rùa giấu 6 phần”. Chúng ta thử nghĩ, đầu đuôi và 4 chi của rùa, nếu bất cứ bộ phận nào của nó bị cắn cũng đều gây nguy hiểm tới tính mạng. Lục căn của con người cũng vậy, không được để lơ là. Khi cửa ngõ của bất cứ căn nào mở ra, cái độc cũng sẽ thừa cơ hội nhập vào. Tới lúc đó, sẽ khó giữ được trí tuệ. Người tu hành nên giữ trong sạch, cũng giống như mặc một bộ đồ trắng tinh, chỉ cần bị dính một chút mực, thì ai cũng nhìn thấy rất rõ. Người tu hành dù phạm một lỗi nhỏ như sợi tóc, nhưng trong mắt của người khác, lại lớn như núi Thái Sơn. Vì vậy, phải đặc biệt cẩn thận, ngoài

không phạm “giới luật nghi” ra, cũng phải chú ý “căn luật nghi”, phải gìn giữ các căn, không được để có chút ô nhiễm nào, để người khác cười chê. Ngoài ra, vị tỳ kheo trong câu chuyện này cảm thấy lời kệ tụng của thiên thần rất hay, và hy vọng mỗi ngày đều được nghe. Nhưng thiên thần khéo trả lời rằng: “Ta không phải là nô lệ người đã bỏ tiền ra mua, cũng không phải do người khác tặng ta cho người để người tùy tiện sai khiến. Vậy thì tại sao người bắt ta phải thường xuyên nhắc nhở người?”. Cũng giống như vậy, nếu có ai đó khuyên chúng ta điều gì, chúng ta cần phải ghi nhớ thật kỹ, phải biết sửa đổi, đừng để người khác nhắc nhở nhiều lần.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phước Nghiêm, ngày 14 tháng 9 năm
2014*

Vị tiên nhãn nhục

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ!

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích trong Kinh Hiền Ngu, phẩm “Sằn đề Bà Lê” từ trang 359 đến trang 360 quyển thứ 4 “Đại Chánh Tạng”.

Vào một thời, đức Phật trú tại vườn Trúc Lâm ở thành Vương xá. Khi Thế Tôn mới vừa thành đạo, lần đầu tiên chuyên pháp luân độ hóa A Nhã Kiều Trần Như và 4 vị tỳ kheo, sau đó tới làng Uất-ti-la độ hóa 3 anh em Ca Diếp và hàng ngàn đệ tử. Thế Tôn thuyết pháp độ mọi người, những người được thấm nhuần giáo hóa mà chứng ngộ giải thoát cũng càng ngày càng nhiều. Lúc đó, người dân ở Vương xá Thành đều rất yêu thích và ủng hộ trí tuệ từ bi của đức Phật, họ không ngừng ca ngợi: “Nhu Lai xuất hiện ở thế gian, là điều đặc biệt hiếm có, các chúng sinh đều nhờ ơn của Ngài mà có thể rời khổ được vui. Họ còn ca ngợi 5 vị tỳ kheo trong đó có A Nhã Kiều Trần Như, ca ngợi Ca Diếp và một ngàn vị tỳ kheo khác: “Các vị đại đức tỳ kheo,

trước đây đã có duyên gì với Như Lai mà đã được nghe pháp sớm nhất vào lúc đầu tiên chuyển pháp luân, và được nếm pháp vị cam lồ Như Lai đầu tiên”.

Khi nghe được những lời khen của nhân dân trong thành, các tỳ kheo đã đến bái kiến Thế Tôn, và bẩm báo lại với Ngài điều này. Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Vì trước đây rất lâu, ta đã có lời đại thề nguyện, là nếu ta thành Phật đạo, chắc chắn ta sẽ độ hóa các con đầu tiên.

Sau khi nghe xong, các vị tỳ kheo hỏi Phật: “Trước đây rất lâu, Ngài đã có lời thề ra sao, thế thì chuyện là như thế nào, và nguyên nhân vì sao? Kính xin Thế Tôn từ bi giải thích cho chúng con”.

Đức Phật nói: “Các con hãy chú ý lắng nghe, và cố gắng suy nghĩ để nhớ lại. Rất lâu trong quá khứ, vô lượng vô biên bất khả tư nghị a tăng kỳ kiếp, ở thế giới Diêm Phù Đề này có một đại quốc tên Ba-la-nại, quốc vương lúc đó là vua Ca-lợi. Lúc đó, trong nước có một vị tiên nhân tu hành tên là Sạn Đề Ba Li (vị tiên nhãn nhục), ông cùng với năm trăm đệ tử vào một khu rừng trên núi để tu hạnh nhãn nhục.

Một hôm, vua Ca-lợi cùng các đại thần, phu nhân và các cung nữ lên núi du ngoạn. Đi một lúc lâu, quốc vương cảm thấy mệt mỏi nên nằm xuống nghỉ ngơi và ngủ thiếp đi. Những cung nữ tỏa ra đi khắp nơi để ngắm hoa thơm cỏ lạ, khi nhìn thấy vị tiên nhân nhục đang tĩnh tọa tư duy đã khởi lòng cung kính, nên đã rải rất nhiều hoa lên người ông, sau đó ngồi trước mặt ông lắng nghe ông thuyết pháp.

Sau khi tỉnh lại, vua Ca-lợi nhìn khắp nơi nhưng vẫn không thấy bóng dáng các cung nữ đâu, nên đã cùng với 4 vị đại thần đi tìm. Sau đó, khi nhìn thấy các cung nữ đang ngồi trước mặt vị tiên nhân, quốc vương bèn hỏi: “Khanh đã đạt được 4 định vô sắc, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi hữu tướng phi phi tướng xứ chưa?”.

Tiên nhân trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương lại hỏi: “Ngươi đã đạt được 4 tâm vô lượng từ bi hỉ xả chưa?”

Tiên nhân trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương lại hỏi tiếp: “Vây sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền, ngươi đã đạt được chưa?”

Tiên nhân lại trả lời: “Vẫn chưa đạt được”.

Quốc vương tức giận, nói: “Những công đức đó, ngươi vẫn chưa thành tựu được. Ngươi chỉ là một kẻ phàm phu chưa thoát tục, mà lại ở một mình cùng với các cung nữ trong nơi ẩn khuất như thế này, thì làm sao người ta có thể tin được ngươi là một người tu hành trong sạch?”.

Quốc vương lại hỏi tiếp: “Ngươi là người thế nào, thường xuyên ở đây tu học pháp gì?”.

Tiên nhân trả lời: “Tôi tu hạnh nhẫn nhục”.

Quốc vương lập tức rút kiếm ra, nói: “Nếu như ngươi tu hạnh nhẫn nhục, thì ta muốn thử xem, liệu nhà ngươi có thể nhẫn nhục được không?”

Nói xong, quốc vương dùng kiếm chặt đứt hai cánh tay của tiên nhân, sau đó lại hỏi: “Ngươi vẫn còn nói đang tu nhẫn nhục nữa chứ?”

Tiên nhân trả lời: “Đúng vậy, tôi đang tu nhẫn nhục”.

Tiếp theo, quốc vương chặt luôn hai chân của tiên nhân, và hỏi: “Ngươi vẫn còn nói đang tu nhẫn nhục nữa chứ?”

Tiên nhân vẫn trả lời: “Tôi đang tu nhẫn nhục”.

Quốc vương lần lượt cắt tiếp tai và mũi, nhưng thần sắc của tiên nhân vẫn không thay đổi, và vẫn nói đang tu nhẫn nhục. Lúc đó, trời đất rung động, 500 vị đệ tử của tiên nhân bay lên không trung, và hỏi sư phụ tiên nhân: “Người chịu nỗi đau khổ lớn như vậy, nhưng tâm tu nhẫn nhục vẫn không bị mất hay sao?”

Tiên nhân trả lời: “Tâm của ta rất kiên định, không hề bị lung lay”.

Nghe vậy, quốc vương vô cùng kinh sợ, liền hỏi tiên nhân: “Người tự xưng nhẫn nhục, nhưng lấy gì để chứng minh?”

Tiên nhân trả lời: “Nếu tôi thật sự có thể nhẫn nhục, lời nói và ý chí như một, lòng hết mực chân thành, không chút giả dối, thì máu trong người tôi chảy ra chắc chắn sẽ biến thành sữa tươi. Còn xác thân bị tàn phế này chắc chắn cũng sẽ hồi phục trở lại. Tiên nhân vừa nói xong, máu lập tức biến thành sữa tươi, cơ thể hồi phục trở lại bình thường như trước.

Nhìn thấy được minh chứng về sự nhẫn nhục của tiên nhân, trong lòng quốc vương càng sợ hãi, nên đã

xin tạ tội với tiên nhân: “Ta đúng là kẻ vô lễ, tội lỗi vô biên, dám bôi nhọ sĩ nhục đại tiên, kính xin Ngài mở lòng từ bi chấp nhận lòng sám hối của ta.

Tiên nhân nói: “Vì tham mê nữ sắc nên nhà ngươi đã khởi tâm sân hận với ta, dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhĩn. Sau khi ta thành Phật rồi, ta sẽ dùng dao trí tuệ để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ngươi”.

Nhìn thấy vua Ca-lợi nhục mạ tiên nhân oan ức như vậy, các chư long, quỷ thần trong núi đều tức giận, nên đã nổi mây đen vần vũ, sấm chớp vang rền tính làm hại vua Ca-lợi và các tùy tùng của ông. Lúc đó tiên nhân ngẩng đầu lên nói: “Nếu vì tôi, thì xin các Ngài đừng hại quốc vương và những người khác”.

Sau khi đã sám hối với tiên nhân, quốc vương thường xuyên lễ thỉnh tiên nhân trở về hoàng cung để được cúng dường. Lúc bấy giờ, nhìn thấy vua Ca-lợi rất cung kính đối với tiên nhân, có rất nhiều người ngoại đạo khác cảm thấy vô cùng ghen tị, nên họ đã lấy bùn đất và những thứ tạp nhạp dơ bẩn khác rồi núp vô chỗ kín để ném vô người tiên nhân. Nhìn thấy hành động

của những người ngoại đạo này, vị tiên nhân đã lập tức có lời thề nguyện: “Ta đang tu hạnh nhẫn nhục, là vị lợi ích của tất cả chúng sinh, cứ tiếp tục không ngừng tích lũy thiện hạnh, sau này chắc chắn sẽ thành Phật. Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng nước giáo pháp rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các người, để các người được mãi mãi trong sạch”.

Phật nói với các vị tỳ kheo: “Các người muốn biết vị tiên nhân nhẫn nhục lúc bấy giờ là ai không? Đó chính là tiền thân của ta. Vua Ca-lợi và 4 vị đại thần đi theo chính là A Nhã Kiền Trần Như và 4 vị tỳ kheo. Còn những vị ngoại đạo đã dùng bùn đất và những tạp chất dơ bẩn chọi vào người ta chính là những tỳ kheo ở làng Uất-ti-la bây giờ. Lúc đó vì ta tu hạnh nhẫn nhục và phát nguyện muốn độ hóa cho họ trước, cho nên sau khi thành Phật, những người đó nhận được sự độ hóa của ta đầu tiên để có thể rời khổ đau, đạt được giải thoát”. Khi đã được nghe Phật khai thị, các tỳ kheo đều ca ngợi câu chuyện xưa nay chưa từng có này, hoan hỉ tiếp nhận và y giáo phụng hành.

Câu chuyện này trong “Kinh Kim Cang” cũng có nhắc đến, tôi tin rằng mọi người cũng đã từng nghe qua: “Nhuở xưa ta bị vua Ca-lợi cắt đứt thân thể, khi ấy ta không có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả. Tại sao? Vì thuở xưa, khi thân thể ta bị cắt ra từng phần, nếu còn tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh và tướng thọ giả thì sinh lòng sân hận.”

Vị tiên nhân nhủ nhục chính là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Có người khi bị người khác phỉ báng hay đánh chửi thì muốn trả thù, ăn miếng trả miếng. Nhưng vị tiên nhân nhủ nhục đã không những không khởi tâm sân hận, mà còn nói với vua Ca-lợi: “Ngươi dùng dao chặt các bộ phận trên thân thể ta, nhưng ta vẫn an nhĩ. Sau khi thành Phật rồi, ta cũng sẽ dùng dao chặt ngươi; nhưng đây không phải là dao bình thường mà là dao trí tuệ, để đoạn trừ tam độc tham sân si trong tâm ngươi”. Vị tiên nhân đã phát nguyện: “Sau khi thành Phật, ta sẽ độ hóa ngươi đầu tiên”, cho nên sau khi Phật Thích Ca thành đạo, tới vườn Lộc dã Uyển chuyển pháp luân độ hóa 5

vị tỳ kheo, trong đó A Nhã Kiều Trần Như chính là vua Ca-lợi trước đây, còn 4 vị tỳ kheo kia chính là 4 vị đại thần đi cùng.

Lúc vua Ca-lợi chặt những bộ phận trên cơ thể của tiên nhân, có nhiều thiên thần muốn hại Ca-lợi và những người thân của ông, nhưng tiên nhân đã ngăn cản: “Nếu như vì ta, xin tuyệt đối đừng hại họ”. Vua Ca-lợi rất cảm động, đã sám hối với tiên nhân, và còn thỉnh Ngài về hoàng cung để cúng dường. Thật ra vua Ca-lợi cũng quan tâm ủng hộ những người ngoại đạo khác, nên khi nhìn thấy quốc vương cung kính và trọng đãi tiên nhân, họ rất ghen tị. Họ núp trong chỗ khuất, dùng bùn đất và những chất dơ bẩn chọi vào tiên nhân.

Chúng ta hãy kiểm điểm lại xem, nếu bị người khác dùng những chất dơ bẩn chọi vào người, có thể chúng ta sẽ rất tức giận, và mau chóng lấy nước rửa sạch những vết bẩn này. Nhưng vị tiên nhân không những không tức giận, mà còn nói với họ: “Nếu sau này thành Phật rồi, ta sẽ dùng pháp thủy rửa sạch những vết bẩn, tiêu trừ những vết bẩn tham dục trong lòng các ngươi, để các ngươi được mãi mãi trong sạch”.

Cơ thể chúng ta nếu dơ bẩn, nước có thể rửa sạch được chúng, nhưng sau một khoảng thời gian, nó lại dơ trở lại, sắc thân của chúng ta không thể mãi mãi trong sạch. Nhưng đức Phật đã phát nguyện dùng nước giáo pháp để rửa sạch những phiền não thế tục của chúng sinh, hy vọng pháp thân sẽ được trong sạch vĩnh viễn.

Còn vài ngày nữa là “Lễ tắm Phật”, trong lúc tắm Phật chúng ta xướng tụng “Kệ tắm Phật”. Nội dung là: “Ngã kim quán mộc chư Như Lai, tịnh trí trang nghiêm công đức hải, ngũ trược chúng sinh li trần cấu, đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân”.

Tương truyền lúc thái tử Thích Ca chào đời, có 9 con rồng phun nước tắm sạch kim thân của thái tử. “Kệ tắm Phật” nói “quán mộc chư Như Lai”, nên không phải chỉ một mình “Thích Ca Như Lai” mà là “tất cả những Như Lai”. Thật sự, Phật đã thanh tịnh viên mãn rồi, vốn không cần chúng ta phải tắm nữa. Mà lễ tắm Phật là để chúng ta cảm ơn Như Lai từ bi giáng sinh xuống thế gian độ hóa chúng sinh. Nhân lễ tắm Phật để chúng ta được cúng bái tất cả Như Lai và tất cả chư Phật, và kết thiện duyên thanh tịnh. Chúng ta dùng

nước thơm rưới lên Như Lai, nguyện để Như Lai dùng thủy pháp trí tuệ thanh tịnh rửa sạch phiền não của chúng ta, để chúng ta cũng được như Phật, có trí tuệ thanh tịnh, phúc đức trang nghiêm, công đức như đại hải. Không chỉ bản thân mình rửa bỏ được bụi trần, mà còn nguyện cho chúng sinh ngũ trược ác thế đều có thể rời xa bụi trần. Không chỉ bản thân mình chứng đắc pháp thân thanh tịnh Như Lai, mà còn nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng pháp thân thanh tịnh Như Lai.

Hy vọng mọi người trong lúc tụng Phật có cơ hội quán tưởng nội dung của “kệ tụng Phật”, không chỉ nghĩ tới “Thích Ca Như Lai”, mà thực tế, Phật Phật đạo đồng, tất cả bình đẳng, trong lòng chúng ta quán tưởng tụng tất cả Như Lai, và mong muốn tất cả Như Lai dùng pháp thủy rửa sạch phiền não của chúng ta. Không chỉ bản thân mình rửa bỏ được bụi trần, mà còn mong cho tất cả chúng sinh rửa bỏ được bụi trần. Không chỉ bản thân mình chứng đắc pháp thân thanh tịnh Như Lai, mà còn nguyện cho tất cả chúng sinh đồng chứng pháp thân thanh tịnh Như Lai.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 19 tháng 4 năm 2014*

Kinh La Vân nhẫn nhục

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 769a đến trang 770a “Đại Chánh Tạng” tập 14, “Kinh La Vân nhẫn nhục”.

Có một khoảng thời gian, đức Phật trú ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ. Xá Lợi Phất và La Vân vào buổi sáng mặc cà sa cầm bát vô thành khát thực. Lúc đó có một người lờn nói cử chỉ nóng nảy bộp chộp vừa nhìn thấy hai vị hiền nhân, liền nghĩ: “Đệ tử số một của Thích Tôn là sa môn Xá Lợi Phất và La Vân đã tới khát thực rồi”, người này sinh ra ý ác, liền ngồi xuống hốt một nắm đất rồi bỏ vào bình bát của Xá Lợi Phất, và còn lấy đá ném vào đầu La Hầu La.

Thầy Xá Lợi Phất nhìn thấy máu chảy ướt mặt La Hầu La, liền nói với đệ tử của mình: “Bản thân là đệ tử Phật, phải cẩn thận, không được khởi lên niệm ác, mà nên dùng lòng từ bi để thương xót chúng sinh.

Thế Tôn thường nói: ‘Người nào nhẫn nhục, người

đó sẽ có được niềm an lạc thật sự bền vững. Và chỉ là người trí, mới có thể làm được'. (Nói cách khác: Chỉ có người trí mới có thể có được sự an nhĩn thật sự; khi an nhĩn thật sự mới có thể có được niềm an lạc mãi mãi).

Sau khi nghe được lời dạy của đức Phật, từ đó cả đời ta không bao giờ vi phạm. Ta cẩn thận thâm nhĩp tâm niệ̃m của mình, coi nhĩn nhục như điều quý báu. Nếu như buông lỏng tâm niệ̃m, đi làm chuyện ác, cũng giống như bản thân mình nhảy vô lò lửa. Tự cao tự đại, tự cho mình là số 1, thì chỉ có người ngu muội mới tưởng như vậy là cao minh, hoàn toàn không nghĩ tới tai họa bất ngờ, cuối cùng chỉ hại cho bản thân mình.

Những tội lỗi khi phóng túng tâm niệ̃m còn nặng hơn núi Tu Di. Dù cả đời phải chịu tội nghiệp quả báo, cũng không giảm nhẹ được 1/16 tội báo trong đó. Cũng giống như cầm lửa đi ngược với chiều gió, nếu như không thể buông bỏ những hành động ngông cuồng ngu muội đó, thì tàn lửa sẽ bay ngược lại thiêu cháy chính mình.

Người hèn hạ, trong lòng luôn có đầy những suy nghĩ ác độc, và luôn cho mình là thông minh. Nếu như

tỳ kheo, nên dựa vào đạo lực của tứ quả sa môn (chứ không phải dựa vào bạo lực). Là đệ tử của Phật phải thường xuyên điều phục tự tâm, chỉ cần phát hiện ác niệm sanh khởi nên lập tức nhận biết và diệt trừ, như vậy mới là người mạnh mẽ nhất trong những người mạnh mẽ. Thiên thần đế vương tuy rằng có thế lực, nhưng nếu như không biết điều phục ác niệm, thì sức mạnh đó không thể gọi là mạnh được. Chỉ có sức mạnh của nhẫn nhục, mới là sức mạnh chí cao vô thượng”.

Thấy máu cứ không ngừng tuôn trên mặt mình, La Hầu La đã lấy nước để rửa vết máu và nói: “Nỗi đau cơ thể con phải gánh chịu cũng chỉ là nỗi đau trong một thời gian ngắn. Điều bất lực là, đối phương phải chịu một nỗi khổ triền miên. Người đó có nhiều tội ác, và nơi đây cũng không phải là nơi tốt đẹp, nhưng con không thể vì vậy mà mang lòng oán hận, ngược lại còn thương xót vì sao người đó lại làm như vậy. Đức Phật là bậc Đạo sư tôn kính của con, đã dạy cho con tu học tâm từ bi vô lượng”. Gặp phải người có tính hung ác, ngang tàng, bất chấp, sa môn phải giữ sự bình tĩnh, kiên nhẫn, thành tựu phẩm chất đạo đức cao thượng.

Người hung ác tàn bạo, sẽ được người ngu si tôn sùng. Còn những sa môn tu nhãn nhục, gìn giữ tự tâm, thì bị những người ngu muội nông cuồng coi khinh.

Người đó đã làm nhiều chuyện ác, chẳng lẽ con cũng phải giống như ông ấy sao? Luân hồi tam giới không có giới hạn, chẳng lẽ phải tiếp tục luân chuyển như vậy sao? Nếu như con trả thù ông ấy, lấy oán trả oán, thì con sẽ phải chịu tiếp tục luân hồi tam giới giống như ông ấy - con không muốn như vậy. Con muốn dùng đạo lý chân thực nhất của đức Phật đã dạy, để khai đạo khuyên can những người mê muội. Nhưng liệu, cũng giống như dùng một thanh kiếm thật bén để chặt một thi thể đã mục rữa, thi thể đó có biết đau hay không? Nó sẽ không hề biết đau. Điều này không phải do thanh kiếm không đủ sắc bén, mà vì thi thể đó không có tri giác, nên nó sẽ không có phản ứng gì. Cũng giống như dùng cam lồ của thiên nhân để cho những con heo dơ bẩn trong chuồng ăn, chúng nó sẽ không thèm ngó ngang gì tới mà ngoảnh đầu bỏ đi. Phải chăng cam lồ không ngon? Thật ra không phải vậy, mà bởi vì những con heo đó không biết quý trọng cam

lồ.

Con muốn dùng những lời chân thật của đức Phật đã dạy để giáo huấn những kẻ tàn ác và ngu muội trên thế gian. Chẳng phải như vậy sao?”

Hai thầy trò cùng trở về tịnh xá. Ăn cơm xong, sau khi đã rửa bát rửa tay sạch sẽ, hai thầy trò cùng đến trước đức Phật, ngồi xếp chân đánh lễ Phật. Xá Lợi Phất ngồi lui ra một bên, và kể lại đầu đuôi câu chuyện cho Phật nghe. Sau khi nghe xong Thế Tôn nói: “Khi một người sanh khởi niệm ác, là người đó bắt đầu bại hoại, sẽ dẫn đến bại vong. Người đó sau khi chết, tới lúc nửa đêm, sẽ bị đọa lạc vào địa ngục vô gián, lính cai ngục ở đó sẽ cho họ vô số hình phạt tàn khốc, thân đầy vết thương, khổ hết chỗ nói, phải trải qua 8 vạn 4000 tuổi thì mới kết thúc, sau đó đầu thai thành rắn mãng xà trong miệng có chất độc, chất độc vẫn không ngừng đe dọa sẽ làm hại bản thân. Cứ không ngừng tuần hoàn, lại đầu thai là thân rắn độc, chỉ có thể ăn cát đá, cho tới hàng vạn năm sau mới chấm dứt.

Vì dùng tâm sân hận để đối xử với người tu hành thanh tịnh trì giới, nên sau khi chết sẽ đầu thai thành

rắn độc; vì bỏ đất cát vô chén, nên đời đời kiếp kiếp phải ăn đất cát mà chết, mãi tới khi chịu đủ khổ báo mới được đầu thai làm người. Lúc người mẹ mang thai nhi này, thường bị trọng bệnh, dẫn đến tài sản trong nhà bị tiêu hao đến hết. Sau khi đứa bé này chào đời, đầu óc ngu muội trì độn, cơ thể bị khiếm khuyết tay chân, những người thân nhìn thấy đều kinh ngạc sợ hãi. Những người thân trong dòng họ đều nói: “Yêu quái ở đâu tới vậy? Như vậy sẽ đem lại điềm xấu”, thế là bèn đem đứa bé bỏ ở ngã tư đường. Ai ai đi qua cũng đều sợ hãi trước hình hài của đứa bé này, có người còn dùng gạch đá chọi nó, hoặc dùng dao dùng gậy gõ lên đầu nó, lấy chân giẫm lên đầu nó, khiến nó đau khổ muôn phần. Chưa đầy một tháng thì nó chết (vì ở đời trước nó đã đánh vào đầu của thánh La Hầu La, nên bây giờ phải bị quả báo như vậy). Sau khi chết nó lại đầu thai, và lại là một đứa bé bị thiếu tay chân, đầu óc ngu muội trì độn. Trải qua 500 đời, trọng tội mới tiêu trừ. Sau đó đầu thai làm người, nhưng vẫn thường xuyên bị nhức đầu”.

Thế Tôn nói tiếp: “Xá Lợi Phất, nếu con người ở thế gian mà không biết tu hành hạnh nhãn nhục, thì

những nơi đã đầu thai, sẽ không gặp được đức Phật xuất thế, cách xa Phật pháp, tăng chúng, thường đọa vào 3 đường ác, cứ tuần hoàn như vậy, trải qua nhiều đời nhiều kiếp, thường xuyên gặp phải đủ loại tai nạn, nếu như vẫn còn chút phước đức, thì dù được sanh làm người, nhưng tư chất ngu muội, tính tình hung ác bạo ngược; vì trong lòng đố kỵ thánh nhân, phỉ báng tam bảo, nên tướng mạo xấu xí, mọi người đều ghét bỏ; cuộc sống nghèo khổ, mong cầu quan tước công danh nhưng không được, trong lòng mong cầu điều gì cũng không thành, thiên thần và thánh hiền đều không phù hộ, nửa đêm thường thấy ác mộng, thấy yêu quái xuất hiện, thường gặp phải tai họa, gia đình luôn xào xáo, trong lòng thường lo sợ. Sở dĩ như vậy, là vì không biết tu học nhẫn nhục và điều phục tâm ác. Người có thể nhẫn nhục thì gia đình luôn yên ấm, tất cả tai họa đều được tiêu trừ. Mong cầu điều gì sẽ được như ý, dung mạo trang nghiêm xuất chúng, cơ thể khỏe mạnh, ít bệnh tật, tiền tài sung túc, vinh hoa phú quý. Có được tất cả những điều này là nhờ biết nhẫn nhục và dùng từ tâm để làm lợi ích chúng sinh. Tu học nhẫn nhục có thể

tích lũy phước đức, không chỉ bản thân, mà thân thuộc cũng được bình an, dòng họ hòa thuận vui vẻ, không có điều gì phiền muộn. Người có trí tuệ luôn hiểu thấu được đạo lý này, và có thể điều phục tâm niệm của mình. Bởi vì chỉ trong một niệm, sẽ có thể mang lại cho người ta tai họa vô cùng. Không chỉ nhà tan cửa nát, bị pháp luật trừng phạt, bị xử tử, mà thậm chí còn bị đọa địa ngục, bị thiêu đốt, hoặc bị đọa vào đường ngã quỷ, đường súc sanh... đều là những tai họa do ác niệm mang tới”.

Thế Tôn nói tiếp: “Thà rằng dùng kiếm sắc đâm vào bụng, cắt đứt thịt da, tự nhảy vô lò lửa; nhưng cũng phải cẩn thận, tuyệt đối không được làm chuyện ác. Thà rằng đầu đội núi Tu Di, để bị đè chết, hoặc nhảy xuống biển cả mênh mông để làm mồi cho cá; nhưng cũng phải cẩn thận, tuyệt đối không được làm chuyện ác. Không biết chân nghĩa, thì phải cẩn thận, tuyệt đối không được nói lung tung. Chánh pháp của Đức Phật khai thị, đôi khi không giống với cách nhìn của thế tục. Những thứ người thế tục quý trọng, đôi khi người tu đọa lại coi thường và muốn bỏ đi. Nước sông trong vắt

và nước sông vẫn đục không thể chảy chung dòng, người trí và người ngu sẽ đi về hai hướng khác nhau. Người a dua nịnh hót sẽ coi người trung thành vô tư là kẻ thù. Người gian tà thường đố kỵ với người chân chính. Cũng vì vậy, người cố chấp tham dục sẽ bài xích những người tu hành chánh pháp chánh hạnh ly dục như chúng ta. Thà phải nuốt than hồng đang cháy, chứ tuyệt đối không được phỉ báng tam bảo. Vàng sáng vinh quang của tu nhân nhứt nhứt luôn luôn hơn hẳn ánh sáng của nhật nguyệt. Sức lực của của rồng hoặc voi có thể nói vô cùng mạnh mẽ, nhưng vẫn không bằng một phần nhỏ so với sức lực của nhân nhứt. Bảy loại báu chói rọi, người thế gian đều muốn có được, nhưng sau khi có rồi, không những nó sẽ mang tới sự lo lắng, thậm chí còn dẫn tới tai họa. Chỉ có nhân nhứt mới là châu báu thật sự, từ đầu tới cuối đều có được sự bình an. Bồ thí thập phương, tuy có được phước đức lớn, nhưng cũng không bằng phước đức sự nhân nhứt mang tới. Tu học tâm nhân nhứt hành thiện, đời đời kiếp kiếp không có oán thù, trong lòng bình an vui vẻ, không có bất cứ tai họa nào. Thế gian không có gì để có thể

nương tựa, chỉ có nhãn nhục làm chỗ dựa cho chúng ta. Nhãn nhục là nơi trú ẩn an toàn nhất, tất cả những tai họa đều không thể phát sinh. Nhãn nhục là áo giáp linh nghiệm, không có bất cứ vũ khí, binh lính nào làm tổn thương được. Nhãn nhục là chiếc thuyền kiên cố, có thể vượt qua được mọi gian nan. Nhãn nhục là thuốc hay, có thể cứu được tính mạng của chúng sinh.

Người lập chí tu học nhãn nhục, thì không có nguyện vọng nào mà không thực hiện được. Nếu muốn trở thành chuyển luân thánh vương thống trị cả thiên hạ, hoặc muốn sanh vào cõi trời thứ hai Đao Lợi để làm Đế Thích Thiên Vương, thậm chí sanh vào cõi trời thứ sáu Tha Hóa Tự Tại Thiên để có tuổi thọ vô tận, cơ thể thanh khiết, tất cả nguyện vọng đều có thể thực hiện, giống như lấy đồ trong nhà của mình, với tay là có được. Nếu muốn chứng ngộ tứ quả sa môn, sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, cũng có thể chứng đắc, tùy theo tâm nguyện của bản thân mà đạt được.

Bây giờ ta có thể thành tựu Phật đạo, được tất cả thiên nhân tôn kính, vượt qua tam giới. Tất cả, đều do lực nhãn nhục mà thành tựu”

Thì ra trong quá khứ Thế Tôn đã từng là vị tiên nhân nhẫn nhục, và vì vậy mà thành tựu. Đức Phật nói với tất cả sa môn: “Nên trì tụng kinh nhẫn nhục, không giây phút nào quên. Thọ trì, hiểu ý nghĩa, đọc tụng, và giảng dạy cho mọi người, để hoằng dương công đức nhẫn nhục, lợi ích cho chúng sinh”. Đức Phật nói xong, các sa môn đều thấy hoan hỉ, tác lễ rồi đi.

Trong câu chuyện này có những điểm sau đây đáng để chúng ta suy nghĩ.

Nếu bản thân có nhiều phiền não, cũng không được khởi tâm sân hận với người khác. Nếu khởi ác niệm và phỉ báng người thanh tịnh, cũng giống như cầm một bó đuốc đi ngược chiều gió, thì chỉ làm cho mình bị phỏng; cũng giống như ngửa mặt lên trời phun nước bọt, cuối cùng đờm cũng chỉ rơi xuống chính mặt mình. Nếu tạo trọng tội, đời này chỉ nhận ác báo, và khi chết sẽ bị đọa đường ác, lại tiếp tục chịu khổ báo. Dù cho phải chịu quả báo tội nghiệp suốt cả đời, nhưng những nghiệp báo được tiêu trừ cũng chưa bằng 1/16, những khổ báo phía sau vẫn còn rất nhiều. Chúng ta nên dựa vào đạo lực tu hành để hàng phục bản thân, chứ không phải dựa

vào bạo lực của lời lẽ hay bạo lực của cơ thể để chinh phục người khác. Thiên thần, rồng và voi tuy có sức mạnh rất lớn, nhưng tất cả sức mạnh đó cũng không bằng sức mạnh của sự nhẫn nhục. Trong kinh cũng nói: Người ngu muội không thể tiếp nhận lời chỉ dạy của đức Phật. Cũng giống như dùng một thanh kiếm sắc bén để chặt một thi thể mục rữa, thi thể đó sẽ không hề biết đau. Điều này không phải do thanh kiếm không đủ sắc bén, mà vì thi thể đó không có tri giác, nên nó sẽ không có phản ứng gì. Cũng giống như dùng cam lồ của thiên nhân để đem cho heo ăn, chúng nó sẽ không thèm ngó ngàng gì tới mà ngoảnh đầu bỏ đi. Thật ra không phải cam lồ không ngon, mà bởi vì những con heo đó không biết quý trọng cam lồ”.

Chúng ta hãy kiểm điểm lại bản thân, nếu như trong lòng phiền não, không thể tiếp nhận lời giáo hối của đức Phật, hay lời khuyên giải của sư trưởng, đạo hữu, vậy thì, lúc đó chúng ta có khác gì cái thi thể mục nát không có phản ứng kia không? Có khác gì với những con heo đã từ chối cam lồ không?

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 08 tháng 3 năm 2014*

Người thức đêm thấy đêm dài, người mệt mỏi thấy đường xa, người ngu si khó thoát con đường sinh tử

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 616 ~ 617 trong “Kinh Xuất Diệu, Phẩm Vô Thường” thuộc “Đại chánh tạng” quyển thứ 4.

Trong kinh nói: Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận.

Trước đây, trong khoảng thời gian ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, đức Phật nói với các tỳ kheo: “Có 4 loại người, vào buổi tối, thời gian ngủ ít, thời gian thức nhiều. Đó là 4 loại người nào? Loại thứ nhất là phụ nữ chìm trong nỗi nhớ cánh đàn ông. Loại thứ hai là đàn ông chìm trong nỗi nhớ người phụ nữ. Loại thứ ba là những kẻ trộm cắp. Loại thứ tư là những tỳ

kheo mong muốn đạt được thiên định, nên không ngủ nghỉ để tinh tấn tu hành chánh pháp.

Tuy rằng 4 loại người này đều có thời gian ngủ ít, thời gian thức nhiều, nhưng 3 loại người trước thì cảm thấy đêm rất dài, chỉ có những tỳ kheo tu học chánh pháp thì không cảm thấy đêm dài dằng dặc.

Những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường đi càng ngày càng xa; những người ngu si vô tri, vì không biết chánh pháp nên không thể nào được giải thoát, vì vậy sinh tử kéo dài vô tận”.

Trong khoảng thời gian đức Phật ở vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ, có một vị Bà La Môn ở kiếp trước đã tích rất nhiều phước đức, nhân duyên đặc độ đã chín muồi, và đã vô tình nghe được câu kệ tụng: “Người ngu muội vô tri sinh tử vô tận”. Vị này có rất nhiều vàng bạc châu báu, có rất nhiều người hầu kẻ hạ, sự nghiệp thành công, gia sản sung túc, 5 thê 7 thiếp ai ai cũng xinh đẹp đoan trang, tài sắc vẹn toàn, không thể chê vào đâu được. Lúc đó, trong lòng vị Bà La Môn này nghĩ: “Mình nên tới chỗ của Như Lai, để thỉnh giáo đức Phật trong tương lai sẽ có mấy vị Phật xuất thế?”.

Thế là, Bà La Môn ra khỏi thành đi về tịnh xá Kỳ Hoàn tới trước mặt Thế Tôn, đánh lễ đức Phật xong ngồi qua một bên chấp tay hỏi Thế Tôn: “Con xin thỉnh giáo Ngài một chuyện, nếu như Ngài cho phép con mới dám mạo muội nói ra”.

Thế Tôn nói: “Người cứ hỏi, Như Lai sẽ trả lời”.

Bà La Môn nói: “Thế Tôn, xin hỏi trong kiếp sau sẽ có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Thế Tôn nói: “Trong kiếp sau sẽ có hằng hà sa số đức Phật xuất thế”.

Nghe xong, Bà La Môn cung kính ngưỡng vọng đức Phật, trong lòng dâng lên niềm vui khôn xiết và khởi một thiện niệm: “Kiếp sau sẽ có hằng hà sa số chư Phật xuất thế, sau này mình phải tới trước chư Phật để tu thanh tịnh, tu tập phước đức không hề mệt mỏi. Có điều, bây giờ mình có gia sản sung túc, vàng bạc châu báu đầy nhà, lại có nhiều người hầu kẻ hạ để mình sai khiến bất cứ lúc nào, sự nghiệp lại rất thành công, còn có thể thiếp tài sắc vẹn toàn, bây giờ mình có thể dựa vào phước báo tu tập của nhiều kiếp trước để hành bố thí, có cầu tất ứng, không phụ lòng người có tâm”.

Nghe được những lời khai thị của đức Phật, người Bà La Môn ghi khắc trong lòng, sau đó đi 3 vòng quanh đức Phật rồi chấp tay cáo từ. Nhưng đi chưa được bao lâu thì Bà La Môn lại nghĩ: “Mình mới hỏi trong kiếp sau có bao nhiêu đức Phật xuất thế, mà quên hỏi Phật ở quá khứ. Bây giờ mình nên quay lại hỏi Thế Tôn những kiếp trước đã từng có bao nhiêu đức Phật xuất thế”.

Bà La Môn lập tức quay trở lại, đến trước mặt Thế Tôn, chấp tay chào hỏi xong, lui sang một bên, hỏi Thế Tôn: “Những kiếp trước đã từng có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Đức Phật trả lời: “Ở những kiếp trước đã từng có hằng hà sa số đức Phật xuất thế”.

Nghe xong, Bà La Môn liền bật khóc thảm thương, và lớn tiếng nói: “Con thật ngu si, đã luân hồi trong sinh tử bao nhiêu lâu nay, những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao con vẫn không gặp được? Đây là một điều rất đáng thương”. Ông ta cứ khóc và nhiều lần tự trách mình: “Nguyên nhân đều do mình quá buông thả, đã không làm theo nguyện vọng, khiến trong thời gian dài mình bị đọa trong chốn phàm

phu, hoặc trong đường địa ngục, súc sinh, ngã quỷ để chịu khổ, phải ở trong rừng đao núi kiếm, xe lửa, lò than; hoặc phải phục tội thụ hình trong địa ngục băng tuyết lạnh giá như Tuyết Sơn hàng vạn năm, chờ tới hết kiếp mới được thoát ra; hoặc bị quay nướng trong địa ngục, chịu đủ mọi cảnh khổ, còn nếu được sanh làm người, thì cũng ở nơi không có Phật pháp, dù có đức Phật xuất thế cũng không gặp được. Trước đây, có vị tỷ kheo đã dạy bảo con: Người ngu si sinh tử vô tận. Điều này không sai chút nào. Bây giờ con phải tinh tấn chăm chỉ. Nếu bây giờ không lập tức quy y Như Lai, chẳng lẽ còn phải chờ tới khi chư Phật trong tương lai xuất thế thì mới quy y sao? Nhà cửa đất đai, vợ con gia quyến đều là những trói buộc bên ngoài, thì tại sao phải tham luyện những thứ ngoài thân mà hủy hoại giáo giới của thánh giả (không thể tiếp tục tham luyện những vật ngoài thân mà để mất cơ hội tu học Phật pháp)”.

Bà La Môn lập tức chấp tay trước đức Phật, quỳ xuống thưa với Thế Tôn: “Thế Tôn, xin Ngài cho phép con được xuất gia theo Ngài, được tu học phạm hạnh thanh tịnh trong tăng đoàn”.

Lúc này, Thế Tôn nói với các tỳ kheo: “Các người hãy dẫn dắt vị Bà La Môn này, chỉ bảo uy nghi, độ cho vị đó xuất gia trở thành tỳ kheo”.

Các tỳ kheo làm theo lời chỉ dạy của Phật, độ hóa vị Bà La Môn này xuất gia làm sa môn, để ông ấy ở một nơi yên tĩnh, tư duy, lựa chọn, tu tập pháp hiền thánh. Vị thiện nam tử xuất thân Bà La Môn này xuất gia học đạo, xuống tóc, mặc tăng phục, có lòng tin kiên cố để xa rời gánh nặng gia đình thế tục, xuất gia tu học phạm hạnh thanh tịnh vô thượng, tịnh hóa thân tâm, chứng đắc niết bàn thanh tịnh, chấm dứt sinh tử, phạm hạnh đã lập, việc cần làm đã làm xong, không còn luân hồi sinh tử trong ba cõi, thật sự chứng đắc thánh đạo, đoạn tuyệt phiền não đấng A La Hán quả.

Lúc đó Thế Tôn quan sát đầu đuôi nhân duyên, để giúp đỡ những tỳ kheo khác sớm chứng đắc niết bàn giải thoát, cũng vì để những chúng sinh tương lai chỉ bày đại quang minh, nhóm lên ánh sáng trí tuệ, để chính pháp thường trụ thế gian.

Đức Phật nói với Bà La Môn, đại ý là: “Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người

mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận, không phải có con cái là đã có chỗ dựa, cũng không thể dựa vào cha mẹ hay vào anh em, mà lúc đối diện với cái chết, thì không có bất cứ người thân nào để có thể cho mình nương tựa.

Trang 307 trong quyển 33 “Đại Chánh Tạng” tập 25 cũng có nói:

Sau khi thành đạo, đức Phật trở về quê hương hoằng pháp, phụ thân của Thích Tôn là vua Tịnh Phạn nhìn thấy những đệ tử của Thích Tôn có thể vì tu khổ hạnh nên người nào cũng gầy ốm, có vẻ không được trang nghiêm, nên đã hạ lệnh cho mỗi gia đình trong tộc Thích Ca phái một nam đinh xuất gia làm đệ tử đức Phật (Tộc Thích Ca đều thuộc tầng lớp vương công quý tộc, ăn ngon mặc đẹp, hồng hào trắng trẻo. Có thể vua Tịnh Phạn nghĩ như vậy mới là trang nghiêm).

Đức Phật lựa chọn ra 500 vị có thể đắc đạo, tới thành Xá Vệ xa xôi để tu hành. Tại sao không ở lại quê hương là thành Ca-tỳ-la để tu hành, mà phải dẫn họ tới thành Xá Vệ xa xôi? Bởi vì những người này vẫn chưa ly dục, nếu để họ ở gần với những bạn bè người thân sợ

rằng họ sẽ dễ dàng phá giới, nên đức Phật đã dẫn họ tới thành Xá Vệ, rời quê hương thật xa. Đức Phật còn chỉ thị cho Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên giáo hóa cho họ đêm đầu và những đêm sau đều chuyên tâm không ngủ, vì tinh tấn tu hành nên không lâu họ đã chứng đắc. Sau khi đắc đạo, đức Phật lại dẫn họ trở về cố hương. Thông thường thì tất cả chư Phật sau khi trở về cố quốc đều ở trong rừng tiên nhân Ca-tỳ-la cùng với đại hội chư thiên chúng, khu rừng này cách thành Ca-tỳ-la 50 dặm, lúc chưa xuất gia gia tộc Thích Ca vẫn thường tới đây du ngoạn săn bắn. Những tỳ kheo xuất thân từ dòng tộc Thích Ca, lúc ở thành Xá Vệ đã không ngủ nhiều đêm liền để chuyên tâm tu hành, vì vậy mà đêm cảm thấy rất dài; ra khỏi rừng để vào thành khát thực phải đi bộ 50 dặm, nên cảm thấy đường rất xa. Lúc này, đức Phật đã biết được suy nghĩ của họ, nhân lúc có con sư tử tới đánh lễ dưới chân đức Phật, sau đó lui sang một bên, đức Phật bèn nói một câu kệ, đại ý là: Những người không ngủ sẽ cảm thấy đêm dài; những người mệt mỏi sẽ cảm thấy đường xa; còn người ngu si không biết chánh pháp thì sanh tử vô tận.

Đức Phật nói với các tỳ kheo: “Lúc các người vẫn chưa xuất gia, tâm niệm buông thả, thời gian ngủ rất nhiều, không cảm thấy đêm dài, bây giờ nhiều đêm liền chuyên tâm cầu đạo, vì giảm thời gian ngủ lại nên cảm thấy đêm rất dài. Khu rừng Ca-tỳ-la này vốn là nơi để các người tới du ngoạn săn bắn nên không cảm thấy xa, bây giờ phải đắp y cầm bát đi bộ hành rất mệt nên sẽ cảm thấy đường rất dài. Ngoài ra, con sư tử này kiếp trước lúc ở đức Phật Tỳ-bà-thi vốn là một vị thầy Bà La Môn, nhìn thấy đức Phật đang thuyết pháp nên đã tới chỗ Phật thuyết pháp. Lúc đó, vì đại chúng quá chuyên tâm nghe đức Phật thuyết pháp, không ai chào hỏi ông ấy, nên ông đã khởi lên ác niệm, thốt lên những lời ác độc, thậm chí chửi mắng: “Đám đầu trọc các người, không khác gì với lũ súc sinh, không biết phân biệt đâu là người tốt, không biết chào hỏi người tốt”. Vì chửi người, tạo nên khẩu nghiệp, mãi cho đến bây giờ, trong 91 kiếp luôn bị đọa trong đường súc sinh. Vị thầy Bà La Môn này đáng lẽ lúc đó đã có thể đắc đạo, nhưng vì ngu si tự tạo ác nghiệp nên bị luân hồi trong tam giới, sinh tử vô tận. Có điều, vị thầy Bà La Môn ngày xưa

bây giờ là một con sư tử, vì phát tâm thanh tịnh trước đức Phật, sau này có thể được giải thoát”.

Trong câu chuyện này nhắc tới: Không ngủ sẽ thấy đêm dài, càng mệt thấy đường càng xa, người ngu muội sinh tử vô tận.

Người không ngủ được, tại sao cảm thấy đêm dài? Người mệt mỏi không đi nổi, tại sao cảm thấy đường xa? Cũng giống như thời học tiểu học, khi thầy giáo dẫn chúng ta đi bộ thật xa, đi mệt rồi chúng ta thường hỏi thầy: “Sắp tới chưa thầy?”, và thầy thường an ủi: “Sắp tới rồi, sắp tới rồi”. Như vậy đó, người mệt mỏi thì luôn cảm thấy đường rất xa. Người ngu si không biết chánh pháp, bị đọa trong luân hồi lục đạo, không biết tới khi nào mới được giải thoát, vì vậy mới nói là sinh tử vô tận.

Ngoài ra, vị Bà La Môn còn hỏi đức Phật: “Trong tương lai sẽ có bao nhiêu đức Phật xuất thế?”

Đức Phật trả lời: “Trong kiếp sau sẽ có hằng hà sa số chư Phật xuất thế”.

Bà La Môn nghĩ: “Nếu trong tương lai còn có nhiều chư Phật xuất thế như vậy, thì mình vẫn còn cơ hội”.

Nhưng khi đi được vài bước, đột nhiên ông ấy nghĩ: “Mình mới hỏi trong tương lai có bao nhiêu đức Phật xuất thế, mà quên hỏi đức Phật ở quá khứ”, thế là vội vàng quay lại hỏi đức Phật.

Đức Phật trả lời: “Ở những kiếp trước đã từng có hằng hà sa số Phật xuất thế”.

Vị Bà La Môn này rất có tuệ căn, nên đã cảnh tỉnh ngay lập tức: “Những kiếp trước đã có hằng hà sa số chư Phật xuất thế nhưng tại sao mình vẫn không gặp, hoặc cũng đã từng gặp, nhưng tại sao mình vẫn luôn hỏi trong tam giới lục đạo?” Có cơ duyên nghe được Phật pháp, mong rằng quý vị hãy quý trọng, nếu không nắm bắt ngay bây giờ thì còn chờ tới khi nào?

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé.

Phước Nghiêm, ngày 12/4/2014

Thân người khó được, như con rùa mù chui vào lỗ của miếng gỗ trôi

Kính chào các vị pháp sư, các vị cư sĩ.

Hôm nay xin chia sẻ với các vị một câu chuyện kinh điển trong Phật giáo, câu chuyện này được trích từ trang 291b~c trong “Đại Trang Nghiêm Luận Kinh” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Kinh điển Phật pháp nêu: có tới 8 loại chướng ngại khi nghe Phật pháp. Đó chính là “8 điều khó” mà chúng ta thường hay nói. Đây là 8 loại chướng ngại khiến chúng ta không gặp được đức Phật, không nghe được chánh pháp.

Thứ nhất là đọa vào đường Địa ngục.

Thứ hai là đọa vào đường Súc sinh.

Thứ ba là đọa vào đường Ngã quỷ.

Đây là 3 đường rất khổ.

Thứ tư là sanh vào cõi trời Trường Thọ, hưởng lạc quá mức mà không biết vô thường.

Thứ năm là sanh không gặp đức Phật ra đời, chính là sanh vào lúc trước khi đức Phật xuất thế hoặc sau khi

Phật pháp suy diệt, trong khoảng thời gian đó sẽ không gặp được chư Phật.

Thứ sáu là sanh vào nơi không có Phật pháp, tuy rằng cùng thời với đức Phật, nhưng ở một nơi cách xa đức Phật nên cũng không nghe được Phật pháp.

Thứ bảy là lực căn không đầy đủ, thì dù ở thời gian đức Phật xuất thế, và ở một nơi gặp được đức Phật, nhưng vì lực căn không đầy đủ nên cũng không thể gặp Phật và nghe pháp được.

Thứ tám là sinh trong một gia đình có tà kiến, không tin Phật pháp.

Kinh nói: Để không bị đọa vào 8 điều này đã là rất khó, còn để có được thân người lại càng khó hơn. Nếu đã rời xa được 8 điều này, thì nên tinh tấn tu học Phật pháp.

Trước đây nghe nói, có một cậu bé nghe được kinh Phật rằng: “Con rùa mù gặp được lỗ hổng của miếng gỗ trôi là một điều vô cùng khó”. Cậu bé này rất có tinh thần thực nghiệm, cậu nghĩ: “À, điều có thật như vậy không nhỉ?”

Thế là cậu ấy tìm một miếng gỗ, khoét một cái lỗ

trên đó, đủ để có thể chui đầu vào, rồi thả miếng gỗ xuống hồ. Sau đó, cậu bé tự nhảy xuống hồ, ngụp lặn trong đó và cố tìm cách chui đầu vào lỗ hổng trên miếng gỗ. Nhưng miếng gỗ cứ nổi bồng bênh trên mặt nước, cuối cùng cậu bé không thể nào chui đầu vào được.

Thế là cậu ấy nghĩ: “À, thì ra chuyện này khó thật, khiến cho người ta cảm thấy chán nản. Chúng sinh trầm luân trong biển khổ không thể thoát ra được, phải chăng cũng giống như vậy? Thân người khó được, cũng giống như vậy. Đức Phật đã so sánh bằng hình ảnh miếng gỗ với cái lỗ rất nhỏ và nổi trên mặt biển bao la, con rùa lại bị mù, hơn nữa 100 năm mới nổi lên mặt nước một lần, nếu muốn chui đầu vô được lỗ hổng đó, thì đúng là điều quá khó. Bây giờ mình chỉ ở trong một hồ nước nhỏ, lỗ hổng trên miếng gỗ tương đối lớn, mình lại mở to hai mắt, và trôi lên mặt nước tới cả trăm lần, vậy mà vẫn không thể chui đầu vào được. Vậy thì con rùa mù kia làm sao có thể chui đầu vào một miếng gỗ có lỗ rất nhỏ như vậy”.

Thế là cậu bé nói một đoạn kệ, đại ý là:

Biển rộng bao la, lỗ hồng trên miếng gỗ lại rất nhỏ. Rùa mù trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần, muốn chui vô được lỗ hồng đó đúng là một điều quá khó. Bây giờ mình ở trong một hồ nước nhỏ, lỗ hồng trên miếng gỗ rất lớn, mình lại nổi lên mặt nước nhiều lần mà vẫn không chui vào miếng gỗ được. Vậy thì con rùa mù muốn gặp được miếng gỗ, đúng là cơ hội này quá mong manh. Cơ hội có được thân người từ trong ác đạo cũng sẽ mong manh như vậy. Đời này mình có cơ hội có được thân người, thì không được coi thường, càng hướng chi có hằng hà sa số Đức Phật, mình chưa có cơ hội gặp được.

Hôm nay mình có cơ hội nghe được chánh pháp vô cùng vi diệu của đức Phật, và Thế Tôn có đầy đủ mười năng lực, mình nhất định phải phụng trì tu hành. Nếu có thể tinh tấn tu hành thì cơ hội thoát ra khỏi sinh tử luân hồi sẽ càng lớn. Muốn đoạn phiền não, được giải thoát, đây là chuyện tuyệt đối không thể nào do người khác giúp cho mình đạt được, mà bắt buộc phải là tự mình tinh tấn tu hành mới thành tựu.

Nếu bị đọa vào 8 điều khó, thì không biết tới khi

nào mới có thể thoát được. Nghiệp của thế gian như bóng với hình, luôn luôn đi theo chúng ta. Nếu đã tạo ác nghiệp thì sẽ bị đọa vào ác đạo. Bây giờ mình nhất định phải thoát ra khỏi lao ngục ba cõi “dục giới, sắc giới và vô sắc giới”. Nếu không thể thoát ra khỏi lao ngục này, thì làm sao có thể giải thoát?

Nếu bị đọa vào đường súc sinh, bắt buộc phải trải qua vô lượng kiếp chịu đựng đủ loại hình đau khổ, như đòn roi, nô dịch, và sát hại.

Nếu bị đọa vào đường địa ngục, ngã quỷ thì cũng giống như đêm dài u ám, khổ não nặng nề, không được thấy Phật, nghe pháp. Nếu tự mình không tinh tấn tu hành, thì làm sao có thể thoát khỏi 3 ác đạo hiểm ác?

Ngày nay, tuy mình đã có được thân người hiếm có, nhưng vẫn không đoạn tận được cái khổ, vẫn chưa thoát khỏi lao ngục tam giới, cần phải vận dụng những phương tiện thật khéo léo để nỗ lực tinh tấn, nhất định phải thoát ra khỏi lao ngục tam giới. Bây giờ mình khẩn cầu xuất gia, nhất định phải làm cho mình được giải thoát.

Cậu bé trong câu chuyện này rất có tinh thần thực

nghiệm, nghe đức Phật dạy: “Thân người khó được, như con rùa mù chui vào miếng gỗ trôi”. Cậu bé đã tự nhảy xuống hồ nước, nhưng vẫn không thể nào chui vô được miếng gỗ của mình”.

Cậu bé đem hình ảnh “con rùa mù và miếng gỗ” trong kinh Phật để so sánh với những thí nghiệm của mình.

Một bên là rùa, một bên là người.

Một bên là biển rộng mênh mông, một bên là hồ nước nhỏ hẹp. Hơn nữa, biển còn có thủy triều, sóng to gió lớn, còn mặt nước hồ tương đối bình lặng.

Miếng gỗ trôi trên biển có cái lỗ rất nhỏ, còn miếng gỗ của mình có cái lỗ rất lớn.

Con rùa bị mù, không nhìn thấy gì; còn mình thì mở to hai mắt để tìm miếng gỗ mà vẫn không tìm được.

Ngoài ra, rùa mù một trăm năm mới trôi lên mặt nước một lần; còn mình thì mỗi ngày trôi lên mặt nước hàng trăm lần.

So sánh như vậy, thì muốn có được thân người là một điều vô cùng khó. Chúng ta có phước gặp được Phật pháp, nên cần phải nắm bắt và tinh tấn tu hành,

đừng để biến thành con rùa mù nữa.

Chúng ta hãy cùng cố gắng nhé!

*Phước Nghiêm, ngày 26 tháng 4 năm
2016*

Muốn thoát cái khổ thân này, nên mong cầu tịch tịnh

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử!

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh điển Phật giáo, câu chuyện này trích từ “Phẩm An Ninh” trong kinh “Pháp Cú Thí Dụ” từ đoạn đầu đến đoạn giữa của trang 595 quyển thứ 4 trong “Đại Tạng Kinh”.

Ngày xưa, đức Phật ở tại tịnh xá nước Xá Vệ, lúc đó có bốn vị Tỳ kheo đang ngồi dưới gốc cây, trao đổi với nhau những câu hỏi:

“Trong thế gian cái gì là khổ nhất?”

Một người nói: “Việc khổ nhất trong thiên hạ, không gì qua diệt dục”.

Người khác nói: “việc khổ nhất trong thế gian, không gì qua sân hận.”

Người khác nói: “việc khổ nhất trong thế gian, không gì qua ăn uống.

Người khác thì nói: “chuyện khổ nhất trong thế gian, không gì qua sự sợ hãi.” Họ biện luận ý nghĩa của

sự khổ như vậy hoài mà không dừng.

Đức Phật biết được sự biện luận đó nên đến trước mặt các vị Tỳ kheo rồi hỏi: “Vừa rồi các thầy biện luận vấn đề gì?”. Các vị tỳ kheo lập tức đứng dậy đánh lễ đức Phật và mỗi người trình bày tường tận chuyện họ đang biện luận.

Đức Phật nói: “Các thầy Tỳ kheo! Sự thảo luận của các vị đều đạt đến ý nghĩa chân thực cuối cùng của sự khổ. Việc khổ nhất ở thế gian, không gì qua cái thân thể này! Ăn uống, nóng lạnh, sân giận, sợ hãi, hám sắc, oán hận... các tội lỗi, đều do cái thân thể này tạo ra. Do đó, chỉ có cái thân thể này mới là nguồn gốc của sự đau khổ, là căn nguyên của tội lỗi. Vì cái thân thể này đã khiến cho chúng sanh hao tận tâm tư, lao tâm, lao lực, lo lắng, sợ hãi. Chúng sanh trong ba cõi ngã chấp trời buộc, cùng nhau xâm hại, thăm sát, cướp bóc, sanh tử luân hồi không dừng. Nếu muốn xa lìa sự khổ của thế gian, nên tìm cầu Niết bàn tịch tịnh, thâm nhiếp thân tâm, giữ gìn chánh niệm, yên lặng tịch tĩnh, không khởi phân biệt, như vậy mới có thể chứng được Niết bàn, mới là niềm vui lớn nhất.”

Do vậy Đức Phật đã nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Khổ não lớn nhất không gì qua diệt dục, sự độc hại mãnh liệt nhất không gì qua sân hận, sự thống khổ lớn nhất không gì qua sự hiện hữu của thân này, niềm vui tột đỉnh không gì qua Niết bàn tịch lạc.

Không nên tham cầu cái vui nhỏ, chút ít khả năng biện luận, một chút trí tuệ; Mà nên quan sát, tìm cầu trí tuệ rộng lớn, mới có thể nhận được niềm an lạc lớn nhất.

Ta là Thế Tôn, đã giải thoát vĩnh viễn, không còn bất cứ ưu sầu khổ não, đã vượt qua sự luân hồi của ba cõi, tự mình đã hàng phục các ác ma.”

Đức Phật nói xong đoạn kệ này, Người nói tiếp với các vị Tỳ kheo: “Trong quá khứ vô số kiếp, có một vị tỳ kheo tên là Tinh Tấn Lực đã chứng đắc năm thứ thần thông. Ông ấy ngồi dưới gốc cây trong rừng tinh tấn tịnh tu cầu đạo. Lúc đó, xung quanh ông ấy có bốn thứ chim thú: chim bồ câu, quạ, rắn độc, nai, chúng thường gần gũi với ông. Họ sống với nhau ngày này qua ngày khác rất yên ổn. Bốn loại chim thú này ban ngày đi kiếm ăn, chiều lại quay về. Có một đêm, bốn thứ chim

thú này cùng nhau thảo luận: “Trong thế gian, cái gì là khổ nhất?”

Con quạ nói: “Ăn uống là khổ nhất! Khi đói khát thân thể yếu ớt, chóng mặt hoa mắt, thần thức không yên ổn, thường tự chui đầu vào lưới, không thể kiểm soát được sự nguy hiểm của dao bén. Do nguyên nhân của sự đói khát, mà chúng ta mất đi sinh mạng. Cho nên nói đói khát là sự đau khổ nhất.”

Chim bồ câu thì nói: “Triệt dục rất thống khổ! Khi lửa ham muốn bốc lên, thì hoàn toàn không thể kiểm soát bất cứ chuyện gì; nên nó rất nguy hại đến thân xác tính mạng, đều do triệt dục mà ra.”

Còn rắn độc thì nói: “sân hận rất đau khổ, khi đã sanh khởi một niệm ác độc, thì không còn kể gì đến thân sơ, xa gần, không chỉ hại người mà còn hại đến mình.”

Còn nai thì ý kiến: “Giật mình sợ hãi rất đau khổ! Khi chúng ta đi trong rừng hoang dã, mà trong tâm lúc nào cũng lo lắng, sợ hãi thợ săn và lang sói lúc nào cũng có thể xông đến. Thế nên, chỉ cần một tiếng động nhỏ là đã khiến cho chúng ta giật mình chạy khắp nơi,

vì thế nên thường bị rút xuống hố sâu. Không chỉ mẹ con chia lìa, mà sợ hãi đến gan tan mật nát, cho nên nói giật mình sợ hãi rất thống khổ.”

Vị tỳ kheo chứng đắc ngũ thông nghe xong liền nói với chúng rằng: “Các bạn chỉ nói đến nhanh lá trôi, chứ chưa nói đến nguồn gốc thâm sâu của sự đau khổ. Cái khổ trong đời không có cái gì qua thân xác hiện tại. Thân thể là công cụ thọ khổ, đem lại cho chúng ta sự âu sầu và sợ hãi vô hạn. Vì vậy, ta mới xa lìa thế tục, xuất gia học đạo, diệt tắt vọng tưởng phân biệt, không tham đắm thân thể do Đất - Nước - Lửa - Gió: bốn đại gia hợp này. Muốn đoạn trừ cội nguồn đau khổ, chỉ có lập chí hướng về đạo giải thoát Niết bàn. Niết bàn tịch tịnh, vô hình vô tướng, vĩnh viễn tiêu trừ ưu sầu tội lỗi, đó mới là sự an lạc bậc nhất.” Bốn loại chim thú sau khi nghe xong tâm ý được sáng tỏ.

Đức Phật bảo các vị tỳ kheo: “Vị tỳ kheo đắc ngũ thông lúc đó chính là tiền thân của ta; còn bốn loại chim thú đó chính là tiền thân của các vị. Các ông trong quá khứ đã từng nghe ý nghĩa căn bản của khổ rồi, tại sao bây giờ lại nói như vậy chứ?”

Các vị tỳ kheo sau khi nghe xong cảm thấy xấu hổ liền tự trách mình. Ngay đó trước đức Phật họ chúng đăc qua A La Hán.

Ngoài ra, trong dân gian còn lưu truyền một câu chuyện khác. Vào một mùa hạ nóng bức, có năm loại động vật nhỏ tập trung bên bờ hồ, có chú ve thích hát trong mùa hè, còn có cá, chim, ong và rùa. Trong chúng có một con đê nghị: “Mỗi người đều có một nỗi niềm khó nói, vậy mọi người tự nói một câu đối trình bày nỗi khổ trong tâm của mình để cùng chia xẻ.”

Chú ve nói trước: “Kim phong vị động thiên tiên giác, ám tống vô thường tử bất tri.” Kim phong nghĩa là gió mùa thu. Chỉ vào mùa hè loài ve mới có thể dùng hết sức mình cất giọng cao để hát. Mùa thu chưa tới, nhưng loài ve sớm đã có cảm giác, thời gian không biết đến lúc nào, và cái chết không còn xa nữa.

Chú cá tiếp tục: “Ngũ hồ tứ hải nhậm du du, tự tâm đoạn kiến thượng điếu câu.” Loài cá có thể bơi lội khắp trong năm hồ bốn biển, nhưng khi con người thả xuống chút mồi ngon, là cá đã không dừng được sự cảm dỗ, nên bị móc trong lưỡi câu. Đó là ngu ngốc tự mắc câu.

Quạ thì ngậm ngùi: “Loài người vì tiền tài mà chết, còn loài chim thì vì miếng ăn mà mất mạng.”

Chú ong chua chát nói: “Hút hoa thành mật xong, vì ai mà cực khổ cả đời?”

Cuối cùng, mọi người đều hướng mắt nhìn bác rùa, đợi bác ấy phát biểu. Bác rùa phản ứng chậm chạp, thò đầu ra rất khổ tâm vì không biết nói gì cho phải?. Chính ngay lúc đó, có một đứa con trai nghịch ngợm đi ngang qua, nhìn thấy chim thú tập trung lại với nhau, nó nghĩ: “Ah! Có năm con thú nhỏ đang tập trung ở đây, mình ném một cục đá, ít nhất cũng trúng một con.” Do đó, đứa con trai thuận tay lượm cục đá ném tới trúng ngay đầu của con rùa. Bác rùa hoảng nhiên thức tỉnh nói: “thị phi là do nói nhiều chuyện, phiền não đều do cố ý xuất đầu lộ diện.”

Mọi người đều tán thán: “Bác rùa nói rất hay, nói rất hay!”

Lúc này, đứa con trai vì dùng sức quá mạnh, không để ý nên bị té rơi vào trong hồ nước; mọi người đều đồng cảm thán: “Đường lên trời rộng không đi, biển khổ vô biên hẹp thì lại xuống.”

Đức Phật nói có tám thứ khổ: sanh, già, bệnh, chết, cầu mà không được, oán ghét lại gặp nhau, thương yêu thì xa lìa, năm ấm bất hòa khổ.

“Cầu bất đắc khổ”: là mọi người luôn hi vọng được giàu có, danh vọng hay quyền lực. Nhưng thường cầu lại không được nên cảm thấy đau khổ.

“Oán tắng hội khổ”: Là đôi bên không phù hợp ý kiến với nhau, chỉ nhìn thôi là đã không ưa rồi, nên càng nhìn càng buồn, nhưng lại thường phải ở với nhau, không thể xa lìa, thật là đau khổ.

“Ái biệt ly khổ”: Là người thương mà không thể ở với nhau, nên thường ở trong tình trạng nhớ nhung, thậm chí là sanh li tử biệt. Đúng là đau khổ tột cùng.

“Ngũ thủ uẩn khổ”: Đó là do sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp lại mà thành thân tâm. “Ngũ thủ uẩn khổ” này là căn nguyên của mọi sự đau khổ, cũng là câu ở trong “Kinh Pháp Cú Thí Dụ” “Cái khổ trong thế gian, không gì qua cái thân hiện tại”. Chúng sanh vì chấp trước cái sắc thân này, chấp thân tâm này mà dẫn khởi “sanh, già, bệnh, chết” khổ..., vì tham đồ vật dục mà có “cầu bất đắc khổ”. Trong quan hệ xã hội thì có “oán tắng hội

khô” và “ái biệt ly khô”, cho nên nói “ngũ thủ uẩn khô” là căn nguyên của mọi sự thống khổ.

Cho nên, muốn diệt trừ đau khổ, phải đoạn trừ phiền não, không nên chấp trước cái khổ báo thân ngũ uẩn mới được!

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 26 tháng 4 năm 2013*

Kỳ Dạ Đa đuổi rồng ác, nghe nỗi khổ về sự sống lâu của ngọc quý

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến!

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ “Kinh Tạp Bảo Tịch” kinh số 91 trang 483a~c “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Ngày xưa có một vị tôn giả A-la-hán tên là Kỳ Dạ Đa, sinh tại nước Quy Tân, phía bắc Ấn Độ. Đó là thời kỳ sau khi Đức Phật nhập Niết bàn bảy trăm năm.

Lúc đó ở nước Quy Tân có một con vua rồng hung bạo, tên là A Lợi Na. Nó thường nhiễu loạn ở trong nước, quấy rầy các bậc thánh hiền; gieo rắc tai họa cho người dân. Do vậy, mà dân chúng rất lo lắng, khổ sở.

Khi đó có hai ngàn vị A-la-hán, mỗi vị đều sử dụng hết sức thần thông của mình để đuổi con rồng ác này ra khỏi nước. Trong đó, năm trăm vị A-la-hán dùng thần thông làm chấn động mặt đất, năm trăm vị A-la-hán phóng ánh sáng chói lòa, năm trăm vị nhập định, năm trăm vị đi kinh hành. Tất cả các vị A-la-hán đều dùng

hết sức thần thông của mình, nhưng cũng không thể làm nhúc nhích con rồng chúa quái ác này.

Lúc này, Tôn giả Kỳ Dạ Đa là người tới cuối cùng. Ông đến nơi vua rồng ở bên hồ, gõ ba tiếng rồi nói: “Rồng! Mày phải đi ngay lập tức, không được ở lại nơi đây!”

Long vương nghe xong lập tức đi ngay, không dám ở lại.

Khi đó hai ngàn vị A la hán hỏi Kỳ Dạ Đa: “Chúng tôi và Tôn giả đều đã đoạn tận tất cả phiền não được giải thoát, sở đắc được giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến ngũ phần pháp thân cũng như nhau; Vì sao chúng tôi mỗi người đều dùng hết thần lực của mình, nhưng cũng không khiến long vương nhúc nhích. Vậy mà Tôn giả chỉ cần búng tay “tốc! tốc! tốc!” ba cái, thì đã khiến được long vương rời khỏi nơi đây, dời đến nơi biển lớn vậy?”

Tôn giả trả lời: “từ trước tới giờ tôi luôn giữ gìn trì giới thanh tịnh. Tội nhỏ nhất, tôi cũng không dám vi phạm, giống như không phạm vào bốn giới trọng sát, đạo, dâm, tà vọng vậy. Hôm nay mọi người không điều

khiến được con rồng này là do lực thần thông không giống nhau.”

Sau đó, tôn giả Kỳ Dạ Đa cùng các đệ tử đi về phía Bắc Ấn Độ, giữa đường gặp một con quạ, tôn giả ngược đầu nhìn nó mỉm cười.

Đệ tử thưa hỏi: “Không biết tại sao Tôn giả lại cười? Hi vọng, ngài có thể nói cho chúng con nghe hàm ý của nó được không?”

Tôn giả trả lời: “Khi nhân duyên đến, ta sẽ nói với các con.”

Thầy trò họ lại tiếp tục lên đường, đi đến thành Thạch Thất. Khi đến cửa thành, thần sắc của tôn giả đột nhiên trở nên buồn bã. Vì đã đến thời gian ăn cơm trưa nên họ vào trong thành khát thực. Dùng cơm xong, khi đi về tới cổng thành, sắc mặt của Tôn giả lại biểu hiện rất buồn bã.

Các vị đệ tử liền quỳ thẳng gối thỉnh ý tôn giả: “Không biết vừa rồi tại sao tôn giả lại mỉm cười? Mà bây giờ tại sao sắc mặt lại buồn bã như vậy?”

Tôn giả Kỳ Dạ Đa trả lời đệ tử rằng: “trong quá khứ chín mươi một kiếp, sau khi Phật Tỳ Bà Thi nhập Niết

bàn, Thầy sanh làm con trai ở nhà một vị trưởng giả. Khi ấy, thầy cầu xin cha mẹ cho xuất gia, nhưng cha mẹ không đồng ý và nói rằng: “Nhà mình nhiều tài sản, sự nghiệp to lớn, nếu con đi xuất gia rồi thì ai nối nghiệp gia đình và nối truyền tông đường đây?. Chúng ta cưới vợ cho con, đợi con sanh con trai, có người nối dõi tông đường rồi sẽ cho con xuất gia.” Do đó thầy đã lập gia đình.

Sau khi cưới vợ, thầy lại cầu song thân cho xuất gia, cha mẹ lại nói: “Nếu sanh được một đờn con trai, mới cho con xuất gia.” Không bao lâu, gia đình thầy đã sanh được một cậu con trai. Khi bé trai đã biết nói, thầy lại thỉnh cầu song thân: “Hi vọng cha mẹ giữ lời hứa, cho con xuất gia.”

Khi đó cha mẹ thầy lo lắng sợ thất hứa, lén kêu vú em dạy thẳng bé: “Cha con nếu muốn đi xuất gia, lúc sắp đi, con hãy ra đứng chặn ở cửa, nắm áo cha con và nói rằng: Cha đã sanh con ra, tại sao bây giờ bỏ con mà đi xuất gia? Nếu cha thật sự muốn đi, thì cha hãy giết con trước rồi hẵng đi.”

Lúc ấy cha đờn bé cảm thấy rất đau khổ, liền đổi ý

nói với đứa trẻ rằng: “Được rồi! được rồi! cha sẽ ở lại, không đi nữa.” Vì nhân duyên như vậy mà luân hồi sanh tử không ngừng trong ba cõi sáu đường.

Sau đó, ta dùng đạo nhãn quan sát trên trời, cõi người, tam ác đạo trong quá khứ, phát hiện rằng chúng ta gặp nhau rất khó! Có duyên gặp nhau thật là khó! Hôm nay không dễ dàng gì mới gặp mặt nhau. Lúc đầu thầy mỉm cười với con quạ, trước kia là con của ta, và cũng là cháu của trưởng giả.

Cho đến vừa rồi tại sao sắc mặt thầy rất đau buồn, là do khi ta đến bên thành nhìn thấy con của con quỉ đói, nó nói với ta rằng: “tôi đã ở bên thành này đã bảy mươi năm rồi, mẹ tôi vì tôi đã vào trong thành xin ăn nhưng tới giờ vẫn chưa quay về. Tôi bây giờ vừa đói vừa khát, đau khổ vô cùng, hi vọng tôn giả vào trong thành, nếu gặp mẹ tôi xin nói giúp một tiếng: “Mau quay về gặp tôi!”

Sau khi ta vào thành, gặp mẹ của quỉ đói, liền nói với bà ấy rằng: “con của bà ở ngoài thành, đói khát khôn khổ rất nguy cấp, nó rất nhớ bà, nó hi vọng sớm được gặp bà.”

Khi ấy quý mẹ nói với ta rằng: “Tôi vào thành này cũng đã hơn bảy mươi năm, tôi phước đức mỏng manh, lại mới sanh con trai, đói khát yếu ớt không có sức lực, tuy có thấy thức ăn máu mủ, đờm giải, nước miếng, phân v.v., nhưng bị các con quỷ khỏe mạnh giành trước, nên tôi không có được thứ gì cả! Cuối cùng không dễ dàng kiếm được một miếng đồ ăn bất tịnh. Cũng muốn đem ra ngoài thành chia cho con cùng ăn, nhưng đành bất lực vì trong thành có nhiều con quỷ mạnh khỏe không cho tôi đi ra. Hi vọng tôn giả từ bi thương xót, đem tôi ra ngoài thành, để mẹ con tôi có thể gặp nhau, cùng ăn đồ ăn bất tịnh này.”

Lúc này tôn giả liền đem quý mẹ ra ngoài thành, hai mẹ con mới được gặp nhau và cùng ăn thức ăn không được sạch sẽ này.

Khi ấy, Tôn giả hỏi quý mẹ: “Người sống ở thành này bao lâu rồi?”

Quý đói trả lời: “tôi ở đây xem thành này xây lên được bảy lần, và cũng chứng kiến nó đã bảy lần bị phá hủy.”

Tôn giả cảm thán: “Ah! Thọ mạng của nga quỷ thật

là lâu, đúng là đại khổ!”

Khi đó chúng đệ tử nghe xong câu chuyện đều chán ghét sanh tử luân hồi, không bao lâu đều chứng Thánh quả.

Câu chuyện này có ba đoạn nội dung khác nhau:

Đoạn đầu nói hai ngàn vị A la hán dùng hết sức thần thông của mình nhưng cũng không làm nhúc nhích được con rồng ác, nhưng tôn giả Kỳ Dạ Đa vì từ khi thọ giới giữ gìn thanh tịnh, ngay cả giới nhỏ nhất cũng không dám phạm. Vậy nên, Tôn giả chỉ cần búng tay ba cái, nói với nó rằng: “Đi ngay lập tức!”, Rồng ác liền ngoan ngoãn đi ngay. Thật ra, trừ ngoại hình của rồng ác ra, chúng ta nghĩ xem có phải trong tâm cũng có một con rồng ác? Chúng ta hãy tự mình phản tỉnh: có phải mình cũng rất dễ dàng nổi giận? Một khi giận dữ nổi lên thì không thể dừng lại. Giận dữ không chỉ làm tổn thương người khác mà còn làm hại cả thân mình. Nếu như giữ giới nghiêm ngặt, thì không chỉ có thể đối trị với rồng ác ở bên ngoài, mà còn có thể đối trị rồng ác ở trong tâm.

Đoạn thứ hai nói về chuyện xuất gia là việc khó,

nghĩa là muốn xuất gia, thông thường hay bị gia đình cản trở, cần có đầy đủ nhân duyên mới được. Nếu như có người muốn xuất gia, chúng ta không nên làm chướng ngại người khác xuất gia. Nếu như tự mình có nhân duyên xuất gia thì cũng nên trân trọng. Ngoài ra, có những người kì vọng đời sau có thể kết duyên vợ chồng hay kết làm cha con, thầy trò v.v.. Nhưng trong kinh đã nói: nếu như không có giải thoát ra khỏi tam giới, mọi người tự luân chuyển trong sáu đường, có duyên gặp lại cũng không phải dễ dàng, trừ khi oan gia đường hẹp. Thật ra, nếu như không có đồng nguyện đồng hành, muốn gặp lại cũng không dễ dàng gì.

Đoạn thứ ba là nhắc tới thọ mạng của ngạ quỷ rất lâu, từ khi nhìn thấy một thành phố xây dựng lên rồi bị hủy hoại, bị hủy hoại rồi lại xây mới. Đã trải qua bảy lần xây dựng, rồi lại bị hủy hoại mà ngạ quỷ vẫn còn chưa chết. Đây cũng là do đời trước tham lam, chỉ có thể ăn được một ít đồ máu mủ, mũi giải, nước miếng, phân v.v.. dơ dáy; là những thứ dơ dáy này thật đáng ghê sợ. Đã vậy, lại còn thường bị những con quỷ mạnh khỏe khác giành giật, nên luôn luôn bị đói khát. Trong

kinh nói: “Bỏ xén tài vật, không chịu bố thí thì sẽ bị quả báo nghèo nàn. Keo kiệt không chịu hành bố thí pháp thì sẽ bị quả báo ngu xuẩn.” Chúng ta nếu không muốn bị đọa vào cõi ngạ quỷ, thì nên diệt trừ tham lam, thực hành hạnh bố thí nhiều mới được!

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 23.11.2013 Ban tuyên truyền gia ố
dục Phước Nghiêm*

Nhân duyên Ưc Nhĩ vào thành ngạ quỷ tìm nước

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến.

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ kinh “Đại Trang Nghiêm Luận” từ 275c~ 276b trong “Đại Chánh Tạng” quyển thứ 4.

Chủ nhân câu chuyện này là Ưc Nhĩ, theo “Thập tụng luật” chép: nghe nói rằng Ưc Nhĩ lúc ra đời, tai có đeo vòng vàng giá trị một ức (trăm triệu), do đó mọi người gọi là Ưc Nhĩ. Về sau Ông cảm thấy cuộc đời vô thường mà phát tâm xuất gia.

Trong kinh nói rằng: thị hiện quả báo phóng túng là nguyên nhân hi vọng mọi người không nên phóng túng.

Hồi xưa nghe nói rằng, vị thương nhân có một người con trai tên là Ưc Nhĩ, người con trai đó ra biển lận tìm của quý. Sau khi tìm được của báu, trên đường trở về nhà, cùng đồng bạn tách nhau ngủ qua đêm. Do không có người bên cạnh, trong lúc lo lắng bồn loạn, lại vừa đói vừa khát, thì thấy xa xa có một thành phố, cậu

nghĩ rằng nơi đó nhất định có nước uống, nên đi về hướng đó để xin nước.

Ức Nhĩ đi đến bên con đường cái rộng lớn có thể lưu thông với những con đường khác trong thành, lẽ ra phải có nhiều người tập trung mới đúng, nhưng lại không có một bóng người, vì quá đói khát nên hét lên: “nước! nước!”. Nhưng thật ra ngôi thành này là nơi cư ngụ của quỷ đói.

Chúng ngựa quỷ trong thành nghe tiếng “nước”, lập tức từ bốn nơi tám phía tập trung lại nói: “vị nào từ bi cho tôi nước uống?”

Thân hình của những con quỷ này như ông táo bị đốt cháy, chỉ có râu tóc bao quanh. Chúng quạ quỷ chấp tay thưa: “làm ơn cho tôi nước!”

Ức Nhĩ trả lời: “Vì ta quá khát nước mới tìm đến thành này tìm nước !”

Lúc này chúng ngựa quỷ nghe nói Ức Nhĩ vì không chịu nổi cơn khát nên mới tìm đến, thì những hi vọng mong manh đã tan nát, chúng liền than vãn: “Người không biết đây là thành phố ngựa quỷ sao mà lại muốn tới đây tìm nước?”

Ngạ quỷ liền nói bài kệ, đại ý như sau:

“Chúng tôi ở trong thành này đã trải qua trăm ngàn vạn năm đều chưa từng nghe qua chữ “nước”, thì làm sao mà có nước uống? (Đương nhiên là không uống được nước. Chữ nước còn chưa nghe tới thì làm sao mà có nước mà uống chứ?)

Chúng tôi cũng giống như rừng Đa La bị lửa lớn thiêu rụi vậy, thân thể chân tay, gân cốt đều đang bị thiêu đốt.

Bất kể là ngày hay đêm, đầu tóc đều rơi bù, thân thể đều bị huỷ hoại; chúng tôi chỉ nghĩ đến thức ăn, và sợ hãi đi lang thang khắp nơi.

Do bị đói khát bức bách, muốn đi đến các nơi xin nước, thì có người cầm gậy rượt đuổi, khi đuổi tới nơi thì bị ăn đòn một trận như tử.

Tai chỉ thường nghe những tiếng chửi mắng, chưa từng nghe dù là nửa câu nói hay, huống hồ chi là chúng tôi có được một giọt nước để thấm nhuần cổ họng và đầu lưỡi khô khan này!

Trong núi non này, nếu trời mưa xuống thì dù là một giọt, ngay lập tức nước mưa sẽ biến thành nước lửa

nóng rực dội trên người chúng tôi.

Nếu như thấy sông ngòi, rạch nước, lập tức chúng đều biến thành biển lửa đang chảy; mỗi khi nhìn thấy ao hồ và nước giếng thì chúng lập tức khô cạn, hoặc biến thành máu mù, hôi thối dơ dáy làm cho mọi người kinh tởm.

Thực ra chúng tôi muốn chạy đến nơi có nước, nhưng chúng Dạ Xoa cầm gậy sắt đánh dữ dội không cho tới gần. Chúng tôi bị sự đau khổ như vậy thì làm sao có nước bổ thí cho người chứ?

Trong quá khứ, vì chúng tôi quá tham lam, lại thường ganh tị người khác. Cho đến bây giờ cũng chưa từng bố thí nước và thức ăn cho bất kì người nào.

Đồ vật của riêng không những không muốn cho người khác, mà còn ngăn cản người khác bố thí. Do trong quá khứ chúng tôi tạo các ác nghiệp quá lớn, nên ngày nay phải chịu sự đau khổ và buồn phiền như vậy.

Bố thí có thể nhận được quả báo lớn như mùa xuân gieo rắc hạt giống, mùa thu có thể thu hoạch. Nhưng quá khứ chúng tôi không có gieo trồng nhân tốt, nên đời này phải chịu khổ như vậy.

Do phóng dật giải đãi, tham lam ích kỷ, không dám bố thí, nên phải nhận quả khổ vô cùng tận. Nguồn gốc của mọi sự đau khổ không gì qua tâm tham, đố kỵ. Do vậy nên nỗ lực tinh tấn, mới mong tiêu trừ tội lỗi này.

Bố thí là hạt giống thiện, từ đây có thể sinh sản mọi thứ có lợi ích, an lạc. Vì vậy mọi người nên thường hành thiện bố thí, đừng như chúng tôi, để đến giờ khi gặp quả báo khổ mới hối hận thì đã không kịp nữa.

Cũng như vậy, trong loài người, nếu nhìn về ngoại hình thì không có gì khác nhau, nhưng do tạo nghiệp không đồng nên có quả báo cũng không giống nhau.

Người phú quý thì có rất nhiều tài sản. Mà người khốn khó luôn phải ngửa tay cầu xin người khác giúp đỡ. Người ở cõi trời tuy dụng cụ ăn uống giống nhau, nhưng sắc hương mỹ vị của thức ăn lại khác nhau vời vợi.

Nếu đọa vào trong hàng súc sanh, nghiệp báo cũng không giống nhau, có loài thì được hưởng phước lạc, có loài thì gặp muôn ngàn khổ não. (Giống như thú cưng, được chủ nhân tắm rửa, cho ăn, dắt đi tản bộ, nhưng là thú hoang... thì lại không có thức ăn).

Do tham lam, keo kiệt, ganh tỵ thì dù là loài người, trời, hay súc sanh khi đi đến bất cứ nơi đâu, tất cả sự tốt đẹp an lạc đều biến mất, luôn thiếu hụt.

Loài ngựa quỉ bị lửa dữ thiêu đốt vô cùng đau khổ, chân tay đốt xương đều bốc khói và lửa như cây hoa màu đỏ, bị voi say dùng vòi cuốn lại vút trong không trung, lúc này toàn thân bị lửa đốt cháy đỏ như bị hoa hồng che phủ.

Thánh hiền từng nói, tham lam, đố kỵ khiến người đau khổ nhất, sẽ cảm nhận quả báo khổ. Nếu nhìn thấy người đến xin ăn liền khởi tâm phiền muộn không vui. Chỉ trong một sát na khởi tâm phiền muộn sẽ dẫn đến những hành động thấp hèn. (Có tâm phiền muộn như vậy, tất sẽ dẫn đến những hành động thấp hèn như vậy).

Ngu si, ích kỉ, không bố thí chính là trồng xuống mầm mống nghèo khổ, lòng tham. Nó sẽ không ngừng tích lũy, tương lai tất sẽ bị đọa vào trong đường ác.

Keo kiệt, tham cầu không chán đó là cội gốc của tất cả khổ não; do vậy người có trí huệ nên đoạn trừ keo kiệt, lòng tham.

Có ai muốn được vui vẻ, danh tiếng tốt, được mọi

người cung kính mà lại bỏ chánh đạo, đi tìm cầu con đường bất chính? (Đương nhiên là không có rồi!)

Nếu hành tà đạo, đời này không chỉ đau khổ mà tương lai cũng sẽ như vậy.

Thế gian này phiền não, dẫn đến hành động có thể làm chướng ngại quả báo thí thanh tịnh. Ích kỷ và lòng tham là giặc oán lớn nhất trong tất cả giặc oán.

Cái thân thể nặng nề ngu xuẩn này, những nhu cầu cần thiết về quần áo, ăn uống, thuốc thang, và tất cả sự giải trí đều bị lòng tham, đố kỵ ngăn cản không được hưởng trọn vẹn.

Lòng tham, và đố kỵ rất nhỏ, nhỏ đến nỗi không dễ dàng cảm nhận, không dễ dàng ngăn cản không chế. Do vậy, nên lấy bố thí làm cửa đạo kiên cố, để cho tâm thanh tịnh cảm nhận được sự bao hộ nghiêm mật, không bị bất cứ vật gì xâm hại.

Nhất định không nên để lòng tham, đố kỵ xâm nhập vào trong tâm, nếu như bị nó xâm nhập (thì dễ dàng đọa vào đường nga qui). Đến lúc đó, thì dù có nước sông, nước biển lớn nhiều như vậy cũng trở thành thứ nước không thể uống được.”

Ức Nhĩ thấy được tội lỗi, ác báo đáng sợ của sự tham lam và phóng dật liền sanh tâm chán ghét sanh tử, liền trở về thỉnh cầu được xuất gia; sau khi xuất gia thì tinh tấn tu học thiên định, trí huệ mà chứng được quả A la hán.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta không nên tham lam, ích kỉ. Có người bản thân không hành bố thí tài vật, mà còn ngăn cản người khác hành bố thí, như vậy sẽ rất dễ đọa vào đường nga quỉ. Do nghiệp lực, thì dù cho nước sông nhiều đến bao nhiêu cũng không thể dùng được. Mà tai chỉ thường nghe tiếng mắng chưởi, xấu xa, không được nghe một câu nói tốt. Tất cả chúng ta đều hi vọng nghe tiếng ác mắng chưởi hay sao? Đương nhiên là không mong muốn như vậy rồi.

Trên phương diện pháp thí cũng vậy, không biết thì mau mà học, học rồi thì mau mà dạy người khác. Nếu bản thân không hành pháp bố thí, không hộ trì người hành pháp bố thí, lại còn ngăn cản người khác hành pháp thí, ngăn cản người khác nghe pháp, thì rất dễ bị quả báo ngu si. Dù cho có nước cam lồ của Phật và Bồ tát, anh có thể dùng được không? Cũng giống như nga

quỉ vậy, không thể dùng nước sạch bình thường được. Nếu như người mắc quả báo ngu si cũng vậy, dù có nước pháp cam lồ cũng không dùng được.

Nếu như mình thật không có khả năng hành bố thí tài vật hay bố thí pháp, hi vọng thường được khởi tâm hoan hỉ, khi thấy người khác bố thí có thể thành tâm hoan hỉ tán thán mà không đố kỵ hay hủy báng.

Trên đây là điều cần chia sẻ khích lệ cùng đại chúng!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 29 tháng 3 năm 2014*

Đời trước đời sau, nghiệp quả kế thừa tiếp nối

Kính thưa quý vị Tăng ni và Phật tử kính mến

Hôm nay chia sẻ cùng quý vị một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này trích từ kinh “Tỳ kheo Na Tiên” từ trang 704a~ trang 711a trong “Đại chánh tạng” quyển thứ 32.

Ngày xưa, có một ngôi chùa trong núi tên là Ca La Hoàn ở đất nước kia. Trong chùa có năm trăm vị xuất gia và đều đã chứng quả A la hán. Mỗi tháng chùa có sáu ngày lễ tụng kinh đến sáng hôm sau.

Lúc đó, trên núi cũng có một con voi chúa ở gần chùa. Voi chúa biết chùa có sáu ngày lễ hội tụng kinh, nên mỗi khi tới ngày lễ, nó đều đến chùa nghe kinh. Chúng trong chùa đều biết voi thích nghe kinh nên chờ nó đến rồi mới bắt đầu tụng kinh. Con voi này rất chuyên tâm nghe kinh. Nó nghe cho đến sáng mà không ngủ gục, cũng không ngồi nằm cử động tùy tiện.

Do voi chúa thường nghe kinh và lễ bái Phật trong quá khứ ấy, sau khi chết tái sinh làm con trai của một

nhà bà la môn. Vì trong nhà không nghe được kinh Phật và không thấy tăng sĩ, nên anh ta rời nhà vô rừng sâu tu đạo bà la môn. Nơi cư trú của anh, gần đó còn có một vị bà la môn tu hành, hai người thường tới lui chào hỏi và trở thành bạn bè.

Trong hai người, một người nghĩ rằng: “Tôi rất ghét thế gian này, vì theo đuổi chức vị mà ưu sầu đau khổ, già nua, bệnh tật, sau khi chết sẽ bị đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nghèo nàn, nên tôi muốn cạo bỏ râu tóc, đắp y cà sa xuất gia thành sa môn tìm cầu giải thoát vô vi xuất thế gian.

Còn người kia thì nghĩ rằng: “Tôi muốn trở thành quốc vương, muốn gì được nấy, thần dân trong thiên hạ đều thuộc về ta, nghe lời dạy và mệnh lệnh của ta.” Hai người đều tự mình phát nguyện như vậy.

Hai người sau khi mạng chung, tái sinh trong cõi người. Trong đó có một vị hồi trước muốn làm vua thì sanh làm hoàng tử con vua bên cạnh bờ biển, được cha mẹ đặt tên là Di Lan. Còn một người trong quá khứ muốn tìm cầu đạo xuất thế vô vi Niết bàn, thì sanh ở huyện Qui Tân nước Thiên Trúc, cha mẹ đặt tên là Đà

Lạp. Đà Lạp khi sanh ra trên mình được đắp một tấm cà sa; do hồi trước phát nguyện muốn xuất gia nên khi ra đời như ý nguyện thế. Khi đó, cùng ngày trong nhà có một con voi chúa cũng ra đời, người Thiên Trúc gọi voi là “Na”, cha mẹ lại đặt tên cho con trai là “Na Tiên” .

Na Tiên sau đó xuất gia, ngày đêm tinh tấn tu hành, không hề giải đãi, sau cùng chứng được quả A la hán.

Tỳ kheo Na Tiên chuyển đến ở trong chùa Tiết Chi Ca nước Xá Kiệt ở Thiên Trúc, có một người bạn trong quá khứ đó là Thái tử Di Lan ở bên cạnh bờ biển.

Thái tử Di Lan lúc nhỏ rất thích đọc kinh điển ngoại đạo, thông thạo tất cả tư tưởng lý luận, những người đến vấn nạn chưa từng có ai thắng nổi, sau khi cha mẹ qua đời, Di Lan đăng quang làm quốc vương.

Vua Di Lan hỏi đại thần ở bên cạnh: “bậc tu hành và những người dân trong nước, có ai có thể cùng ta biện luận kinh pháp không?”

Đại thần bẩm báo rằng: “Có một vị tu tập Phật pháp, mọi người gọi ông ta là Sa môn. Vị này trí huệ quảng bác, thông đạt, có thể cùng quốc vương biện luận kinh pháp đạo lý.”

Vua Di Lan nghĩ: “Thật vậy sao?” Liên sai người thỉnh mời Tỳ kheo Na Tiên đến cùng đàm luận.

Nội dung biện luận rất dài, tôi chỉ trích trong đó một đoạn nhỏ như sau:

Vua Di Lan hỏi Tỳ kheo Na Tiên: “con người sau khi chết, chủ thể chuyển kiếp qua đời sau là gì?”

Tỳ kheo Na Tiên trả lời: “Chuyển kiếp qua đời sau gọi là “danh” (đó là tinh thần) và “thân” (nhục thể).” (Đó là danh và sắc, là tinh thần và nhục thể.)

Vua Di Lan lại hỏi: “là tinh thần và nhục thể của người đó trực tiếp chuyển kiếp qua đời sau hay sao?”

Tỳ kheo Na Tiên trả lời: “Thưa không phải vậy, không phải tinh thần trong quá khứ chuyển qua đời sau, mà nhục thể trong quá khứ cũng không phải trực tiếp chuyển qua đời sau; mà là những gì tinh thần và nhục thể đã tạo nghiệp thiện và ác trong đời này, do mối quan hệ nghiệp thiện và nghiệp ác này mà đầu thai ở đời sau.

Nhà vua nói: “Nếu đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp ác và nghiệp thiện, mà thân này sẽ không đầu thai ở đời sau, vậy bất cứ tạo nghiệp thiện hay ác ở

đời này, sao không thể giải thoát trực tiếp để sau không còn phải chịu các thứ đau khổ?” Có lẽ vua Di Lan nghĩ rằng: “thân ta không chuyển qua đời sau, vậy ta đã tạo nghiệp thiện ác cùng với thân đời sau không có quan hệ gì cả! Như vậy không phải ta có thể làm bất cứ việc thiện ác hay sao?”

Na Tiên đáp: “Ngài cho rằng đời này tạo nghiệp thiện hay nghiệp ác, cái “thân” đời này không có chuyển qua đời sau, như vậy có thể đạt được giải thoát sao? Thật ra, nếu con người không ngừng tạo các nghiệp ác hoặc thiện, nếu phiền não không có đoạn trừ, nhất định sẽ cảm nhận một thân ngũ ấm khác thọ báo ở đời sau, do đó vẫn không thể đạt được giải thoát.”

Na Tiên nêu một ví dụ: “Giả như có một người ăn trộm dưa của người khác, bị chủ nhân bắt được, chủ nhân dắt tên ăn trộm đến trước nhà vua và nói rằng: “Người này đã ăn trộm dưa của tôi.” Tên ăn trộm nói: “Tôi không có ăn trộm dưa của người này! Người này trông là cây giống không phải trồng dưa. Tôi lấy là trái dưa, anh ta trông là cây giống, sao lại nói tôi là ăn trộm? Tôi không có lấy dưa của anh ta, tôi không có tội!”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Giữa hai người tranh luận, ai có lý, ai không có lý?”

Nhà vua nói: “đương nhiên là người trồng cây có lý, vì cây dưa giống là do anh ta trồng, tên ăn trộm kia không có đạo lý, chính xác là có tội.”

Na Tiên hỏi: “Người ăn trộm vì sao có tội?”

Vua nói: “Đã nói là tên ăn trộm có tội, là vì nó không có trồng cây dưa giống, đương nhiên là không có trái dưa. Mà người trồng dưa đã gieo xuống hạt giống dưa, hạt giống ở trong đất nảy mầm, lớn lên mới thành trái dưa được chứ!”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp thiện ác, thực ra không phải “danh” và “thân” trực tiếp luân chuyển qua đời sau, mà là nghiệp thiện ác. Tạo nghiệp rồi nên cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo. Đời này đã tạo các nghiệp thiện, ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai (nghiệp thiện ác là cội gốc).”

Na Tiên nói tiếp: “Ví như có người ăn trộm lúa của người khác, bị chủ nhân bắt được và nắm áo trách: “Tại

sao mà ăn trộm lúa của tao”, tên trộm nói: “Tôi mới không ăn trộm lúa của ông! Bởi vì thứ ông trồng là mầm lúa, cái tôi lấy là hạt lúa, sao lại nói tôi ăn trộm?” Hai người giảng co qua lại, sau đó đến trước vua thưa lại những lời như vậy.

Na Tiên hỏi nhà vua: “Hai người đó, người nào có lý, người nào không có lý?”

Nhà vua trả lời: “Người trồng lúa có lý, tên trộm không có lý.” Na Tiên hỏi: “Làm sao biết người ăn trộm không có lý?”

Nhà vua nói: “cây lúa là do người gieo mầm mới thành cây lúa, thì đương nhiên là của ông ấy rồi! Tên trộm không có gieo mầm, mà đã không có nhân duyên trồng cây thì làm sao mà gặt được lúa chứ?”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng “danh” và “thân” tạo nghiệp thiện ác, thực ra không phải “danh” và “thân” trực tiếp luân chuyển qua đời sau, mà là nghiệp thiện ác. Tạo nghiệp rồi nên cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo, đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sanh trong tương lai (nghiệp thiện ác là

cội gốc).”

Na Tiên lại nêu tiếp một ví dụ: “Ví như mùa đông lạnh rét, có người muốn đốt lửa trong phòng để sưởi ấm, sau đó người này để lửa như vậy rồi bỏ đi, không ngờ rằng, lửa bén lên bức tường và cháy rụi cả căn nhà. Chủ nhà bắt được người đốt lửa, kéo đến trước mặt nhà vua thưa rằng: “Người này đã vút lửa làm cháy toàn bộ căn nhà của tôi rồi!” Người đốt lửa nói: “Tôi chỉ đốt chút xíu lửa để sưởi ấm thôi, tôi không có đốt nhà của ông!”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Ai là người có lý?”

Nhà vua nói: “Người đốt lửa vô lý, vì lửa lớn là do hấn đốt từ lửa nhỏ mà thành.”

Na Tiên nói: “Đời người cũng như ví dụ này vậy. Đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai.”

Na Tiên lại nêu một ví dụ: “Giả như có người ban đêm đốt đèn sáp gắn lên trên tường, muốn để rọi sáng thấy đường ăn cơm. Nhưng đèn sáp cháy đến đụng vách tường gỗ và không bao lâu căn nhà đã bị cháy rụi, ngọn lửa rất mạnh, sau đó thì cháy lan ra, cả thành phố bị đốt tiêu tan. Dân trong thành phố rất giận dữ, trách

anh ta rằng: “Tại sao người lại đốt cháy cả thành phố chứ?”. Người đốt đèn nói: “Tôi chỉ thắp cây đèn sáp nhỏ để chiếu sáng thấy đường ăn cơm thôi, cháy cả thành phố là lửa lớn, không phải là lửa nhỏ do tôi đốt!” Mọi người cứ tranh luận như vậy không ngừng, giằng co kéo nhau đến trước mặt nhà vua.”

Na Tiên hỏi nhà vua: “Suy cho cùng thì ai có lý và ai không có lý?”

Nhà vua nói: “Người thắp nến không có lý.”

Na Tiên hỏi: “Làm sao ngài biết như vậy?”

Nhà vua trả lời: “Người thắp nến là nguyên nhân tạo ra lửa lớn. Vì sao khi ăn cơm xong, anh ta không thuận tay tắt lửa đi? Kết quả đã để lửa lớn thiêu cháy cả thành phố!”

Na Tiên nói: “Con người cũng như ví dụ này vậy. Đời này dùng tinh thần và thể xác tạo nghiệp thiện ác, do đây mà nghiệp thiện ác cảm nhận có một thân ngũ ấm khác chịu quả báo, đời này đã tạo các nghiệp thiện ác là nguồn gốc căn bản để tái sinh trong tương lai. Con người do vô minh ngu xuẩn mà tạo các nghiệp thiện ác, nên mới có luân hồi trong ba cõi mà không thể

giải thoát khỏi .”

Câu chuyện này đáng để chúng ta suy nghĩ:

Mọi người nghe qua câu nói “lửa nhỏ cháy rừng” rồi chứ! Đó là đốm lửa nhỏ chút xíu có thể đốt cháy cả cánh đồng. Lại có câu nói là “một niệm sân tâm khởi, năng thiêu công đức lâm (một đốm lửa vô minh, có thể thiêu cháy rừng công đức). Nếu như bình thường tâm không khéo điều phục, chỉ cần khởi một niệm sân, lửa nhỏ sẽ biến thành lửa lớn, thiêu cháy nguyên cả rừng công đức.

Chúng ta vừa mới khởi niệm ác cũng như đốm lửa nhỏ vậy, nếu không khéo điều phục nó, nó sẽ vô tình bốc cháy lên, không chỉ thiêu hủy rừng công đức của mình, mà còn khiến cho mọi người sinh phiền não.

Một hạt giống chút xíu, không nhất định là bảo trì nguyên trạng như vậy, tương lai có thể lớn thành cây đại thọ, ra hoa, kết trái. Hạt giống và sự trưởng thành của cây cối hay kết thành hạt, tuy hình dáng không giống nhau, nhưng cây đại thọ và trái cây đều từ hạt giống nhỏ xíu mà trưởng thành.

Đức Phật đã từng nói: “nếu như có một người lấy

tâm thanh tịnh cúng dường Phật, tương lai sẽ có quả báo rất lớn.”

Có người nói: “Làm gì mà có chuyện ấy! Tôi bố thí có một chút xíu, làm sao tương lai có thể sanh lên cõi trời được quả đại phước báo chứ?”

Đức Phật bèn nói: “ngươi có thấy qua hạt giống của cây chưa? Có một chút xíu nhưng cây phát triển rất lớn. Khi cây trưởng thành thì hình dáng của cây và hạt giống không giống nhau. Do vậy không nên cho rằng hạt giống vĩnh viễn chỉ là hạt giống.” Cũng vậy, đời này tạo các nghiệp thiện, ác cũng như hạt giống vậy, hạt giống sẽ vĩnh viễn không phải là hạt giống nhỏ xíu; Tạo nghiệp rồi, nếu như tràn đầy phiền não, nhân duyên hòa hợp, đời sau có thể sẽ có quả báo lớn. Hình trạng của người và súc sanh không đồng, nếu như tạo nghiệp ác tương lai sẽ cảm thọ quả báo súc sanh. Cũng như vậy, hình tướng của súc sanh cùng với người hiện tại chúng ta tuy không giống, nhưng là cái nhân cảm thọ quả báo súc sanh, thì cũng là do con người tạo nghiệp ác mà thành.

Do vậy, không nên nói hiện tại chỉ thấy hạt giống

nhưng không thấy quả, cho là không có vấn đề gì. Thật ra, chỉ cần nhân duyên đầy đủ, hạt giống sẽ kết trái. Có câu nói “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả”. Phạm phu chưa thấy quan tài chưa đổ lệ; Nhưng Bồ tát tin sâu nhân quả, họ biết rằng một khi đã gieo nhân, nếu không hết lòng sám hối, không khéo tu tập, tương lai nhân duyên hòa hợp, quả sẽ hiện hành. Cho nên, nghiệp là nhân; báo là quả. Nhân quả đời đời không có dễ chịu gì. Nghiệp lực không mất, quả báo không có thoải mái chút nào.

Mà cái nhân này, trừ nghiệp ra còn có phiền não. Phiền não có hai tác dụng: một là phát ra nghiệp (tạo nghiệp), ngoài ra còn là nuôi dưỡng nghiệp. Tuy đã tạo nghiệp, nhưng nếu phiền não không còn nuôi dưỡng, có thể duyên thiếu nên chưa sanh; Còn như đã tạo nghiệp, phiền não lại không dứt, trong tương lai có thể mắc quả báo.

Mọi người nghĩ rằng: “đã tạo nghiệp ác khi tái sanh sẽ mắc quả báo ác luân hồi trong ba cõi, vậy ta tạo nghiệp thiện có thể không cần đến ba cõi hay sao? Y theo Phật pháp đã nói, nếu đã tạo nghiệp thiện hữu lậu,

còn mang ngã chấp phiền não tạo nghiệp thiện, cũng sẽ đắc được phước báo nhân thiên, nhưng không ra khỏi tam giới. Cho nên chúng ta nên cố gắng tu giới định huệ, tu nghiệp vô lậu, phiền não đoạn tận, không còn tạo nghiệp mới có thể ra khỏi tam giới được giải thoát.

Khích lệ cùng đại chúng

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 15 tháng 3 năm 2014*

Nhân duyên của Tỳ kheo Hàng Long(Phần1)

Kính thưa quý thầy cô và chư vị cư sĩ!

Hôm nay tôi sẽ chia sẻ với quý vị một câu chuyện được trích trong “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da” thuộc “Đại Chánh Tạng” quyển 23 trang 857a~859a.

Xưa kia, khi đức Phật ở tại thành Xá Vệ vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc. Dưới chân núi Kiền-thiểm-tỳ-thất-thâu-ma-la có rất nhiều xóm làng, có một vị trưởng giả tên là Phù-đồ, rất là giàu có. Sau khi trưởng giả Phù Đồ lập gia đình không lâu thì sinh được một cô con gái rất dễ thương, sau này lớn lên được gả cho con trai của trưởng giả Cấp Cô Độc.

Không lâu sau đó, trưởng giả Phù Đồ lại sinh một cậu con trai, dung mạo rất dễ thương. Ngày cậu vừa chào đời, cha của cậu bé rất vui mừng, lớn tiếng gọi: “Thiện Lai! Thiện Lai!” (có ý nghĩa là thật tốt đẹp khi đến đúng lúc). Vì thế, lúc bấy giờ người thân bạn bè đều gọi cậu bé là “Thiện Lai”.

Nhưng do phúc đức của cậu bé này rất mong manh, tài sản của gia đình ngày ngày bị tiêu hao tán tận, đến nỗi mất cả cha mẹ, cậu không còn nơi nương tựa, đi lưu lạc khắp nơi. Thấy vận mệnh của cậu bé như vậy nên mọi người đổi tên gọi cậu thành “Ác Lai”. Cậu bé sống cùng với nhóm người ăn xin, sống nhờ vào lòng thương xót của người khác. Khi ấy, có một người là bạn cũ với cha mẹ cậu bé thấy sự nghèo khổ như thế, thì cho một đồng tiền, để cho Ác Lai mua thêm áo quần và thức ăn.

Ác Lai không nơi nương tựa nên lìa bỏ quê hương, đi đến thành Xá Vệ. Lúc đó có tỳ nữ thân cận của chị Ác Lai thấy và nhận ra Ác Lai, nên chạy vội về nhà nói với chủ nhân: “Tôi mới đi ra ngoài, nhìn thấy Ác Lai vô cùng khốn khó!”

Người chị của Ác Lai nghe thế thì vô cùng đau buồn, liền phái người đem vải trắng và tiền bạc cho em, để giúp em bớt đi sự nghèo túng này. Nhưng điều không ngờ là phúc đức của Ác Lai quá mỏng, vải và tiền lại bị trộm cắp lấy đi mất.

Chị của Ác Lai sau khi biết được chuyện này thì than thở: “Ác nghiệp sao mà sâu dày thế, phúc đức

hoàn toàn không có, tôi không biết được cách nào giúp đỡ em ấy?” Và từ đó bỏ rơi Ác Lai, không quan tâm hỏi han gì nữa.

Khi ấy, trưởng giả Cấp Cô Độc chuẩn bị nghênh đón đức Phật và chư Tăng đến nhà để cúng dường. Trưởng giả sau khi chuẩn bị đồ ăn thức uống thịnh soạn thì cung kính mong đợi đức Phật và chư Tăng quang lâm.

Khi đó, Ác Lai và số bạn bè hành khát nghe nói trưởng giả chuẩn bị đồ ăn thức uống cúng dường đức Phật và chư Tăng nên nên cùng rủ nhau lập nhóm mà hẹn đến nơi đó, hy vọng có thể tìm được những thức ăn thừa trong buổi cúng dường này.

Trưởng giả từ xa thấy một nhóm khát cái tị tập thì ra lệnh cho người ở: “Đức Phật và chúng Tăng sắp đến rồi, khẩn trương mời họ phải xa nơi chỗ này, đi nơi khác,.”

Lúc ấy, nhóm người ăn xin đều nghĩ: “Trước đây vị trưởng giả rất từ bi luôn thương xót giúp đỡ người nghèo khổ như chúng ta, là nơi chúng ta nương tựa; nhưng tại sao bây giờ lại xua đuổi chúng ta? Nhất định

là do Ác Lai nghiệp quá sâu dày, làm chúng ta bị liên lụy tai ương này!” Vì thế, nhóm người ăn xin khiêng Ác Lai ném vào đồng phân. Ác Lai vô duyên vô cớ bị nhóm người ăn xin khinh khi, ức hiếp, nên trong lòng cảm thấy uất ức vô cùng, chịu không nổi khóc lóc than thở ở nơi đồng phân đó.

Trưởng giả Cấp Cô Độc phái người đến thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến thụ nhận cúng dường. Lúc này, Thế Tôn mang y cầm bát và đại chúng quây quanh cùng đi đến nhà trưởng giả.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì lòng đại từ bi, đưa mọi người đến bên cạnh Ác Lai. Đức Thế Tôn nói với quý thầy: “quý thầy nên khởi tâm nhằm chán sự luân hồi sinh tử trong ba cõi, và chán ghét những điều kiện tạo ra sự luân hồi ấy. Quý thầy cũng nên quán chiếu người này, đời này là đời cuối cùng của ông, nhưng hiện tại chịu đựng khổ não, không có được sự hỗ trợ và giúp đỡ”. Vì thế, đức Phật dạy A-nan: “hôm nay thầy để giành cho Thiện Lai một nửa phần cơm.”

Sau đó, đức Phật đi vào nhà trưởng giả và ngồi xuống chỗ của mình. Trưởng giả thấy đại chúng đã an

tọa, thì dâng thức ăn thanh tịnh lên cúng dường đầy đủ cho đức Phật và quý thầy.

Nhưng vì sức mạnh ác nghiệp của Thiện Lai trong quá khứ làm cho ngài A Nan quên mất việc để lại thức ăn cho Thiện Lai. Đức Thế Tôn là thầy của trời người, có năng lực không bao giờ quên mất chính niệm, nên biết A Nan không nhớ việc này, thì Ngài tự để giành một phần thức ăn trong bát của mình cho Thiện Lai.

A Nan dùng cơm xong mới nghĩ ra: “Hôm nay tôi bị gì làm nhiều loạn thế? Dám không làm đúng lời dạy của Thế Tôn.”

Đức Phật dạy A Nan: “cho dù chư Phật nhiều khắp cõi Nam thiệm bộ châu và bốn biển lớn, giảng dạy giáo pháp, con đều nghe nhớ không quên; nhưng hôm nay do Thiện Lai phước đức quá mỏng, làm cho con quên đi lời nói của ta. Bây giờ con gọi Thiện Lai đến đây.”

Lúc ấy, A Nan nghe lời Phật dạy, đi đến trước mặt Thiện Lai gọi lớn: “Thiện Lai! Thiện Lai!” Nhưng ông quên mất tên “Thiện Lai” của chính mình, vì thế im lặng không có phản ứng gì.

A Nan lại gọi tiếp: “Ông là con của trưởng giả Phù

Đồ, trước đây tên là Thiện Lai. Tôi gọi chính là gọi ông, không phải gọi người khác!”

Sau khi Thiện Lai nghe rồi, thì nói một đoạn kệ, đại ý như sau:

“Tôi đã quên mất tên Thiện Lai từ lâu, làm sao mà người khác lại gọi đúng tên tôi? Hay là ác nghiệp của tôi đã hết, thiện nghiệp hiện tại đã sinh khởi?

Đức Phật là người có nhất thiết trí, là nơi chúng sinh quay về nương tựa, có thể là đức Phật từ bi thích nói lời ái ngữ nên gọi đúng tên ta là Thiện Lai!

Tôi là người không có phúc báo, tất cả người thân bạn bè đều rời bỏ tôi, bị tất cả tai họa khổ não bức bách, thì sao gọi là Thiện Lai (điều tốt) được?”

Lúc ấy, A Nan đưa Thiện Lai đến nơi đức Phật ở, sau khi đánh lễ xong, ngồi qua một bên.

Đức Phật dạy A Nan: “đem một phần thức ăn cho Thiện Lai!” A Nan đem bát cho Thiện Lai.

Lúc ấy, Thiện Lai nhìn vào trong bát chỉ còn một nửa thức ăn, thì liền rơi lệ, thưa đức Phật: “tuy đức Phật để cho con một phần thức ăn, nhưng cũng chỉ một ít, làm sao con ăn no được?”

Đức Thế Tôn biết được suy nghĩ của Thiện Lai, nên liền an ủi ông: “cho dù bao tử con lớn như đại hải, miệng con có thể nuốt cả núi Tu Di, tùy ý con ăn nhiều ít, thì thức ăn cũng không hết được.”

Đức Thế Tôn hỏi Thiện Lai: “trong ché áo của con có vật gì vậy?” Thiện Lai nghe xong lập tức mở ché áo thì bất ngờ thấy có một đồng tiền, liền thưa đức Phật: “Đồng tiền này là do bạn của cha con thấy con khổ sở mà cho, nhưng phúc đức của con quá mỏng, nên quên mất việc này.”

Đức Thế Tôn dạy Thiện Lai: “con đem tiền này đi mua một ít hoa sen xanh về đây.” Sau khi Thiện Lai đi rồi, đức Phật và chúng Tăng trở về chỗ cũ.

Lúc ấy, Thiện Lai nghe lời Phật dạy, đi vào vườn hoa của người chủ tên là Lam Bà. Chủ vườn thấy thế liền nói: “Ác Lai! Đi ra chỗ khác! Không được phép bước vào! Đừng vì nghiệp nặng của ông mà làm cho vườn hoa của tôi tan nát héo úa, ao hồ khô cạn.”

Thiện Lai trả lời: “do Đức Thế Tôn muốn tôi đến đây mua hoa sen xanh.” Tiếp đến nói một bài kệ có nội dung như sau:

“Đôi với tôi thì hoa sen xanh không có ý nghĩa gì; nhưng do vì bậc đại sư đầy đủ nhất thiết trí muốn tôi đi mua.”

Lúc ấy, Lam Bà nghe được điều đó thì trong lòng khởi lên tâm cung kính ngưỡng mộ, lập tức nói một bài kệ:

Thánh giả đại tịch tĩnh, trời người đều muốn cúng dường; còn ông là người sứ giả của Phật thì muốn lấy bao nhiêu hoa thì tùy ý.”

Vì thế, Thiện Lai đem tiền đưa cho Lam Bà và hái hoa sen xanh mang về chỗ đức Phật.

Đức Thế Tôn thấy thế thì nói: “Thiện Lai! Con đem hoa sen này cúng dường chúng Tăng.”

Thiện Lai cầm hoa sen cúng dường từ đức Phật cho đến từng vị Tăng. Lúc ấy chư Tăng không ai dám nhận lãnh.

Đức Phật nói: “Nên sinh lòng thương xót vị thí chủ này, mà nhận sự cúng dường của ông ấy. Còn các loại vật phẩm có mùi hương thì rất tốt cho mắt, ngửi mùi hương của nó không có bị sai phạm gì.”

Lúc đó, chư Tăng tiếp nhận sự cúng dường của

Thiện Lai, hoa cũng nở rất tươi đẹp.

Thiện Lai sau khi thấy hoa sen xanh nở rộ, liền nghĩ đến trong đời quá khứ, từng ở nơi chư Phật tu tập thanh tịnh xứ quán trong mười phương pháp tu quán, tất cả các việc ấy hiện ra rõ ràng trước mặt.

Thế Tôn tiếp tục giảng dạy tinh hoa Phật pháp cho Thiện Lai, chỉ bày điều lành nên làm điều ác nên bỏ, tu tập các việc tốt để đạt được lợi ích và công đức tán thán các pháp lành. Lúc ấy, Thiện Lai lập tức chứng được kiến đạo.

Sau khi Thiện Lai chứng đắc sơ quả, vô cùng vui mừng nói một bài kệ trong sự hạnh phúc hy hữu:

“Đức Phật dùng sợi dây đặc biệt đưa tôi ra, làm cho tôi có thể an trụ ở nơi sơ quả; thấy tôi ở nơi xấu ác mà khởi lòng từ bi, cứu tôi ra khỏi như đưa con voi từ bùn lầy mà lên đất khô.

Trước đây tôi có tên là Thiện Lai, sau đó bị người khác gọi là Ác Lai; bởi vì được sống trong giáo pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà sống đúng với tên gọi Thiện Lai.”

Sau khi nói bài kệ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy

đánh lễ đức Phật, trình bày: “Thế Tôn! Con xin được xuất gia ở trong giáo pháp tốt lành của đức Như Lai, để xa lìa thế tục, tu hành phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn dùng tiếng Phạm âm thanh tịnh dạy: “Lành thành Tỳ-kheo! Con tu tịnh hạnh”. Nói xong, Thiện Lai hiện thân xuất gia, râu tóc tự rụng, mặc pháp phục thọ giới cụ túc thành thầy Tỳ-kheo.

Từ đó về sau Thiện Lai dũng mãnh tinh tấn tu học, đạo tâm vững chắc, không kể là đầu đêm cuối đêm đều nỗ lực tu duy ý nghĩa giáo pháp, quên đi mệt mỏi, cuối cùng đoạn trừ tất cả phiền não, chứng đắc quả A-la-hán, ông nói một bài kệ:

“Quá khứ từng ở nơi chư Phật, chỉ chấp trước sắc thân gạch đá sắt thép này; còn hiện nay nghe được giáo pháp của đức Thế Tôn, được chuyển thành pháp thân vàng ngọc.

Tôi sẽ không bị luân hồi trong sinh tử, cũng không thọ thân đời sau, từ đó phụng trì pháp thanh tịnh xa lìa ô nhiễm, một cách an ổn hướng về tường thành niết bàn.

Nếu như có người thích châu báu, thích được sinh thiên hoặc giải thoát, thì nên thân cận bậc thiện tri thức,

nguyện vọng mong cầu được viên mãn như ý.”

Từ khi đức Phật Thế Tôn hóa độ Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, Tất Lân Đà Phật Tha v.v.. có một số người không có tín tâm tôn kính đức Phật, bèn dèm pha dị nghị nói: “Sa môn Kiêu Đáp Ma là kẻ cắp ăn trộm của xã hội, trên trái đất này, khó lắm mới xuất hiện bậc thiên tài, thì lại bị Kiêu Đáp Ma âm thầm dẫn dụ, trở thành thị giả của mình.”

Ngoài ra, đức Phật còn hóa độ người gánh phân Ni Tha (Ni Đà), người ngu đần như Châu Lợi Bàn Đà (Tiểu Lộ), còn có người chủ nuôi bò, Thắng Huệ, năm trăm ngư dân, Thiện Lai v.v.. Những người không có tín tâm và cung kính nên mỉa mai hủy báng: “Sa Môn Kiêu Đáp Ma tham lam đi tìm đệ tử, trước giờ không biết chán, cho dù họ là người khổ sở bần tiện, ngu đần, cũng hóa độ cho xuất gia, để có người sai bảo.”

Sau khi đức Thế Tôn nghe được những lời như thế, trong lòng nghĩ: “Hàng đệ tử lớn của ta đức hạnh thanh cao ưu việt, thường thì mọi người không biết, tùy tiện khinh khi hiền thánh nhân, không biết điều đó sẽ mang lại tội lỗi, tự mình hại chính mình. Hiện tại Ta cho mọi

người biết đức hạnh thù thắng của Thiện Lai.” Thường thì trong giáo pháp của chư Phật, nếu như hàng đệ tử thật sự có công đức đặc biệt, mà người khác không hiểu được về các bậc hiền thánh, thì đức Phật dùng phương pháp khéo léo chỉ ra công đức của họ.

Lúc ấy, Thế Tôn muốn xiển dương đức hạnh của Thiện Lai, liền chỉ dạy A Nan: “Hiện tại ta muốn đi đến núi Thất Thu Ma La, nếu thầy nào muốn đi cùng, thì mang theo y bát.” Sau đó đức Thế Tôn cùn mọi người đi về núi Thất Thu Ma La.

Đương thời, có một con rồng độc ở trong núi Am Bà, gần núi ấy có các loại ngũ cốc, thường bị độc long phá hoại gây tổn thất. Người dân sống ở khu vực núi này, khi nghe đức Phật đến, liền từ các nơi tụ tập về, cùng đến nơi ở của Ngài, sau khi đĩnh lễ thì ngồi qua một bên.

Lúc ấy, đức Thế Tôn vì đại chúng mà giảng dạy chính pháp vi diệu, chỉ bày việc nào nên làm việc nào nên bỏ, tu học để hưởng được lợi ích của việc tốt, tùy hỷ tán thán công đức của việc làm tốt, sau đó thì Ngài im lặng không nói nữa.

Lúc ấy, đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân đức Phật, sau đó thưa: “Nguyện Thế Tôn thương xót chúng con, hoan hỷ chấp thuận lời thỉnh mời của chúng con, ngày mai nhận lễ cúng dường buổi cơm đạm bạc của chúng con.” Đức Thế Tôn hiểu được tấm lòng của đại chúng, nên im lặng nhận lời thỉnh mời.

Đại chúng biết được đức Phật đồng ý chấp nhận cúng dường, nên trở về nhà, trong đêm đó chuẩn bị thực phẩm tốt nhất để cúng dường, và đồ đầy các vật dụng đựng nước. Sau khi mọi việc đã sắp xếp xong, thì họ đợi đến trời sáng, phái người đi đến nơi đức Phật và chúng Tăng ở để bẩm báo là thời gian cúng dường đã đến rồi. Đức Thế Tôn mang y cầm bát đi cùng đại chúng đến nơi cúng dường của mọi người, và ngồi ở vị trí đầu tiên của hàng chúng Tăng.

Dân chúng và bà la môn trong thôn dưới núi, chuẩn bị rất đầy đủ thực phẩm cúng dường, đợi đức Phật và Tăng chúng dùng xong, thì đến trước đức Phật, mọi người thứ tự ngồi xuống, đức Thế Tôn thuyết pháp chỉ dạy, mọi người đều hoan hỷ và tán thán đức Phật: “Thế

Tôn! Chúng con thường nghe đức Thế Tôn rất là vi diệu, có khả năng chế ngự được dạ xoa hung ác không gì so sánh bằng, bất luận là dạ xoa ở nơi hoang vắng, dạ xoa lông nhọn như mũi tên, dạ xoa như con voi con lừa v.v.. cho đến nữ dạ xoa như A Lực Ca, quý tử mẫu đều có thể chế phục; ngoài ra còn có long vương Nan đà, Ô Ba Nan Đà, A Bát La là các loại rồng cực độc, ngài đều có thể chế phục. ”

Thưa Thế Tôn! Hiện tại ở núi này có con rồng độc Am Bà, thường gây tổn hại chúng tôi, không duyên không cớ cố ý gây oán thù với chúng con, mỗi ngày nó phun khí độc ba lần, tỏa xa trăm dặm, làm cho tất cả cầm thú gửi đến đều bị ngộp thở chết; không luận là người nam hay nữ, màu da đều trở thành vàng đen, hoàn toàn mất đi màu da cũ. Cầu mong đức Thế Tôn thương xót chúng con, hàng phục con rồng độc này!”

Đức Thế Tôn nghe xong, liền nói với A Nan: “Con chuẩn bị một ống tre có đựng các quẻ tre đặt trước đại chúng, ai mà có khả năng hàng phục rồng độc thì rút một cây.” Nhưng đại chúng không có một ai bước ra lấy quẻ tre cả. Vì thế đức Thế Tôn gọi Thiện Lai: “Con

đi lấy một thẻ tre, trong buổi sáng con đem y bát vào làng, thứ tự từng nhà khát thực. Sau khi dùng trai xong, thì đi đến nơi rừng độc Am Bà ở.”

Khi ấy độc long vương từ xa thấy Thiện Lai đi đến phạm vi thế lực của mình, rất là tức giận, lập tức làm cho mây mù che khắp, bầu trời tức khắc đen tối, mây màu biến sắc, sấm chớp âm âm, mặt đất chấn động, tiếp đến giáng trận mưa đá lớn, muốn hãm hại Thiện Lai.

Lúc ấy, Thiện Lai nhập vào định từ bi, tất cả cuồng phong bão táp đó đều biến thành mùi hương của trầm của gỗ chiên đàn v.v.. từ trên không nhẹ nhàng rơi bay đất.

Rừng Am Bà thấy tình hình như thế càng phẫn nộ, lại từ trong không trung ném các loại vũ khí như đao kiếm bánh xe... nhưng khi các loại đó bay gần đến Thiện Lai thì trở thành hoa sen tuyệt đẹp, từ trên không trung rơi xuống. Rừng độc tiếp tục thổi ra khỏi lửa, Thiện Lai cũng lập tức nhập vào thiền định hỏa quang, rồi dùng thần thông biến hóa thành một khối lửa lớn, bao vây long cung và các nơi khác, bốn bề đều bị ngọn lửa lớn bao phủ.

Lúc bảy giờ, rồng độc thấy lửa lớn mãnh liệt như thế trong lòng vô cùng hoảng sợ, toàn thân lông tóc dựng ngược, muốn bỏ trốn, nhưng nhìn bốn bề là biển lửa, chỉ có chỗ của Thiện Lai là mát mẻ yên tĩnh.

Vì thế, rồng độc chỉ còn cách đến chỗ Thiện Lai, đỉnh lễ Ngài rồi thưa: “Xin ông cứu tôi, cứu giúp tôi!”

Thiện Lai trả lời: “trong kiếp trước của ông đã tạo các nghiệp ác quá nhiều, khiến ông hiện tại sinh vào ác đạo. Đến đời này, ông lại gây hại cho chúng sinh, tiếp tục tạo các nghiệp xấu, sau khi ông chết, thì sẽ đọa lạc về đâu? Ông muốn nương tựa vào điều gì? Nhất định đọa vào địa ngục, kết quả này ông không cần hoài nghi nữa!”

Lúc ấy, rồng độc nói với Thiện Lai: “Đại đức! Vô cùng cảm ơn sự chỉ dạy của ông, thế thì bây giờ tôi nên làm như thế nào?”

Thiện Lai nói: “Ông nên quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới, cho đến hết đời, không được tái phạm.” Thế là rồng độc lập tức quy y Tam bảo, giữ gìn năm giới, phát nguyện đến hết đời không phạm giới sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, uống rượu. Sau khi rồng độc

phát thệ nhất định thực hiện thì đánh lễ Thiện Lai, rồi đột nhiên biến mất.

Sau khi Thiện Lai hàng phục rồng độc, thì trở về nơi đức Phật ở, đánh lễ Ngài và thưa: “Thế Tôn! Rồng độc bị con hàng phục và thọ trì tam quy ngũ giới.”

Đức Phật liền nói với quý thầy: “Trong tất cả hàng đệ tử Thanh Văn, Tỳ kheo Thiện Lai là người hàng phục rồng độc là đệ nhất!”

Phần sau của câu chuyện còn dài, tại sao Thiện Lai lại gặp vận mệnh bi thảm như thế, vốn là sinh vào nhà giàu có, nhưng song thân lại mất sớm, gia sản tiêu tán, lại bị bạn bè ăn xin ném vào đống phân? Nhưng sao sau này có nhân duyên gì mà được gặp đức Phật, nghe được giáo pháp và chứng đắc A La Hán? Không những chứng đắc A La Hán mà còn trở thành vị hàng phục rồng độc đệ nhất.

Muốn biết tường tận, xin mời vào phần sau sẽ rõ!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 10 tháng 5 năm 2014*

Nhân Duyên của Tỳ Kheo Hàng Long (Phân 2)

Thưa quý Thầy Cô, quý vị phật tử thân mến!

Hôm nay Tôi giảng tiếp phần cuối câu chuyện Thiện Lai Tỳ kheo hàng phục Rồng dữ, câu chuyện được trích từ “Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Gia”, trong “Đại Chánh Tạng Kinh” quyển 23 từ trang 859a~860a.

Hiện tại chúng ta tóm lược lại phần thứ nhất.

Khi đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả tên là Phù Đồ sinh được một người con trai rất khôi ngô, ông vô cùng vui mừng, đặt tên cho nó và luôn miệng gọi: “Thiện Lai! Thiện Lai!” Rồi bạn bè thân thích cũng liền gọi bé trai là: “Thiện Lai”. Thế nhưng, phước đức của Thiện Lai lại rất mong manh. Sau khi bé được sinh ra thì gia sản ngày một tiêu hao tán tận, không bao lâu cha mẹ lại qua đời. Mọi người cho rằng vận xấu do chính nó đem đến, nên mọi người lại gọi nó là “Ác Lai”.

Ác Lai không nơi nương tựa, đành phải sống cùng

với những người ăn xin khác đi xin ăn sinh sống qua ngày. Một hôm, nghe tin tại nhà trưởng giả Cấp Cô Độc có thiết trai cúng dường đức Phật và chúng Tăng, nên Ác Lai cùng với các người ăn xin khác đi đến đó, với hi vọng là có được chút ít đồ ăn thừa. Nhưng khác với mọi lần không ngờ hôm nay khi thấy những người ăn mày đến, ông Trưởng giả lại ra lệnh cho người hầu đuổi toàn bộ bọn họ đi. Những người ăn mày cho rằng tại Ác Lai nên họ mới bị đuổi, cho nên trách mắng Ác Lai thậm tệ, sau đó họ ném Ác Lai vào trong đồng phân. Ác Lai bị sốc quá lớn, nên nằm trong đồng phân khóc lóc, kêu la thật lớn .

Thế Tôn thương tình nên gọi nó là “Thiện Lai”, còn đặc biệt cho nó một nửa bình bát đồ ăn của mình, lại còn thuyết pháp cho Thiện Lai nghe. Sau khi nghe xong, Thiện Lai liền chứng sơ quả, lập tức xuất gia với Đức Phật, sau đó tinh tấn tu hành, đoạn trừ tất cả phiền não, chứng đắc quả A La Hán.

Thế Tôn muốn hiển dương đức hạnh của Thiện Lai, nên dẫn Tăng chúng đi đến làng của Thiện Lai, bảo Thiện Lai hàng phục rồng dữ và khiến cho rồng dữ quy

y tam bảo, thọ trì năm giới. Đức Phật tán thán: “Trong chúng Thanh Văn đệ tử, thì tỳ kheo Thiện Lai là người hàng phục rồng dữ đệ nhất!”

Lúc ấy, những người Bà-la-môn và dân chúng ở gần núi Thất Thu Ma La nơi Thiện Lai sinh sống, nhìn thấy rồng dữ đã bị hàng phục, không còn lo sợ bị làm hại nữa. Họ bày tỏ sự vui sướng và muốn chúc mừng, nên mọi người phấn khởi ùn ùn mang hương hoa và các phẩm vật cúng dường đến trước đức Phật. Sau khi mọi người đánh lễ đức Phật rồi lui ra một bên và nói: “Thế Tôn! Vô cùng may mắn và hạnh phúc vì nhờ vào sức mạnh thần thánh của Người, đã vì mọi người mà diệt trừ con rồng dữ này, chúng tôi muốn cúng dường Người, kính mong Người tiếp nhận sự thỉnh cầu của chúng tôi.

Đức Phật nói với nam nữ cư sĩ Bà-la-môn: “Mọi người nên biết rằng người hàng phục rồng dữ là con của trưởng gia Phù Đồ – đó là thầy Thiện Lai. Thầy ấy đã khiến cho rồng dữ hoàn toàn cải đổi những lỗi lầm trước kia và còn cho nó thọ tam qui ngũ giới, chứ không phải là do thần lực của Tôi. Các người nên đem

những phẩm vật này đến cúng dường thầy Thiện Lai, để tỏ lòng báo đáp ân đức của thầy ấy.

Mọi người nghe theo lời dạy của đức Phật, mang phẩm vật đến nơi thầy Thiện Lai ở, sau khi đánh lễ xong thì nói: “Thánh giả, lòng từ bi to lớn của Thầy làm cho chúng con không còn phải sợ sệt và lo lắng, làm cho những chúng sinh cư trú ở đây đều được an ổn, kính xin Người mở lòng từ bi mà cho chúng con biết Người cần những thứ gì ạ?”

Thầy Thiện Lai trả lời: “Mọi người có thể tùy theo khả năng của mình mà cúng dường Tam bảo.”

Lúc đó, chúng Bà-la-môn thuận theo ý của thầy Thiện Lai, cung thỉnh đức Phật và chúng Tăng tiếp thọ cúng dường ẩm thực trong bảy ngày, đức Phật hoan hỷ tiếp nhận.

Mọi người nhận thấy đức Phật đã đồng ý tiếp nhận sự cúng dường nên vui mừng đánh lễ và lui ra. Đêm hôm ấy, họ chuẩn bị đủ các loại đồ ăn vật uống thượng hạng, và trải những tấm đệm mềm mại. Khi trời vừa sáng, liền cho người đến nơi đức Phật cư ngụ thỉnh cầu: “thời khắc thọ trai đã đến, mọi thứ đã chuẩn bị xong,

kính thỉnh đức Phật và đại chúng đến nơi thọ cúng.”

Vì vậy, Thế Tôn bèn lúc trời vừa rạng sáng dẫn theo Tăng chúng đến nhà thí chủ, các cư sĩ và Bà-la-môn. Khi nhìn thấy đức Phật cùng chúng Tăng đã ngồi xong, mọi người liền dâng lên những món ngon vật lạ cúng dường đức Phật và chúng Tăng. Đợi sau khi mọi người đã dùng xong, họ đến trước đức Phật, cung thỉnh đức Phật khai thị, lắng nghe ý nghĩa thâm sâu vi diệu của Phật pháp. Từ ngày thứ nhất đến ngày thứ bảy đều như vậy.

Có một vị Bà-la-môn, vốn là bạn trước kia của cha thầy Thiện Lai, có khả năng đọc chú thu phục rồng dữ. Nhưng vì con rồng này dữ quá nên sợ, ông ta liền đổi tên họ rồi trốn vào thành Xá Vệ và ở lại trong đó sinh sống.

Lúc bấy giờ, vua Thắng Quang (cũng chính là vua Ba-tư-nặc) phong cho ông ta chức vụ Đại thần chủ tượng (quản lý tất cả những gì có liên quan đến việc huấn luyện voi). Sau đó, ông ta vì một số công việc nên đến chân núi ở quê mình, nghe tin thầy Thiện Lai đã hàng phục được rồng dữ, ông cũng vô cùng vui mừng.

Ông liền đến nơi thầy ấy ở, sau khi đánh lễ xong, nói: “Thánh giả! Chúng tôi vì sợ rỗng dũ, mà rất nhiều người đã lần lược rời bỏ quê hương. Bây giờ nghe nói Thầy đã phát khởi lòng đại từ bi, vì mọi người diệt trừ cái oán thù rỗng dũ này, trong lòng tôi cảm thấy vô cùng hoan hỷ, tôi rất muốn cúng dường Thầy, ngày mai kính thỉnh thầy nhận sự cúng dường của tôi.” Thầy Thiện Lai từ chối, nên Bà-la-môn lại nói: “Nếu như thầy không nhận, kính thỉnh thầy hãy tiếp nhận sự cúng dường của tôi trong ngày đầu tiên thầy về lại thành Vương Xá. Thầy Thiện Lai đã từ bi hoan hỷ tiếp nhận.

Thí chủ ở dưới chân núi cúng dường đức Phật và chúng tăng đã hết bảy ngày, mọi người cùng nhau đánh lễ đức Phật, nghe đức Phật khai thị diễn thuyết diệu pháp. Thế Tôn vì mọi người tuyên thuyết pháp nghĩa, khai thị các pháp thiện thì nên hành trì, pháp không thiện không nên làm, hướng dẫn mọi người xa ác hành thiện, và giải thích lợi ích của việc tu thiện pháp, tùy hỷ tán thán công đức của việc hành thiện. Ngay lúc đó rất nhiều người đoạn trừ nghi hoặc chứng đắc quả thánh.

Đức Phật và chúng Tăng dần dần trở về thành Xá

Vệ, trưởng giả Cấp Cô Độc đến trước đức Phật đánh lễ rồi lui ra ngồi một bên.

Lúc ấy sau khi Thế Tôn thuyết pháp cho Ông nghe xong thì im lặng tịch tĩnh.

Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy thưa rằng: “Thế Tôn! Rất mong ngày mai đức Phật và chúng tăng có thể đến nhà của con, thọ nhận sự cúng dường đạm bạc.” Thế Tôn im lặng biểu hiện sự đồng ý. Trưởng giả vui mừng đánh lễ đức Phật rồi quay về.

Lúc đó, vị Bà-la-môn đại thần chủ tượng đến nơi của thầy Thiện Lai, và nói: “Thánh gia! Trước kia tôi đã từng thỉnh cầu Thầy, nếu như thầy đến thành này, thì Thầy thọ nhận sự cúng dường của tôi trước tiên.”

Thiện Lai bạch với đức Phật, đức Phật nói: “thầy đã nhận lời mời rồi thì nên đi trước để thọ cúng.”

Lúc đó thầy Thiện Lai đi đến nhà người Ba-la-môn. Người Bà-la-môn liền bày lên đủ các loại thức ăn ngon và cung kính thành khẩn cúng dường. Người Ba-la-môn vì muốn giúp cho thầy tiêu hóa tốt, nên sau khi thầy thọ thực xong, ông ta đã bỏ một ít rượu vào trong nước uống của thầy, loại rượu mà đến voi cũng

thích uống.

Thầy Thiện Lai không hề hay biết, nên sau khi uống nước đó xong thì đánh răng súc miệng và ra về. Kết quả khi về được nửa đường thì bị ngất xỉu vì trời quá nóng.

Chư Phật Thế Tôn luôn chánh niệm trong mọi lúc mọi nơi, đức Phật liền biến ra một túp lều ngay nơi Thiện Lai ngất xỉu để che thầy Thiện Lai, nhưng mọi người lại không hề hay biết.

Sau khi Thế Tôn ở nhà ông trưởng giả Cấp Cô Độc dùng cơm, thuyết pháp cho mọi người nghe xong, thì đến nơi thầy Thiện Lai nằm và nói với các vị tỳ kheo: “các Thầy hãy quan sát hành động của thầy Thiện Lai. Thầy ấy trước kia từng hàng phục rồng dữ Am-bà ở núi Giang Trư (cũng chính là núi Thất-thu-ma-la) nhưng bây giờ thì như vậy, đến một con lươn cũng không thể điều phục được. Các vị tỳ kheo nên biết, nếu như uống rượu thì sẽ có những sai lầm lớn như vậy.”

Khi ấy, Thế Tôn đưa hai bàn tay có vô lượng hào quang – bàn tay phước đức thù thắng trang nghiêm, vuốt nhẹ lên đầu thầy Thiện Lai, nói: “Thiện Lai! Vì

sao thầy không quan sát cẩn thận, mà có hậu quả không lường như thế?”

Lúc bấy giờ, thầy Thiên Lai đã bắt đầu tỉnh lại và đi theo đức Phật trở về khu vườn của ngài Cấp-cô-độc. Giống như thường ngày, sau khi rửa chân xong, đức Phật ngồi kiết già và nói với chúng tỳ kheo: “Các thầy nên quán sát thật kỹ, uống rượu sẽ tạo nên rất nhiều tội lỗi.”……

Các vị tỳ kheo nhìn thấy thầy Thiện Lai từng là một người ăn xin lưu lạc đầu đường xó chợ, sau đó nghe Phật thuyết pháp mà chứng quả A-la-hán, lại còn hàng phục được rồng dữ, mọi người đều rất lấy làm lạ, nên thỉnh vấn đức Phật: “Thầy Thiện Lai trong đời quá khứ đã tạo nghiệp gì mà lại được sinh ra trong gia đình giàu có? Sau đó lại trở thành kẻ nghèo cùng khổ, phải làm nghề ăn xin để sống qua ngày, bị người đời gọi là “Ác Lai”, lại còn bị những người bạn ăn xin ném vào đồng phân. Và đã tạo nghiệp gì mà lại được gặp đức thế Tôn, đoạn trừ tất cả phiền não chứng quả A-la-hán?”

Đức Phật nói với chúng tỳ kheo: “Các thầy nên chú ý lắng nghe! Trong đời quá khứ rất lâu về trước, lúc đó

không có Phật ra đời, chỉ có Độc Giác xuất hiện ở thế gian. Độc Giác tuy có lòng thương xót, nhưng không nói pháp. Một hôm, có một vị trưởng giả đến giữa khu vườn hoa, muốn dạo chơi ngắm cảnh. Lúc đó có một vị Độc Giác bị bệnh, vì muốn đi xin thức ăn nên đã ăn mặc rách rưới đi về phía vườn hoa.

Người trưởng giả vừa nhìn thấy người ăn xin liền nổi giận, cảm thấy rất ghớm ghét, không thể chịu được, ra lệnh cho bảo vệ: “Đừng cho đồ ác lai này bước vào vườn hoa.”

Người bảo vệ vì thương cảm Độc Giác nên chần chừ do dự. Trưởng giả thấy bảo vệ không có động tĩnh gì, nên tự mình đi về phía trước nắm lấy cổ áo của Độc Giác tôn giả và dùng sức xô ngài té vào đồng phân, rồi nói: “Tại sao ông không đi làm bạn với những người ăn xin đi?”

Lúc đó, Độc Giác tôn giả vì có lòng thương xót cho người này, liền bay lên không trung giống như thiên nga vương, biến hiện ra 18 loại thần thông biến hóa. Người phàm phu này vừa nhìn thấy Độc Giác hiện thần thông liền cảm thấy vô cùng hối hận. Lúc này nhìn hẳn

ta giống như một cây đại thụ bị ngã vậy; Hấn chỉ dám đứng từ xa mà hướng về phía Độc Giác đánh lễ sám hối, thưa: “Trời ơi! Thiện Lai thánh nhân! Ngài đích thực là phước điền, cầu xin ngài từ trên không trung hạ xuống, thương xót cho tôi - người không có trí tuệ này, hãy chấp nhận sự sám hối của tôi, đừng để tôi bị đọa lạc vĩnh viễn, chịu khổ trầm luân.”

Tôn giả Độc Giác nhìn thấy sự thành tâm, thành ý sám hối của hấn, liền từ không trung giáng xuống mặt đất. Trưởng giả sau khi đánh lễ xong, lập tức chuẩn bị các loại đồ uống ăn tốt nhất và đem hương hoa cúng dường, kiên thành sám hối trừ bỏ ác nghiệp, và phát nguyện lớn: “Nguyện tất cả những vật hiện tại tôi cúng dường, là để gieo trồng phước thiện, trong đời vị lai có thể sinh ra trong gia đình phú quý giàu sang, có thể gặp được bậc thầy tốt nhất, tôi nguyện thọ nhận sự chỉ dạy của ông ta, để được khai ngộ, hướng đến cửa giải thoát, tuyệt đối không lười biếng.”

Các thầy tỳ kheo! Vị trưởng giả lúc đó là thầy Thiện Lai, ông đã từng làm việc ảnh hưởng đến Độc Giác, gọi tôn giả Độc Giác là “Ác Lai”, lại còn xô ngài

té vào đồng phân; bởi vì những hành động như vậy, nên trong năm trăm đời sau thường làm người ăn xin, bị người đời gọi là “Ác Lai”, lại còn bị đồng bọn ném vào trong đồng phân. Cũng bởi vì trong quá khứ cúng dường, phát nguyện nên được sinh ra trong gia đình giàu có, ngày nay có thể trong giáo pháp của ta xuất gia tu hành, đoạn tận phiền não, chứng đắc quả A-la-hán. Các thầy tỳ kheo! Nghiệp do mình tạo ra, tất phải tự mình thọ nhận, quả báo không mất đi bao giờ. Cho nên, các thầy tỳ kheo, khéo tu tập hạnh lành, tuyệt đối không được tạo tác ác nghiệp, phải tu tập như vậy.

Câu chuyện này nhắc nhở chúng ta, nhân quả nghiệp báo đời đời không mất. Nên lưu ý thân, miệng, ý của chính mình. Không nên vì muốn nhanh một tí mà lại khởi tâm sân hận, chửi mắng người khác, phiền lụy chúng sinh. Chỉ cần tạo nhân ác nghiệp, một khi nhân duyên đầy đủ thì sẽ thọ nhận quả khổ.

Thầy Thiện Lai trong đời quá khứ là một vị trưởng giả, bởi vì ngăn cản Độc Giác vào vườn hoa của ông ta, đã mắng Độc Giác là Ác Lai. Kết quả vốn dĩ tên của mình là Thiện Lai thì lại bị gọi là Ác Lai. Lại cũng bởi

vì ông ta đẩy Độc Giác ngã vào trong đồng phân, bảo Độc Giác đi làm bạn với người ăn xin, nên kết quả ác báo lại rơi vào chính bản thân mình, đã bị đọa làm người ăn xin còn bị đám bạn ăn xin ném vào đồng phân.

Nhưng do trong đời quá khứ ông thành tâm thành ý sám hối và cúng dường Độc Giác; lại dũng mãnh phát nguyện hy vọng sau này có thể gặp được bậc thầy tốt nhất, chấp nhận sự dạy dỗ tuyệt đối không lười biếng; chính ông ta cũng từng ở trước mặt đức Phật tu luyện qua Thanh Biển Xứ Quán trong mười biển xứ, cho nên đời này có thể cơ duyên gặp đức Phật.

Tuy nhiên thầy Thiện Lai một đời gian truân lận đận, mới sinh ra thì tài sản gia đình tiêu hao tán tận, cha mẹ mất sớm, đi vào đường cùng lưu lạc làm ăn xin, còn bị những người ăn xin thấp hèn nhất trong xã hội bức hiếp, khinh rẻ; Nhưng khi ông ta gặp được đức Phật, liền nắm bắt lấy cơ duyên hiếm có này tinh tấn tu hành, tiến bộ vượt bậc, trở thành bậc thánh thọ nhận sự cúng dường của trời người. Với nghị lực kiên định và lòng quyết tâm ấy thật khiến người tán thán.

Hiện tại chúng ta có nhân duyên nghe hiểu Phật pháp, hy vọng mọi người nên nắm bắt và quý trọng.

Chúng ta cùng nhau nỗ lực!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 24 tháng 5 năm 2014*

Quan trọng của việc học là hiểu biết, còn thực hành thì đứng đầu

Xin chào quý thầy cô, các Phật tử!

Hôm nay Tôi chia sẻ với quý vị một câu chuyện, câu chuyện này được trích trong kinh “Kinh Pháp Cú Thí Dụ, phẩm Thiên Thuật”, trong “Đại Chánh Tạng” quyển 4 từ trang 588c ~ 589b.

Thời quá khứ, khi đức Phật ở nước Xá Vệ, có một vị lão Tỳ kheo tên Bát Đặc, có kinh dịch là Châu Lợi Bàn Đặc, cũng có kinh dịch là Châu Lợi Bàn Đà Già, trong kinh Pháp Cú Thí Dụ dịch là Bàn Đặc. Khi Bàn Đặc mới xuất gia làm tỳ kheo, do vì tư chất ngu độn, đức Phật bèn phái năm trăm vị A-la-hán chỉ dạy ông ta mỗi ngày. Nhưng trải qua ba năm, Bàn Đặc đến một bài kệ cũng không nhớ được, vì thế bốn chúng đệ tử Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di trong thành Xá Vệ đều biết Bàn Đặc vô cùng ngu đần.

Đức Phật từ bi thương cảm Bàn Đặc không có cách gì học thuộc lòng được, nên gọi Bàn Đặc đến, đức Phật đích thân dạy cho ông ta một bài kệ: “Giữ tìn thân

miệng ý, hành giả vượt qua đời.” Nghĩa là chúng ta nên giữ gìn miệng của mình cho tốt, nên nhiếp tâm, thân không nên tạo tác ác nghiệp, nếu có thể làm đúng như thế, thì có thể vượt ra khỏi thế gian.

Khi ấy, Bàn Đạc tràn ngập lòng cảm ơn với sự từ bi của đức Phật, vô cùng vui mừng thích thú, sẽ học thuộc bài kệ này và hằng ngày luôn miệng đọc tụng.

Đức Phật nói với Bàn Đạc: “Tuổi của ông cũng lớn rồi, mà mới học thuộc có bài kệ này, bài này mọi người đều biết, không có gì lấy làm lạ, bây giờ Tôi sẽ giải thích ý nghĩa bài kệ này cho ông, ông nên chuyên tâm lắng nghe.

Sau khi Bàn Đạc tiếp nhận lời chỉ dạy của đức Phật xong thì chuyên tâm lắng nghe, đức Phật nói với Bàn Đạc về: mười bất thiện, ba loại nghiệp của thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm; Bốn bất thiện nghiệp của miệng là vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói thêu dệt; ba bất thiện nghiệp của ý là tham dục, sân hận và tà kiến. Đức Phật nói nguyên do tạo nên mười bất thiện nghiệp cho ông ta nghe, muốn Bàn Đạc quan sát nhân duyên sinh khởi của nó, và cẩn thận chú ý xem làm thế nào mới

tiêu diệt được nó. Chúng sinh không ngừng bị luân hồi trong ba cõi năm đường, đều do sự tạo tác của ba nghiệp thân, khẩu, ý, có người xa rời được mười loại ác hạnh này mà được sinh thiên. Có người vì tạo tác mười ác nghiệp này mà bị đọa xuống ba đường ác. Nếu có thể tịnh hóa thân khẩu ý, thì có thể ngộ đạo, tự nhiên chứng đắc Niết bàn tịch tĩnh.

Khi đức Phật giảng dạy vô lượng diệu pháp này cho Bàn Đặc, đột nhiên Bàn Đặc khai ngộ, ngay lúc đó chứng đắc A la hán quả.

Khi ấy, ở tịnh xá khác có năm trăm tỳ kheo ni đang cư ngụ, mỗi ngày đức Phật đều cử một vị tỳ kheo đến đó thuyết pháp cho họ, đức Phật nói: “Ngày mai đến lượt Bàn Đặc đi thuyết pháp cho chúng tỳ kheo ni.”

Các vị tỳ kheo ni sau khi nghe tin này thì cười bảo nhau: “Thầy Bàn Đặc chỉ biết có một bài kệ, ngày mai khi thầy ấy đến, chúng ta sẽ nói bài kệ này với thầy ấy trước, làm cho thầy ấy xấu hổ nói không ra lời.”

Ngày sau, Bàn Đặc đi đến tịnh xá của chúng tỳ kheo ni, tất cả các vị tỳ kheo ni đều ra làm lễ, họ nháy mắt nhìn nhau ám hiệu cười thầm. Bàn Đặc ngồi xuống,

các vị tỳ kheo ni chuẩn bị đồ ẩm thực cúng dường thầy, đợi thầy Bàn Đạc dùng cơm và rửa tay xong liền thỉnh thầy thuyết pháp cho mọi người.

Lúc đó, Bàn Đạc ngồi lên tòa cao, trước tiên bản thân cảm thấy rất hổ thẹn, nên khiêm nhường nói: “Tôi là người phước đức kém cỏi, không có tài cán gì, tuổi lớn rồi mới đi tu, tư chất vốn dĩ ngu muội, học không được nhiều, chỉ biết một bài kệ, hiểu sơ lược về ý nghĩa của nó, bây giờ sẽ giảng giải cho mọi người, và cũng mời mọi người im lặng lắng nghe

Lúc bấy giờ có mấy vị tỳ kheo ni trẻ tuổi vốn định tranh đọc bài kệ trước, nhưng lại không có cách nào mở miệng được, trong lòng cảm thấy vô cùng lo sợ, tự dằn vò và trách mình, sau đó liền đánh lễ Bàn Đạc, sám hối lỗi lầm của mình.

Bàn Đạc căn cứ theo lời đức Phật dạy, giảng giải ba nghiệp của thân, miệng, ý và do sự tạo tác của thân, miệng, ý mà thọ nhận tội báo hay phước đức. Thí dụ như tư chất bên trong của mỗi người thông minh hay ngu muội. Tướng mạo bên ngoài đẹp hay xấu, tất cả đều có liên quan đến sự tạo nghiệp của chúng ta; Nếu

ba nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh thì có thể được sinh lên trời, thậm chí còn có thể đắc đạo. Bàn Đặc còn giảng giải cho chúng tỳ kheo ni về phương pháp tập trung tinh thần đoạn trừ phiền não và phương pháp nhập định v.v..

Lúc đó, chúng tỳ kheo ni nghe xong cảm thấy vô cùng đặc biệt, bất khả tư nghì, mọi người đều rất vui mừng, liền chứng quả A la hán.

Sau đó có một ngày, vua Ba-tư-nặc cung thỉnh đức Phật và chúng Tăng đến cung điện để cúng dường. Đức Phật muốn cho Bàn Đặc thể hiện uy đức thần lực, nên bảo Bàn Đặc cầm bình bát của đức Phật và đi theo sau lưng đức Phật.

Các binh sĩ gác ở cổng thành nhận ra Bàn Đặc, nên họ liền ngăn cản không cho tỳ kheo Bàn Đặc vào thành. Binh sĩ nói: “Ông là người tu hành, nhưng đến một bài kệ cũng không hiểu được, thì tại sao lại dám đến nhận sự cúng dường của đức vua? Tuy tôi là một người thế tục bình thường, nhưng ít nhất cũng biết được vài bài kinh kệ, huống chi ông là người tu, vậy mà đến một chút trí tuệ cũng không có, bố thí cho ông thì có lợi ích

gi chứ? Ông không cần phải vào đâu!” Bàn Đặc nghe xong chỉ còn cách đứng đợi ở bên ngoài cổng.

Đức Phật đã rửa tay xong ngồi giữa cung điện, chuẩn bị tiếp nhận sự cúng dường. Bình bát của đức Phật đâu rồi? Bàn Đặc liền từ phía xa ở ngoài cổng hoá cánh tay dài đưa bình bát đến trước đức Phật.

Quốc vương và các đại thần, phu nhân, thái tử với bốn chúng đệ tử đức Phật tham dự pháp hội gồm tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nhìn thấy một cánh tay dài nhưng không thấy người đâu cả, cảm thấy rất kỳ lạ, nên thỉnh vấn đức Phật “Thưa đây là tay của ai vậy ạ?”

Đức Phật nói: “Đây là cánh tay của thầy Bàn Đặc, thầy ấy gần đây mới chúng đắc quả A la hán. Vừa rồi Ta bảo thầy ấy cầm bình bát cho Ta, nhưng lính gác không cho vào, cho nên thầy ấy đành phải đưa tay từ ngoài cổng vào.”

Quốc vương lập tức phái người cung thỉnh Bàn Đặc vào trong cung điện, lúc ấy Bàn Đặc uy đức trang nghiêm không giống mọi khi.

Quốc vương thưa với đức Phật: “Tùng nghe thầy

Bàn Đặc tư chất ngu độn, chỉ biết một bài kệ, vì nhân duyên gì mà thầy ấy chứng đắc được đạo quả vậy?”

Đức Phật nói với quốc vương: “Học thức không cần nhiều, quan trọng là học phải biết thực hành. Bàn Đặc tuy chỉ hiểu được ý nghĩa của một bài kệ, nhưng thầy ấy tinh thông nghĩa lý, thấu hiểu sâu sắc nghĩa lý cốt yếu vi diệu của nó, thân, miệng và ý của thầy ấy vô cùng thanh tịnh, giống như vàng vậy. Có người tuy học được rất nhiều, nhưng lại không hiểu nghĩa lý, mà cũng không nỗ lực thực hành, chỉ hao phí tâm lực một cách vô ích. Như vậy thì có được lợi ích gì chứ?”

Lúc đó, Thế Tôn lại thuyết thêm một bài kệ, đại ý như sau:

“Tuy đọc tụng trăm ngàn bài kệ, nhưng nếu như không thể hiểu được ý nghĩa chính xác, thì không bằng nghe một câu quan trọng và hiểu một cách sâu sắc ý nghĩa của nó, để dựa vào đó mà có thể dứt trừ các ác niệm.”

Cho dù đọc tụng trăm ngàn bài kệ, nếu không hiểu được nghĩa chân chánh của nó thì có lợi ích gì chứ? Không bằng nghe một câu có ý nghĩa quan trọng và

siêng năng thực hành, để độ thoát biển khổ và được giải thoát.

Tuy đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng nếu không hiểu biết ý nghĩa của Kinh thì có giúp ích gì chứ? Nếu như có thể hiểu được ý nghĩa của một câu giáo pháp, và thực hành một cách chính xác thì có thể đắc đạo.”

Sau khi đức Phật nói bài kệ này xong, ba trăm vị tỷ kheo chúng đắc quả A la hán, quốc vương, phu nhân, thái tử đều rất vui mừng.

Câu chuyện này là muốn nói đến, khi nghe Phật pháp hay đọc tụng kinh điển, điều quan trọng là phải hiểu nghĩa và thực hành một cách đúng đắn. Bàn Đặc tuy trí nhớ không tốt, chỉ nhớ một bài kệ, nhưng thầy ấy có thể quan sát được nhân duyên sinh khởi của các phiền não tham, sân và si, lại còn quan sát một cách tinh tế rằng: làm thế nào để những phiền não đó mất đi, và cuối cùng thì chấm dứt vọng niệm, thân miệng ý thanh tịnh, dứt sạch phiền não và chúng đắc quả A la hán.

Chúng ta nên thức tỉnh lại chính mình. Ai là người có trí nhớ kém hơn thầy Bàn Đặc đâu? Chắc chắn là

không rồi! Nhưng chúng ta đã từng để tâm quan sát qua chưa: Tham, sân, si tại sao lại sinh khởi? Tại sao cứ hết lần này đến lần khác lại phạm những sai lầm giống nhau? Tuy muốn đoạn trừ phiền não, nhưng ý chí lại không kiên định, không thể quán triệt từ đầu đến cuối. Kết quả thì không những chính mình đau khổ, còn đem lại cho người khác những phiền não rất lớn.

Đức Phật nói: “Tuy tụng nhiều kinh, nếu không hiểu biết ý nghĩa của kinh thì có ích gì đâu?” Nhưng không thể nói chỉ cần niệm một danh hiệu Phật, hoặc thuộc một bài kệ là được. Chúng ta nên thường nghe chánh pháp, đặt biệt là phải hiểu một cách chân chánh, thực hành, không những bản thân được giải thoát, cũng có thể đem những gì mình học được làm phương tiện hóa độ chúng sinh. Nếu như không thường nghe hiểu Phật pháp, làm sao có thể phân biệt thiện ác? Thì làm sao có thể tăng trưởng trí tuệ?

Những điều trên là muốn khỉnh lệ mọi người!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 30 tháng 11 năm 2013*

Truyện Bồ tát Long Thọ

Xin chào quý thầy cô, quý Phật tử!

Hôm nay chia sẻ với mọi người một câu chuyện trong kinh Phật, câu chuyện này xuất xứ từ Đại Tạng Kinh cuốn 50 trang 184a và 185b.

Bồ tát Long Thọ xuất thân từ miền nam Ấn Độ dòng Bà la môn, bẩm sinh tính vô cùng thông minh, bất kỳ chuyện gì chỉ cần nói với ông ta một lần là thông suốt, không cần phải nói lại. Lúc nhỏ, khi còn bú sữa mẹ, nghe Bà la môn đọc bốn cuốn kinh Vệ đà, mỗi cuốn có bốn mươi ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi hai chữ, toàn bộ ông đều thuộc lòng, không những thế mà lại còn hiểu rõ nghĩa lý của kinh. Đến hai mươi tuổi thì nổi tiếng khắp nơi, các nước ở vùng Nam Ấn không có người nào có thể so sánh với Long Thọ, bất luận là thiên văn, địa lý, bói toán, cho đến các loại đạo thuật khác, loại nào là cũng am hiểu tường tận.

Ông có ba người bạn tâm đầu ý hợp đều là thanh niên anh tuấn. Có một hôm, họ cùng nhau thảo luận đến việc: “Những đạo lý có thể làm khai mở tâm trí, hiểu

sâu sắc trong thế gian, thì chúng ta đều biết cả rồi, bây giờ có việc gì mới có thể làm cho chúng ta vui được đây? Được hưởng tận cùng của thọ dục lạc của con người mới là chuyện vui nhất của cuộc đời. Nhưng các Bà la môn, người tu hành, không có quyền thế của quốc vương, đại thần, thì làm sao có được những thú vui ấy đây? Duy nhất chỉ có thuật tàng hình mới có thể thực hành được việc khoái lạc ấy.” Bốn người họ đưa mắt nhìn nhau, tình ý tương đồng, không có người phản đối, nên cùng nhau đi tìm người biết pháp thuật, học thuật ẩn thân.

Thầy pháp thuật nghĩ bụng: “Bốn vị Bà la môn này hiện nay là người rất nổi tiếng, coi người khác giống như cỏ rác, bây giờ vì muốn học thuật ẩn mình, nên mới tự hạ mình đến tìm ta. Mấy người này thông minh tuyệt đỉnh, chỉ có loại pháp thuật thô bỉ này là chưa biết mà thôi, nếu như ta truyền cho họ, một khi họ học hết rồi thì sẽ bỏ ta mà đi, không cần phải hạ mình với ta nữa. Cho nên ta cho họ một ít thuốc để sử dụng trước, đợi khi nào thuốc hết hiệu lực, họ nhất định sẽ trở lại tìm ta, như vậy thì có thể làm cho họ vĩnh viễn tôn ta

làm thầy rồi.”

Nghi thế, nên thầy pháp thuật cho họ mỗi người một viên thuốc màu xanh, và nói với họ: “Các người hãy tìm một nơi yên tĩnh, lấy một ít nước rồi mài viên thuốc thành bột, sau đó bôi lên mặt mũi thì có thể ẩn hình được rồi, không có người nào có thể nhìn thấy các người.”

Khi Long Thọ mài thuốc, vừa ngửi được mùi của thuốc, lập tức liền nhận ra được thành phần và tỉ lệ pha thuốc, cho dù thành phần của thuốc rất ít. Long Thọ liền trở về nói với thầy thuốc, viên thuốc vừa rồi có bảy mươi loại thành phần, tỉ lệ trộn các loại đó là bao nhiêu bao nhiêu v.v.. Việc pha chế thuốc này của thầy hoàn toàn phù hợp.

Thầy thuốc hỏi: “Người làm sao mà biết được?”

Long Thọ đáp: “Vốn dĩ thuốc có mùi vị, làm sao mà không biết được.”

Thầy thuốc vô cùng khen ngợi, khâm phục: “Người thông minh giống như vậy thì nghe biết đến còn khó nữa, chứ nói chi đến việc có thể gặp mặt! Là thầy pháp thuật thô bỉ giống như tôi đây, thì có gì đáng để keo kiệt,

tiếc nuôi đâu?” Vì thế, nên đem hết thuật tàng hình không chút hỏi tiếc truyền trao cho họ.

Sau khi họ học được thuật tàng hình, nên không còn ngại ngùng gì, thích gì thì làm, thường lẫn vào trong cung. Những người đẹp trong cung đều bị họ xâm phạm, ức hiếp, sau đó trong cung có người vì thế mà mang thai. Cứ như vậy, trải qua hơn một trăm ngày, mọi người đều rất sợ hãi, lo lắng, chỉ biết trình báo sự thật lên quốc vương, hi vọng đức vua miễn tội cho. Vua nghe rồi vô cùng tức giận: “Có vật gì không tốt đang quấy rối ở đây? Tại sao lại như vậy chứ?”

Nhà vua triệu tập tất cả các đại thần thông minh, nhiều mưu trí lại, thảo luận việc này. Có vị lão thần nói: “Tình hình này, có hai khả năng: một loại là ma quỷ, hai là pháp thuật. Có thể cử người rải hạt cát nhỏ ở tất cả các cửa ra vào, ra lệnh cho lính canh cửa, cấm người ra vào. Nếu như có người sử dụng pháp thuật, thì dấu chân của họ sẽ hiện trên cát, thì có thể sai lính chém chết. Nếu như ma quỷ đi vào thì không có dấu chân, thì có thể dùng pháp thuật trừ diệt.”

Nhà vua liền cử người gác cửa làm theo lời của

vị lão thần, chuẩn bị tất cả mọi thứ xem sao. Không bao lâu, lính gác nhìn thấy dấu chân của bốn người, liền đi bẩm báo lên nhà vua. Nhà vua liền dẫn theo mấy trăm vệ sĩ vào cung điện, đóng hết tất cả các cửa ra vào, lệnh cho lục sĩ dùng kiếm chém túi bụi vào không trung, ba người liền bị chém chết; chỉ còn lại Long Thọ cẩn thận nín thở trốn vào chỗ của nhà vua, nơi cách đầu nhà vua 2~3m, đao chém không đến được.

Lúc bấy giờ, Long Thọ mới nhận thức sâu sắc rằng dục vọng chính là cội nguồn của đau khổ, là nguồn gốc của tất cả tai họa, làm bại hoại đạo đức, nguy hại đến tính mạng, tất cả đều bởi vì tham dục gây ra, nên ông ta lập tức lập lời thề: “Nếu như ta có thể thoát khỏi kiếp nạn này, nhất định đi bái kiến sa môn, cầu pháp xuất gia.” Sau khi trốn thoát thuận lợi, Long Thọ liền vào trong núi sâu, đến một ngôi chùa, thỉnh cầu xuất gia thọ giới. Chỉ trong chín mươi ngày, Ông ta đọc hết toàn bộ Tam tạng kinh, luật, luận, lại còn muốn tìm thêm những kinh khác, nhưng khắp nơi đều tìm không thấy.

Vì thế, Long Thọ liền đến núi tuyết. Trong núi có một ngôi chùa, ở đó có một vị tỳ kheo lớn tuổi cho ông

ta rất nhiều kinh điển đại thừa. Long Thọ đọc tụng vô cùng thích thú. Tuy biết rằng sự chỉ dạy trong kinh rất có đạo lý, nhưng Ông vẫn không thể nào thấu triệt được. Ông lại chu du khắp các nước hy vọng muốn tìm thêm nhiều kinh điển nữa. Nhưng trong cõi Nam diêm phù đề đều tìm không thấy. Vào trong thời điểm đó, quan điểm của sa môn và luận sư ngoại đạo đều bị Long Thọ thu phục.

Có một vị đệ tử ngoại đạo nói với Long Thọ: “Thầy là người có tất cả trí tuệ, bây giờ vẫn còn làm đệ tử Phật sao. Làm đệ tử của người ta là vì chỗ học còn chưa đủ, người có lẽ vẫn chưa đủ phải không? Nếu có một việc không biết thì không thể gọi là người có tất cả trí tuệ được.”

Long Thọ nhất thời không trả lời được, trong lòng cảm thấy hổ thẹn, nên khởi tâm tà mạn, rồi thâm nghĩ: “Pháp trong thế giới có rất nhiều loại, kinh Phật tuy vi diệu, nhưng lấy lý lại suy diễn thì có chỗ vẫn chưa viên mãn. Nơi không viên mãn có thể dùng suy luận lại lý giải, dùng phương pháp này để hướng dẫn hậu học, không trái với đạo lý, như vậy thì không có lỗi lầm thì

có làm sao đâu?”

Sau khi nghĩ như vậy xong thì muốn hành động ngay, lấy bản thân làm tổ sư, lập ra kinh pháp, giới luật, sửa đổi trang phục, có một tí khác với Phật giáo, để cho mọi người không sinh lòng nghi ngờ, để biểu hiện không phải tiếp nhận sự chỉ dạy của Phật giáo truyền thống. Ông đã định mặc tăng phục theo kiểu mới chọn ngày truyền thọ giới luật cho đệ tử. Ngồi tĩnh tọa tư duy một mình trong nhà thủy tinh.

Bồ tát Đại Long thấy tình hình như vậy, vì lòng thương xót trân quý Long Thọ, mà dẫn Long Thọ vào biển lớn. Vào trong cung điện mở bảy ngói bảo tạng, lấy ra bảy hộp kinh rất đẹp, tức kinh đại thừa Phương Đẳng và rất nhiều kinh đại thừa vi diệu khác, truyền vô lượng diệu pháp cho Long Thọ. Long Thọ đọc tụng thọ trì chín mươi ngày, lý giải dung thông rất nhiều đạo lý, thâm nhập kinh tạng thể hội rất nhiều lợi ích của pháp tạng. Đại Long bồ tát biết được tâm niệm của Long Thọ, nên hỏi: “đọc hết kinh điển rồi sao?”

Long Thọ trả lời: “trong hộp kinh của Ngài có quá nhiều kinh, đếm cũng đếm không hết, tôi ở đây đọc

được nhiều hơn gấp mười lần ở Diêm phù đề rồi.”

Bồ tát Đại Long nói: “Kinh điển rất nhiều như trong cung của ta, ở những nơi khác cũng nhiều đếm không xuể.”

Long Thọ có được Kinh điển Đại thừa nhiều như vậy (có thuyết nói được một thùng lớn Kinh điển Đại thừa), thông đạt thật tướng của các pháp (nhất tướng cũng chính là vô tướng), thâm nhập vô sinh, đầy đủ hai loại chúng sinh nhân và vô sinh pháp nhân; Bồ tát Đại Long tiền Bồ tát Long Thọ trở về Nam Ấn Độ, hoằng dương Phật pháp, hàng phục ngoại đạo, làm rõ Đại thừa, trước tác luận điển cả 100 ngàn bài kệ. Trước tác 5000 bài kệ “Luận Trang Nghiêm Phật Đạo”, 5000 bài kệ “Luận Đại Từ Phương Tiện”, 500 bài kệ “Trung Luận”, và trước tác 100 ngàn bài kệ “Luận Vô Úy” bao gồm cả “Trung Luận”, làm cho giáo pháp Đại thừa được tuyên dương lưu hành phổ biến tại Ấn Độ,

Đương thời, có một vị Bà La Môn am tường chú thuật, muốn tranh tài cao thấp với Long Thọ, nên thưa với nhà vua: “Tôi có thể hàng phục được thầy này, xin Quốc Vương chứng giám”.

Quốc vương trả lời: “Ông là kẻ đại ngu si! Sự thánh minh của vị Bồ tát này sánh ngang mặt trời mặt trăng; Trí tuệ cùng tâm của hàng thánh giả chiếu sáng thế gian. Lời ông nói ra sao mà ngạo mạn, thiếu khiêm nhường, lại dám không cung kính Bồ tát!”

Bà La Môn thưa: “Quốc Vương là người trí tuệ, tại sao ngài không dùng sự thật để kiểm chứng, mà lại chê trách tôi?”

Nhà vua cảm thấy Bà La Môn nói có lý, nên thỉnh Long Thọ cùng ngồi trong đại điện nơi xử lý triều chính. Bà La Môn sau đó đến trước cung điện, dùng chú thuật biến hóa một cái hồ trong sạch rộng lớn có một đóa hoa sen ngàn cánh, rồi ông ngồi trên đóa hoa đó, ngạo mạn nói với Long Thọ: “Ông ngồi dưới đất thì có khác gì hàng súc sinh? Vậy mà còn can đảm đối kháng luận nghị với người có đại đức đại trí tuệ ngồi trên đóa sen thanh tịnh này hay sao?”

Lúc đó, Long Thọ cũng dùng chú thuật biến hóa voi trắng sáu ngà, đi vào hồ nước đến trước tòa sen, dùng vòi cuốn lấy Bà la môn ngồi trên cao quẳng xuống đất. Bà La Môn bị thương ở lưng và lập tức quy thuận, dập

đầu lễ lạy Long Thọ: “Tôi không tự biết sức mình, làm ô nhục Đại sư, hy vọng Ngài thương xót tôi, tiếp nhận tôi, vì người ngu muội như tôi mà chỉ bày trí tuệ.”

Đương thời vị vua thống lĩnh các nước Nam Ấn Độ tín phụng tà đạo, không thấy có người nào là đệ tử xuất gia của đức Phật, toàn quốc từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài đều bị tà giáo ảnh hưởng.

Long Thọ trong lòng nghĩ: “Nếu như không giáo hóa vị Quốc Vương trước, thì chính pháp không có cách nào thực thi được. Cũng giống như nếu như không chặt tận gốc, thì cành lá làm sao đổ ngã được..”

Nhà vua quản lý quốc gia này bằng cách là bỏ tiền ra thuê cảnh vệ đảm nhiệm việc canh gác cung điện. Vì thế Long Thọ cũng đi xin vào làm việc với chức trách đứng đầu thủ vệ. Long Thọ mang mâu cầm kích đi trước chĩnh đốn, điều động quân lính. Phương pháp của Ngài không cần khuếch trương oai lực, không cần ban bố những mệnh lệnh nhưng họ vẫn phục tùng Ngài, cho nên pháp lệnh được thực thi một cách hiệu quả;

Nhà vua biết được tình hình này nên rất vui vẻ, liền

hỏi: “Người đó là ai?”

Người hầu cận trả lời: “Ông ấy là người trúng tuyển trong lúc chiêu mộ quân lính, lại không nhận lương thực của vua, cũng không nhận quân lương; làm việc thì chăm chỉ có trách nhiệm, còn đối với công việc thì rất nghiêm chỉnh điều luyện, thần không biết là ông ấy vì điều gì mà đến đây?”

Vì thế, nhà vua triệu kiến Ông, và hỏi: “Khanh là ai?”

Long Thọ trả lời: “Tôi là người nhất thiết trí!”

Nhà vua nghe xong rất làm kinh ngạc hỏi: “người nhất thiết trí rất lâu mới xuất hiện một vị, còn ông nói tự mình là người nhất thiết trí, thế thì làm cách nào để kiểm chứng điều ông nói là thật?”

Long Thọ trả lời: “muốn biết trí tuệ của tôi, thì vua có thể kiểm chứng bằng lời nói của tôi mà biết được. Nhà vua cứ hỏi tôi! Hỏi bất kì vấn đề gì!”

Trong lòng nhà vua nghĩ: “Ta là người quân chủ có trí tuệ nhất, là đại luận nghị sư, nếu như câu hỏi ta thắng được ông ấy, khiến ông ấy khâm phục, thì cũng không có gì đáng để khen ngợi; Còn lỡ như ta không

bằng Long Thọ, thì điều này lại là chuyện lớn. Nhưng giả như ta không đưa ra câu hỏi, thì khác gì tự thừa nhận mình thua rồi.” Nhà vua do dự hồi lâu, cuối cùng bất đắc dĩ mới đưa ra câu hỏi: “Hiện tại thiên thần trên trời đang làm gì?”

Long Thọ trả lời: “hiện tại thiên thần và A tu la đang giao chiến.”

Nhà vua nghe xong câu trả lời thì giống như mình mắc nghẹn, nuốt không được nữa cũng không xong. Vua muốn phủ định câu trả lời, nhưng không có bằng chứng, lại cũng muốn khẳng định Long Thọ trả lời đúng, nhưng lại không có gì để chứng minh. Đọc được suy nghĩ của nhà vua, Long Thọ nói tiếp: “Đây là câu trả lời không phải vì để muốn thắng thua, xin nhà vua đừng nóng lòng, không lâu sau sẽ có bằng chứng.” Long Thọ vừa dứt lời, thì các loại binh khí bị gãy vụn từ trên trời rơi xuống đất.

Nhà vua nói: “đúng là đao, kiếm, mâu, kích là những binh khí phục vụ chiến tranh, nhưng Ông lấy gì để khẳng định là thiên thần với A tu la giao chiến với nhau?”

Long Thọ nói: “lời nói của tôi, nhà vua cho rằng không thật, không thể chứng minh được; Vậy thì tôi sẽ dùng sự thật để chứng minh vậy!” Vừa dứt lời, thì tay, chân, móng vuốt, tai, mũi v.v.. từ trên không trung rơi xuống.

Long Thọ lại làm cho bầu trời trong xanh, để nhà vua, đại thần và nhân dân cùng Bà la môn thấy ở trên không trung hai bên đang chiến đấu rất rõ ràng. Lúc này nhà vua đỉnh lễ Long Thọ, cam tâm tình nguyện nhận sự giáo hóa của Ngài. Trong đại điện có ngàn vạn Bà la môn đều cạo bỏ râu tóc xuất gia thọ giới.

Đương thời, có một vị thầy theo Tiểu thừa sinh lòng đố kỵ với Long Thọ. Khi Long Thọ sắp lìa trần đã hỏi vị ấy: “ông có mong muốn tôi ở lại lâu dài với thế gian không?”

Vị thầy theo Tiểu thừa trả lời: “thật ra tôi không hy vọng điều đó.”

Thế là, Long Thọ về căn phòng yên tĩnh, sau đó nhiều ngày nhưng không thấy Ngài đi ra khỏi phòng. Đệ tử phá cửa vào xem, thì thấy Long Thọ đã nhập diệt từ lâu.

Từ khi Long Thọ nhập diệt đến đây đã hơn 100 năm rồi (Ngài Cưu Ma La Thập nghe từ các vị thầy kể về truyện Bồ tát Long Thọ), các quốc gia ở Nam Ấn lập miếu thờ Long Thọ như phụng thờ đức Phật. Thân mẫu của ngài sinh ngài ở dưới gốc cây, vì thế đặt tên Ngài là A Châu Đà Na, dịch nghĩa là “Thọ”; còn do vì Bồ tát Đại Long đã làm cho Ngài đạt được vô sinh pháp nhẫn, nên Ngài lấy chữ “Long”, kết hợp thành Long Thọ.

“Truyện Bồ tát Long Thọ” là do pháp sư Cưu Ma La Thập kể khi được nghe từ các vị thầy truyền đạt lại, và được đệ tử của ngài ghi chép thành. Ngài Ấn Thuận nói tuy là ở trong nội dung có tính thần thoại, nhưng Cưu Ma La Thập là người cách cuộc đời của Long Thọ gần nhất, nên điều được thuật lại có lẽ là chon thật hơn. Chúng ta có thể biết được Bồ tát Long Thọ rất là thông minh, Sau khi Long Thọ học được phép tàng hình rồi làm nhiều loạn hậu cung, xuýt một chút mất mạng, cuối cùng ngộ được “tham dục là nguồn khổ, gốc rễ của tai họa, bại hoại đạo đức nguy hiểm tính mạng, đều do đây mà ra”. Vui mừng vì cuối cùng ngài xuất gia, nên bây giờ chúng ta mới có cơ hội tiếp xúc

với trước tác “Trung Luận”, “Đại Trí Độ Luận”.

Những điều trên khích lệ với mọi người!

*Phúc Nghiêm, lớp giáo dục mở rộng,
ngày 20 tháng 12 năm 2014*